

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

VŨ MẠNH HÙNG

**CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ
TRONG NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội – năm 2020

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

VŨ MẠNH HÙNG

**CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC
XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM**

Ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 9 31 01 10

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. TS. NGUYỄN MINH TÚ**
- 2. TS. TRẦN KIM HÀO**

Hà Nội - năm 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả cam kết luận án là công trình nghiên cứu của riêng tác giả, dưới sự hướng dẫn khoa học của các thầy hướng dẫn và các nhà khoa học trong và ngoài Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. Thông tin, số liệu sử dụng trong luận án là trung thực và được trích dẫn rõ nguồn gốc. Kết quả nghiên cứu trong luận án chưa từng được sử dụng để bảo vệ lấy một học vị hoặc một đề tài nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Tác giả luận án

Vũ Mạnh Hùng

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian thực hiện công trình nghiên cứu, tôi đã nhận được nhiều sự giúp đỡ, đóng góp ý kiến và chỉ bảo tận tình của các Thầy, Cô, bạn bè đồng nghiệp và các cơ quan.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và các cơ quan hữu quan đã tạo điều kiện cho tôi hoàn thành luận án tiến sĩ này.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến tập thể giáo viên hướng dẫn là TS. Nguyễn Minh Tú và TS. Trần Kim Hào; các thầy đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thành luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn đến các Thầy, Cô, cán bộ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; các cán bộ của Viện Phát triển kinh tế hợp tác và một số cơ quan thuộc Bộ NN&PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận án.

Tôi xin cảm ơn Lãnh đạo Vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Kinh tế Trung ương và các đồng nghiệp đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong thời gian thực hiện luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện và ủy viên hội đồng đã dành thời gian quý báu để đọc và tham gia hội đồng đánh giá luận án này.

Đặc biệt, tôi xin tỏ lòng biết ơn gia đình nội, ngoại, vợ, con tôi và bạn bè đã động viên, cổ vũ, khích lệ trong suốt quá trình thực hiện luận án.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG	vii
DANH MỤC HÌNH ẢNH, ĐỒ THỊ	ix
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề tài luận án	1
2.1. Về mặt học thuật, lý luận	4
2.2. Về những phát hiện, đề xuất mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu của luận án	4
3. Kết cấu đề tài luận án	4
Chương 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN	5
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến nội dung luận án	5
1.1.1. Các công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp.....	5
1.1.2. Các công trình đã công bố ở trong nước về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	9
1.1.3. Khoảng trống trong nghiên cứu về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	16
1.2. Hướng nghiên cứu của luận án	16
1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu.....	16
1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu.....	17
1.2.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án	17

1.2.4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	18
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP	26
2.1. Cơ sở lý luận về hợp tác xã trong nông nghiệp	26
2.1.1. Khái niệm hợp tác xã trong nông nghiệp	26
2.1.2. Phân loại hợp tác xã trong nông nghiệp	28
2.1.3. Vị trí, vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.....	29
2.2. Cơ sở lý luận về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	32
2.2.1. Khái niệm chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	32
2.2.2. Khung chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	35
2.2.3. Các yếu tố cấu thành chính sách phát triển hợp tác xã.....	36
2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	39
2.2.5. Các tiêu chí đánh giá chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp ..	40
2.3. Kinh nghiệm một số nước về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	43
2.3.1. Kinh nghiệm một số nước chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	43
2.3.2. Bài học cho xây dựng chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp ở Việt Nam	52
Chương 3: THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM	54
3.1. Thực trạng phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp ở Việt Nam	54

3.1.1. Số lượng hợp tác xã trong nông nghiệp.....	54
3.1.2. Tình hình biến động số lượng hợp tác xã trong nông nghiệp.....	57
3.1.3. Hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã trong nông nghiệp	60
3.2. Thực trạng hoạch định chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam.....	64
3.2.1. Số lượng chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp được ban hành	64
3.2.2. Mục tiêu chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp.....	66
3.2.3. Nội dung chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	66
3.3. Thực trạng tổ chức thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam.....	70
3.3.1. Bộ máy thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	70
3.3.2. Kết quả tổ chức thực hiện các chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	77
3.4. Đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp	99
3.4.1. Đánh giá khâu hoạch định chính sách	99
3.4.2. Đánh giá về khâu tổ chức thực hiện chính sách	101
3.4.3. Đánh giá mức độ tác động của chính sách	104
3.4.4. Đánh giá nhu cầu hỗ trợ chính sách thực tế của hợp tác xã trong nông nghiệp và những yếu tố chính sách mà các tổ chức trá hình hợp tác xã trong nông nghiệp muốn hưởng lợi.....	105
3.5. Đánh giá chung về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam.....	108

3.5.1. Những thành quả đạt được.....	108
3.5.2. Những hạn chế, yếu kém	109
3.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế và yếu kém	114
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN TỚI.....	119
4.1. Bối cảnh và định hướng phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	119
4.2. Mục tiêu và phương hướng hoàn thiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam đến năm 2030	122
4.2.1. Mục tiêu hoàn thiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam đến năm 2030.....	122
4.2.2. Phương hướng hoàn thiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam đến năm 2030	122
4.3. Các giải pháp hoàn thiện và thực thi chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam đến năm 2030	124
4.3.1. Nhóm giải pháp trong khâu hoạch định chính sách	124
4.3.2. Nhóm giải pháp trong khâu tổ chức thực hiện chính sách.....	126
4.4. Một số kiến nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước.....	131
4.4.1. Kiến nghị Quốc hội	131
4.4.2. Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng, các bộ ngành, địa phương liên quan.....	131
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	133
1. Kết luận	133

2. Những hạn chế của luận án	134
3. Kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo.....	135
TÀI LIỆU THAM KHẢO	136
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ.....	149
PHỤ LỤC	150

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
CSHT	Cơ sở hạ tầng
CSPT	Chính sách phát triển
DVTH	Dịch vụ tổng hợp
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDP	Tổng thu nhập quốc nội
HĐQT	Hội đồng quản trị
HNQT	Hội nhập quốc tế
HTX	Hợp tác xã
HTXNN	Hợp tác xã trong nông nghiệp
ICA	Liên minh hợp tác xã quốc tế
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
KHCN	Khoa học công nghệ
KTTT	Kinh tế tập thể
KT-XH	Kinh tế xã hội
NCS	Nghiên cứu sinh
NN	Nông nghiệp
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NNNT	Nông nghiệp nông thôn
NTM	Nông thôn mới
QLNN	Quản lý nhà nước
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXNN	Sản xuất nông nghiệp

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1: Số lượng phiếu đã điều tra	22
Bảng 3. 1: Doanh thu và lợi nhuận hợp tác xã nông nghiệp	60
Bảng 3. 2: Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận/hợp tác xã	61
Bảng 3. 3: Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của hợp tác xã/vốn chủ sở hữu.....	62
Bảng 3. 4: Mức độ phục vụ thành viên của hợp tác xã.....	62
Bảng 3. 5: Mối tương quan giữa khả năng sinh lời và mức độ phục vụ thành viên hợp tác xã	63
Bảng 3. 6: Một số chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp chủ yếu giai đoạn 2013-2019.....	65
Bảng 3. 7: Kết quả khảo sát tỉ lệ thụ hưởng chính sách đào tạo, tập huấn	79
Bảng 3. 8: Trình độ học vấn của cán bộ hợp tác xã.....	79
Bảng 3. 9: Số năm được đào tạo của cán bộ hợp tác xã	80
Bảng 3. 10: Kết quả khảo sát tỉ lệ thụ hưởng chính sách xúc tiến thương mại.....	82
Bảng 3. 11: Kết quả khảo sát tỉ lệ thụ hưởng chính sách ứng dụng khoa học, công nghệ và kỹ thuật mới	83
Bảng 3. 12: Khả năng liên kết của hợp tác xã trong nông nghiệp.....	84
Bảng 3. 13. Kết quả khảo sát tỉ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu đối với 52 hợp tác xã nông nghiệp thụ hưởng chính sách ứng dụng khoa học, công nghệ và kỹ thuật mới	85
Bảng 3. 14: Kết quả khảo sát nhu cầu vay vốn của 148 hợp tác xã nông nghiệp	89
Bảng 3. 15: Kết quả khảo sát 148 hợp tác xã trong nông nghiệp thụ hưởng chính sách tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.....	90
Bảng 3. 16: Kết quả khảo sát chính sách hỗ trợ thành lập mới đối với 148 hợp tác xã nông nghiệp.....	93
Bảng 3. 17: Kết quả khảo sát 148 hợp tác xã có diện tích đất sản xuất kinh doanh bình quân/hợp tác xã nông nghiệp.....	94
Bảng 3. 18: Kết quả khảo sát chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh giai đoạn 2013-2019	96

Bảng 3. 19: Kết quả khảo sát chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm giai đoạn 2013-2019.	98
Bảng 3. 20: Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý về thực trạng hoạch định chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp.....	100
Bảng 3. 21: Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý về thực trạng tổ chức thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp.....	102
Bảng 3. 22: Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý về mức độ tác động của từng chính sách đến sự phát triển của Hợp tác xã nông nghiệp.....	105
Bảng 3. 23: Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý nhu cầu hỗ trợ chính sách thực tế của hợp tác xã nông nghiệp.....	106
Bảng 3. 24: Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý về những yếu tố hưởng lợi chính sách của các tổ chức kinh tế trá hình hợp tác xã nông nghiệp	107
Bảng 3. 25: Tổng hợp kết quả khảo sát tỉ suất lợi nhuận/doanh thu của 148 hợp tác xã trong nông nghiệp	111
Bảng 3. 26: Kết quả khảo sát sự tuân thủ nguyên tắc hợp tác xã của các hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2013-2019	114

DANH MỤC HÌNH ẢNH, ĐỒ THỊ

Hình 1. 1: Khung phân tích chính sách phát triển HTX nông nghiệp	20
Hình 3. 1: Số lượng hợp tác xã nông nghiệp hàng năm giai đoạn 2013-2019	55
Hình 3. 2: Tốc độ phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2013-2019.....	56
Hình 3. 3: Bộ máy thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp.....	72
Hình 3. 4: Sơ đồ tổ chức thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp ...	73
Hình 3. 5: Sơ đồ tổ chức thực hiện chính sách đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực.....	74
Hình 3. 6: Sơ đồ tổ chức thực hiện chính sách xúc tiến thương mại.....	75
Hình 3. 7: Sơ đồ tổ chức thực hiện chính sách ứng dụng khoa học công nghệ trong hợp tác xã nông nghiệp	75
Hình 3. 8: Sơ đồ bộ máy tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm.....	76
Hình 3. 9: Sơ đồ bộ máy tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp thiên tai, dịch bệnh	76
Hình 3. 10: Mối quan hệ giữa số lượng chính sách hợp tác xã trong nông nghiệp được hưởng với lợi nhuận.....	113

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài luận án

Hợp tác xã là một thành phần kinh tế, là một loại hình sở hữu đã tồn tại và phát triển khá lâu trên thế giới. Ở Việt Nam, khu vực hợp tác xã nói chung, hợp tác xã trong nông nghiệp nói riêng được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng và quan tâm sâu sắc từ những năm đầu thành lập nước đến nay. Gần đây, Trung ương đã ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Chủ trương này đã được thể chế bằng các Luật Hợp tác xã 2003 và Luật tiếp tục được sửa đổi năm 2012.

Hiện nay, cả nước có khoảng 22.800 hợp tác xã, trong đó HTX trong nông nghiệp là 13.541 hợp tác xã, chiếm trên 60%; thu hút sự tham gia của gần 4,0 triệu thành viên (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2019). Hợp tác xã trong nông nghiệp có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân khu vực nông thôn, là thành phần kinh tế không thể thiếu trong quá trình phát triển của đất nước, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Hợp tác xã trong nông nghiệp có nhiều đặc điểm khác biệt so với các thành phần kinh tế khác như: được thành lập để tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nông nghiệp; là tổ chức kinh tế có đặc trưng gắn với hộ nông dân; hợp tác xã trong nông nghiệp trước hết là để đáp ứng các nhu cầu chung của nông dân về sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nông nghiệp; nông dân gia nhập hợp tác xã là vì họ cần được hợp tác xã phục vụ, cần hợp tác xã trợ giúp những việc mà họ không thể tự làm hoặc làm một mình không hiệu quả, khắc phục được những nhược điểm và hạn chế khi sản xuất, kinh doanh đơn lẻ; hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nông nghiệp của hợp tác xã là công cụ nhằm thúc đẩy tăng thêm lợi ích, hiệu quả sản xuất kinh doanh của hộ nông dân; hợp tác xã là một tổ chức dân chủ, xã hội cao của nông dân, trong đó các thành viên được bình

đảng, phát huy vai trò của cộng đồng dân cư nông nghiệp trong quản lý xã hội, kinh doanh [52].

Mặc dù có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế ở nông thôn cũng như nhiều lợi ích xã hội khác nhưng số lượng HTXNN được thành lập mới hàng năm chưa nhiều, số thành viên giảm, số HTX hoạt động ổn định và có hiệu quả chiếm tỷ trọng nhỏ, nhiều HTXNN có hình thức là HTX nhưng hoạt động chưa theo đúng nguyên tắc hợp tác xã. Phần lớn các HTX nông nghiệp chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường, chưa thực sự tạo được sức hút xã viên tham gia và đóng góp xây dựng HTX; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, hoạt động sản xuất kinh doanh chưa theo kịp cơ chế thị trường; việc hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân, hợp tác xã và các doanh nghiệp còn hạn chế dẫn đến nhiều rủi ro trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2019).

Thời gian vừa qua, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp, trong đó nổi lên 11 chính sách lớn, bao gồm 6 chính sách chung cho phát triển khu vực hợp tác xã và 5 chính sách đặc thù cho HTXNN, cụ thể: (1) chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; (2) chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; (3) chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; (4) chính sách tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX; (5) chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; (6) chính sách thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (7) chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; (8) chính sách giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; (9) chính sách ưu đãi về tín dụng; (10) chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; (11) chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm.

Chính sách phát triển HTXNN có một số tác động tích cực tới sự phát triển của khu vực HTX trong nông nghiệp như: góp phần gia tăng số lượng hợp tác xã trong nông nghiệp HTXNN; góp phần ổn định hoạt động SXKD và nâng quy mô

của từng hợp tác xã trong nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; góp phần mang lại hiệu quả kinh tế đối với thành viên tham gia HTX và các hộ liên kết [2].

Tuy nhiên, chính sách phát triển HTXNN trong thời gian qua đã bộc lộ nhiều bất cập, gây cản trở quá trình phát triển của HTXNN. Chính sách chủ yếu tập trung vào hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX trong nông nghiệp, chưa quan tâm nhiều tới việc xây dựng môi trường hoạt động thuận lợi cho khu vực HTX. Nguyên nhân chính của những bất cập này được nhìn nhận dưới hai góc độ. *Thứ nhất*, trong khâu hoạch định chính sách, một số chính sách thiếu đồng bộ, chưa đầy đủ, chậm ban hành, nhiều quy định không dựa trên nhu cầu thực tế của HTX, chưa phân biệt rõ được đối tượng thụ hưởng. *Thứ hai*, trong tổ chức thực thi chính sách, một số cơ quan quản lý nhà nước chưa thực sự quan tâm đến HTX, không thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã ban hành; chậm xử lý những tồn tại, vướng mắc của trong quá trình chuyển đổi sang HTX kiểu mới; chưa bố trí đủ vốn hoặc chưa bố trí vốn tập trung tổ chức thực thi chính sách, khiến cho nhiều chính sách trong thời gian qua chưa được thực hiện hoặc thực hiện một cách nửa vời; một bộ phận thành viên hợp tác xã và những đối tượng tiềm năng chưa thực sự tin tưởng vào các lợi ích về kinh tế - xã hội do HTX mang lại.

Để xử lý được vấn đề này, việc tổ chức nghiên cứu đề tài “*Chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam*” là rất có ý nghĩa. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp thêm tư liệu khoa học cho các nhà quản lý khi xây dựng nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế hợp tác nói chung, HTXNN nói riêng; đồng thời là tư liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực kinh tế và HTX.

2. Những điểm mới của Luận án

2.1. Về mặt học thuật, lý luận

Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về khái niệm, vai trò, vị trí và những đóng góp của khu vực hợp tác xã trong nông nghiệp ở Việt Nam;

Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam giai đoạn 2013-2019.

2.2. Về những phát hiện, đề xuất mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu của luận án

Đóng góp kết quả phân tích, đánh giá thực trạng phát triển của khu vực hợp tác xã trong nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2013-2019;

Đóng góp kết quả phân tích, đánh giá thực trạng hoạch định, thực thi chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2013-2019

Đóng góp những quan điểm, phương hướng, giải pháp trong việc hoạch định và thực thi chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

3. Kết cấu đề tài luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung Luận án được trình bày trong 4 chương bao gồm:

Chương 1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan và hướng nghiên cứu của luận án

Chương 2. Cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

Chương 3. Thực trạng chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam.

Chương 4. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến nội dung luận án

1.1.1. Các công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

1.1.1.1. Nhóm nghiên cứu về những khuyến nghị chính sách phát triển HTXNN khi nghiên cứu quá trình lịch sử và sự phát triển của HTXNN

Khi nghiên cứu quá trình phát triển các HTX trên thế giới trong hơn 50 năm qua, Cục Chính sách phát triển xã hội Liên hợp quốc khuyến nghị các quốc gia thành viên về chính sách phát triển hợp tác xã có thể là một trong những vấn đề: Chính sách hỗ trợ là cần thiết trong việc tạo ra một môi trường hoạt động cho sự phát triển hợp tác xã, chính sách cần phải nhất quán và hài hoà với các chính sách liên quan khác có ảnh hưởng đến hợp tác xã, hoạt động và phát triển; chính sách phát triển hợp tác xã cần xác định vai trò của hợp tác xã trong kinh tế, xã hội và văn hoá của cộng đồng, làm cho thành viên và cộng đồng nhận thức được các nguyên tắc hợp tác và các giá trị trong tổ chức và hoạt động hợp tác xã. Xác định các tác nhân trong phát triển hợp tác xã, xác định vai trò và thái độ của Chính phủ hướng tới phát triển hợp tác; quy định về xây dựng hợp tác xã; hỗ trợ phát triển đội ngũ quản trị và Ban giám đốc hợp tác xã; các chính sách cần được xem xét, chỉnh sửa, bổ sung theo thời gian trước khi để nó trở nên lỗi thời và không còn liên quan. Đây là những khuyến nghị rất hữu ích về mặt nguyên tắc, những nhà hoạch định chính sách cần phải cụ thể hoá những nguyên tắc này cho phù hợp với điều kiện của quốc gia mình [95].

GF Ortmann & RP King khi nghiên cứu lịch sử và sự phát triển của hợp tác xã trong nông nghiệp ở các nước đang phát triển (trường hợp Nam Phi) cho thấy:

Để HTX phát triển thì tất cả các giai đoạn trong chu trình sống của các hợp tác xã (hình thành, tăng trưởng, tái tổ chức hoặc giải thể) cần phải thích ứng với môi trường kinh tế thay đổi, đặc trưng bởi sự thay đổi công nghệ, công nghiệp hoá nông nghiệp và chủ nghĩa cá nhân đang phát triển. Khi chính phủ chưa xác định rõ được vai trò và bản chất của HTX, chính sách phát triển HTX sẽ chủ yếu tập trung vào hỗ trợ hình thành HTXNN từ các nông hộ quy mô nhỏ mà chưa xem xét đến các đối tượng tiềm năng khác, đặc biệt là các HTX có quy mô lớn thì mục tiêu chính sách sẽ không đạt được. Mặc dù vậy, nghiên cứu chưa đưa ra được các nguyên tắc, giải pháp để chính sách phát triển HTXNN bao phủ hết những đối tượng của chính sách [82].

Khi nghiên cứu chính sách phát triển HTXNN ở Quebec, Pauline Moris cho rằng: Không nên đo sự thành công của chính sách bằng các chỉ số định lượng đơn điệu, mà nên dựa trên lợi ích xã hội, một yếu tố không thể tách rời từ hợp tác xã. Để đạt được các mục tiêu của chính sách phát triển hợp tác xã, bốn lĩnh vực chính cần được lựa chọn và nhận được sự nhất trí hỗ trợ trong tham vấn: Giới thiệu chính sách hiệu quả và sáng tạo trong khuôn khổ pháp luật; phát triển hoặc cải tiến hệ thống vốn và tài chính, công cụ thích hợp cho môi trường hợp tác xã; cải thiện chất lượng các dịch vụ tư vấn cho các nhà quản trị hợp tác xã; xác định rõ được vai trò của hợp tác xã để xây dựng kế hoạch hành động của chính phủ phù hợp với thực tiễn phát triển của khu vực HTX; chính sách cũng cần hướng tới các đối tượng tiềm năng là những người trẻ tuổi tham gia vào khu vực HTX. Mặc dù vậy, nghiên cứu cũng không nêu ra được cách thức để xác định được những lợi ích xã hội mà HTX mang lại để từ đó có những chính sách khuyến khích HTX phát triển mang lại những lợi ích xã hội [91].

1.1.1.2. Nhóm nghiên cứu về vai trò của chủ thể của Chính phủ trong việc ban hành và tổ chức thực hiện chính sách phát triển HTXNN

Khi nghiên cứu vai trò của chính phủ trong phát triển HTXNN tại

Philippines, Nhóm tác giả Marites A. Guinto và Takaaki Otahara cho rằng: Mặc dù những người hậu thuẫn cho phong trào hợp tác có thể có ý định tốt và được biết rằng những nỗ lực của họ hứa hẹn sự thành công, nhưng các chiến lược mà họ sử dụng trong việc tổ chức hoạt động cho khu vực HTXNN có những sai sót nghiêm trọng, Chính phủ chỉ nên tham gia các hoạt động giám sát các hợp tác xã ở mức vừa đủ để đảm bảo rằng các HTXNN hoạt động theo đúng luật pháp và không nên can thiệp quá mức vào các hoạt động của khu vực HTX; Chính phủ nên có các chính sách hỗ trợ các khía cạnh tài chính; giáo dục hợp tác và thông tin, đào tạo cán bộ và nhân viên của HTX. Mặc dù vậy, nghiên cứu không đưa ra được những nguyên tắc phù hợp đảm bảo mức độ "vừa đủ" trong giám sát hoạt động của HTX để đảm bảo các HTX hoạt động theo đúng pháp luật [87].

Kimberly A. Zeuli và Robert Cropp cho rằng để tạo môi trường phát triển cho các HTXNN, chính phủ cần phải xem HTXNN là tổ chức kinh tế có những ưu thế mà một số loại hình kinh tế khác không có được thay vì là hội của những người nông dân yếu thế cần giúp đỡ, HTXNN cần phải được đối xử bình đẳng như các loại hình kinh tế khác; các chính sách hỗ trợ tài chính, nguồn lực của chính phủ cho HTXNN nhằm mục đích gián tiếp hỗ trợ những người nông dân nghèo, không có sinh kế sẽ chỉ làm HTXNN yếu đi và dẫn đến ngừng hoạt động hay giải thể; Chính phủ cũng không nên quá can thiệp vào công việc nội bộ của HTX mà chỉ nên đóng vai trò tạo lập môi trường hoạt động phù hợp với đặc điểm và bản chất của HTX, đảm bảo cho các HTXNN hoạt động bình đẳng như các chủ thể kinh tế khác. Với vai trò thúc đẩy sự phát triển của HTXNN, Chính phủ chỉ nên tập trung vào những chính sách mang lại sự phát triển ổn định và lâu dài cho HTXNN như: đào tạo nguồn nhân lực cho HTX; xúc tiến, mở rộng thị trường sản phẩm nông nghiệp; tạo điều kiện để HTXNN hấp thụ và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp. Mặc dù vậy, nghiên cứu không đưa ra được những định hướng, giải pháp hoặc nội dung cụ thể của chính sách phát triển HTXNN [85].

Monica Juarez Adeler khi nghiên cứu hơn 50 hợp tác xã trong nông nghiệp trong cộng đồng tại bốn tỉnh của Mỹ, Colombia và Bỉ đã chỉ ra rằng mức độ phát triển của hợp tác xã liên quan trực tiếp đến bản chất của các chính sách hỗ trợ, điều kiện về cơ sở hạ tầng. Những người khởi nghiệp hợp tác xã có nhu cầu được hỗ trợ cả về kỹ thuật và các nguồn tài chính; Chính phủ có vai trò quan trọng thiết lập chính sách tăng cường và cung cấp các nguồn lực cho cơ sở hạ tầng, thông qua hỗ trợ tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp bằng cơ chế ưu đãi thuế để phát triển hợp tác xã. Những giải pháp chính sách phát triển hợp tác xã có hiệu quả cao tại ba quốc gia là: i) Chính phủ cần tạo niềm tin bằng các cam kết đối với sự phát triển của khu vực hợp tác xã, bao gồm cả việc các bên liên quan cùng tham gia xây dựng chính sách công để đảm bảo mô hình sản xuất kinh doanh tốt hơn cho các cá nhân và cộng đồng hợp tác xã; ii) đầu tư ý chí chính trị và các nguồn lực trong chiến lược, tầm nhìn cho phát triển hợp tác xã và đảm bảo rằng quá trình này được dẫn dắt bởi các liên đoàn HTX với khả năng huy động các đối tượng và nguồn lực cần thiết để đạt được các mục tiêu; iii) nâng cao năng lực của Liên đoàn hợp tác xã, bao gồm giáo dục, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo, nghiên cứu và xây dựng chính sách/vận động chính sách, và các chức năng hoạt động trong sự thành công của hợp tác xã; iv) tạo ra cơ chế ưu đãi về thuế để tăng cường cơ sở hạ tầng và các hiệp hội ngành liên kết, cũng như tạo ra một quỹ phát triển do hội đồng quản trị quản lý. Điều này có thể đạt được thông qua sự đóng góp của chính bản thân hợp tác xã, với sự kết hợp của chính phủ. Mặc dù vậy, nghiên cứu chưa đề cập tới cách thức hoạch định, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi cụ thể đối với HTXNN như: chính sách đất đai đối với hợp tác xã; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã; chính sách bảo hiểm; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.... nhất là chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đối với hợp tác xã, đây có thể xem là khâu yếu nhất đối với HTXNN của Việt Nam và rất cần phải có nghiên cứu sâu hơn [90].

1.1.1.3. Nhóm nghiên cứu về những đặc điểm của các HTX thành công và khuyến nghị chính sách thúc đẩy hình thành các đặc điểm tạo nên sự thành công của HTXNN

Khi nghiên cứu về đặc điểm tổ chức của HTXNN thành công tại Mỹ, Maureen Casile cho rằng những HTXNN thành công tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và có khả năng hấp thụ được những chính sách ưu đãi của Nhà nước; sự can thiệp quá mức của chính phủ vào nội bộ hoạt động của hợp tác xã sẽ làm cản trở sự phát triển của hợp tác xã. Những HTX không có đủ vốn để duy trì hoạt động; không có khả năng tuân thủ quy định của chính phủ; không thay đổi để đáp ứng đòi hỏi của thị trường và không có khả năng duy trì công nghệ phù hợp với những tiến bộ trong công nghệ là những tình huống khiến hợp tác xã tan rã. Chính phủ cần có hệ thống chính sách kép, vừa tạo điều kiện cho các HTXNN nâng cao khả năng hấp thụ được chính sách, vừa có chính sách tác động tích cực tới sự phát triển của HTXNN. Mặc dù vậy, nghiên cứu chưa chỉ ra được là làm thế nào để chính phủ có thể ban hành và thực thi những chính sách thúc đẩy các yếu tố thành công và hạn chế những yếu tố làm cản trở hoặc dẫn đến giải thể HTX [88].

Khi nghiên cứu sự phát triển của các HTX vùng Tây Bắc Trung Quốc, Elena Garnevska, Guozhong Liu, Nicola Mary Shadbolt đã chỉ ra rằng yếu tố quan trọng nhất cho sự phát triển khu vực này là môi trường pháp lý ổn định, có sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật của chính phủ thì những HTXNN thành công đều có các đặc điểm chung là: người sáng lập và người lãnh đạo tận tâm; sự am hiểu và tham gia tích cực của thành viên vào hoạt động của HTX và các hỗ trợ bên ngoài từ các tổ chức NGOs [81].

1.1.2. Các công trình đã công bố ở trong nước về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

1.1.2.1. Nhóm nghiên cứu về những khuyến nghị chính sách phát triển

HTXNN khi nghiên cứu quá trình phát triển của HTXNN tại Việt Nam

Khi nghiên cứu về kinh tế tập thể sau hơn 30 năm đổi mới ở Việt Nam, đúc rút kinh nghiệm phát triển HTX trên thế giới và liên hệ với bối cảnh phát triển kinh tế tại Việt Nam, Lê Văn Nghị và cộng sự (2016) đã chỉ ra kinh nghiệm cho chính sách phát triển HTX nông nghiệp ở Việt Nam như sau: i) rất nhiều nước, kể cả các nước tư bản phát triển đã có lịch sử phát triển HTX rất lâu đời và có số lượng người dân tham gia HTX rất lớn, trong nhiều ngành nghề nhưng HTX nông nghiệp vẫn chiếm đa số; ii) đa số các HTXNN đều làm dịch vụ đa chức năng cho các hộ xã viên về vật tư, phân bón, giống, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, chuyển giao khoa học và công nghệ, tín dụng, xuất khẩu và các dịch vụ khác. Nhưng vẫn có những trang trại lớn, sản xuất tập trung với số lượng hàng hóa lớn; iii) chính phủ của tất cả các nước đều rất quan tâm, quản lý, khuyến khích và hỗ trợ để các HTX phát triển; nhất là các hợp tác xã trong nông nghiệp về vốn, đất đai, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế biến, tiêu thụ, chuyển đổi ngành nghề, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và chuyển giao khoa học-công nghệ; iv) để phát triển HTX trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, xu hướng sáp nhập các HTX nhỏ thành HTX lớn đa chức năng và liên hiệp HTX diễn ra khá phổ biến ở nhiều nước. Mặc dù vậy, nghiên cứu chưa đưa ra các giải pháp/định hướng chính sách cho phát triển HTXNN tại Việt Nam thời gian tới.

Khi nghiên cứu quá trình phát triển HTX từ trước đổi mới đến năm 2015 và tình hình phát triển HTXNN trong giai đoạn hiện nay, Nguyễn Mạnh Cường và cs (2015) cho rằng: Các HTX nói chung và hệ thống HTXNN nói riêng có hệ thống các cơ sở pháp lý tương đối đầy đủ, đặc biệt là hệ thống Luật HTX đã được hình thành, điều chỉnh, bổ sung. Ngoài hệ thống luật, Đảng và Nhà nước cũng có hàng loạt chủ trương, định hướng phát triển mô hình KTTT và HTX trong các Văn kiện Đại hội Đảng cùng hàng loạt văn bản, chính sách khác. Trong đó, nhiều hỗ trợ của chính sách đã đi vào cuộc sống và giúp cho mô hình các HTX có những điều kiện ban đầu để phát triển ổn định, nhất là những hỗ trợ

về đất đai, thuế... Xu hướng thay đổi của hệ thống chính sách gần đây, đặc biệt là sự ra đời của Luật HTX 2012 cho thấy sự đổi mới cả về chính sách, định hướng mô hình phát triển đối với HTXNN. Hợp tác xã trong nông nghiệp cần được hỗ trợ để nâng cao năng lực SXKD, năng lực thị trường nhằm không chỉ đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thành viên mà còn để các HTXNN có thể khẳng định được chỗ đứng và vị thế của mình, góp phần vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặc dù vậy, nghiên cứu mới chỉ ra được những giải pháp mang tính nguyên tắc để phát triển HTXNN mà chưa có đề xuất các nội dung cụ thể về chính sách phát triển HTXNN.

1.1.2.2. Nhóm những khuyến nghị chính sách phát triển HTXNN khi nghiên cứu mô hình phát triển của HTXNN tại Việt Nam

Khi nghiên cứu Mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu mới, Nguyễn Minh Tú đề xuất quan điểm chính sách hỗ trợ phát triển HTX: i) chính sách ưu đãi, chỉ sau khi xác định rõ bản chất của HTX, các nguyên tắc mang tính nền tảng của mô hình HTX, mới có thể xác định được một cách rõ ràng và đúng đắn chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với khuyến khích phát triển HTX; ii) về nguyên tắc, thực hiện vai trò của HTX với hỗ trợ phát triển của Nhà nước đối với cộng đồng thành viên HTX: HTX là tổ chức của dân, do dân tự tổ chức và quản lý, trên một số lĩnh vực Nhà nước cần có sự hỗ trợ với nhiều mức độ khác nhau, như giáo dục, y tế, văn hóa... để đảm bảo sự phát triển bền vững và công bằng xã hội. Tuy nhiên, nghiên cứu chưa đề xuất các giải pháp chính sách cụ thể cho phát triển khu vực HTXNN [70].

Khi nghiên cứu 33 hợp tác xã đại diện cho các hợp tác xã trong cả nước sau gần 7 năm thực hiện Luật Hợp tác xã 1996, Chu Tiến Quang (2003) cho rằng trong quá trình phát triển HTX, Nhà nước đã có nhiều chính sách ưu đãi cho khu vực này. Tuy nhiên, các chính sách ưu đãi này hoặc không được hướng dẫn triển khai hoặc nếu có thì chưa phù hợp, hoặc trên thực tế không có đối tượng được

hưởng lợi. Nhiều chính sách đáng lẽ sẽ có tác động rất lớn đến sự phát triển của khu vực kinh tế hợp tác và HTX nếu được thực hiện đúng theo tinh thần, tư tưởng của chính sách đề ra nhưng thiếu các hướng dẫn cụ thể vì vậy trên thực tế đã không triển khai được. Về chính sách phát triển HTX, tác giả đề xuất: Nhà nước hỗ trợ và khuyến khích HTX phát triển nhưng không can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của HTX; coi trọng chất lượng trong phát triển HTX. Hiện nay vẫn còn tồn tại một bộ phận HTX trá danh để hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước với một bộ phận HTX hình thức do xã viên chưa toàn tâm, toàn ý xây dựng HTX. Mục tiêu của các tổ chức này chỉ là nhằm thu lợi nhuận cho cá nhân hoặc một nhóm nhỏ các thành viên của nó mà không chú ý tới nguyên tắc hợp tác, chú trọng lợi ích của tất cả các xã viên tham gia. Nếu tiếp tục phát triển các HTX kiểu này sẽ khó có phong trào HTX lành mạnh và là nguy cơ tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh. Do đó, cần xoá bỏ các tổ chức kinh tế núp danh nghĩa HTX để hoạt động, các tổ chức này cần phải được chuyển sang các hình thức doanh nghiệp khác phù hợp với bản chất của nó, chịu sự điều chỉnh và tác động của khung pháp lý và chính sách phù hợp [39]. Mặc dù Luật HTX 1996 đã được chỉnh sửa, bổ sung và thay đổi 2 lần (Luật HTX 2003, Luật HTX 2012) nhưng những đề xuất của tác giả vẫn còn nhiều giá trị tham khảo và cần bổ sung, chỉnh sửa trong Luật HTX 2012. Tuy vậy, bối cảnh kinh tế- xã hội đất nước đã thay đổi rất nhiều so với thời điểm nghiên cứu nên phát sinh nhiều vấn đề mới trong hoạch định và thực thi chính sách phát triển HTX (vấn đề tái cơ cấu ngành nông nghiệp; vấn đề xây dựng nông thôn mới; vấn đề hội nhập quốc tế...) cần phải được nghiên cứu.

Hoàng Vũ Quang và cộng sự (2015) khi nghiên cứu 64 HTX nông lâm ngư nghiệp đại diện cho các vùng, các địa phương, các lĩnh vực, thời gian thành lập, mức độ chuyên môn hóa hoạt động của HTX đã chỉ ra những bất cập trong chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX NLNN hiện nay như: bộ máy quản lý thiếu thống nhất, chồng chéo, phân định chức năng không rõ ràng, số lượng cán bộ thiếu và năng

lực cán bộ yếu; chính sách hỗ trợ nhiều nhưng nhiều chính sách thiếu tính khả thi, điều kiện được hưởng chính sách khó khăn. Năm nhóm giải pháp đã được đề xuất nhằm hoàn thiện, bổ sung chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển HTX NLNN trong thời gian tới, đó là: nhóm chính sách về củng cố vai trò quản lý nhà nước về HTX NLNN, trong đó có vai trò của Bộ NN&PTNT; nhóm giải pháp hỗ trợ HTX chuyển đổi theo Luật HTX 2012; nhóm giải pháp về nâng cao năng lực cho HTX từ đào tạo tập huấn, nâng cao trình độ cán bộ quản lý HTX, tạo điều kiện cho HTX mở rộng hoạt động, tiếp cận vốn, đất đai; nhóm giải pháp về chính sách đặc thù cho HTX trong NLNN; và nhóm giải pháp về tuyên truyền khen thưởng các cá nhân, mô hình HTX điển hình trong NLNN [38]. *Mặc dù vậy, nghiên cứu đặt trọng tâm vào nghiên cứu sự phát triển của các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp, nên nghiên cứu chính sách phát triển HTX trong nông lâm ngư nghiệp; đánh giá tác động của chính sách tới sự phát triển của HTX trong nông lâm ngư nghiệp chưa rõ nét. Do vậy, một số giải pháp chính sách chưa đầy đủ và chưa cụ thể, chưa có các đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách.*

1.1.2.3. Nhóm những nghiên cứu về khuyến nghị chính sách phát triển HTXNN khi nghiên cứu vai trò của HTXNN tại Việt Nam

Khi nghiên cứu sự phát triển của HTX và vai trò của HTX đối với an sinh xã hội, *Nguyễn Minh Ngọc (2012)* cho rằng: trong chính sách phát triển, không nên coi HTX là một tổ chức kinh tế thuần túy, mà cần coi HTX là một tổ chức kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu về kinh tế, văn hóa và xã hội của một bộ phận dân cư; HTX cần được coi là tổ chức bảo đảm ASXH cho người nghèo; HTX có thể thực hiện rất tốt vai trò bảo đảm mức sống tối thiểu, tạo công ăn việc làm, ưu đãi xã hội và trợ giúp xã hội. Ngoài ra, trong tương lai HTX có thể giúp xã viên tiếp cận bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội; yêu cầu thực tế chỉ ra rằng HTX cần được phát triển theo hướng thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng và đáp ứng nhu cầu văn hóa - xã hội của xã viên. Với những lý do này, khoản thuế thu nhập (đáng lẽ phải đóng cho Nhà nước) nên được trích lại cho HTX để lập quỹ phát

triển cộng đồng; HTX cần được phát triển theo mô hình HTX phục vụ xã viên và mô hình HTX lao động hơn là HTX hoạt động vì lợi nhuận, các HTX hoạt động ngược với hai mô hình trên cần được chuyển đổi sang hình thức doanh nghiệp. Trong quá trình thành lập HTX mới, tiêu chí nhu cầu chung của xã viên cần được coi là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc thẩm định hồ sơ thành lập HTX [34]. Mặc dù vậy, nghiên cứu cũng chưa chỉ ra được phương pháp xác định thế nào là mô hình HTX phục vụ xã viên và mô hình HTX lao động để từ đó có những chính sách phát triển HTX phù hợp.

1.1.2.4. Nhóm nghiên cứu về những khuyến nghị chính sách phát triển HTXNN khi nghiên cứu hệ thống chính sách phát triển hợp tác xã tại Việt Nam

Nguyễn Minh Tú và cộng sự (2015) đã tổng hợp và giới thiệu khá đầy đủ chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển HTX từ năm 2014 trở về trước. Các tác giả nêu ra một số điểm hạn chế và bất cập về pháp luật, chính sách HTX như: i) nhiều quy định cơ bản của luật chưa sát với thực tiễn và phù hợp với nguyên tắc và giá trị HTX do ICA khuyến cáo, chưa tạo môi trường tốt cho HTX kiểu mới phát triển; ii) chính sách cụ thể hỗ trợ của nhà nước đối với HTX tác dụng thấp đối với phát triển Hợp tác xã trong nông nghiệp, chưa đồng bộ, chưa nhất quán, chưa toàn diện, chậm được triển khai thực hiện, chưa có tính khả thi cao và chưa tạo được động lực thúc đẩy kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển; chưa gắn kết với các chính sách khác và chưa đưa vào một cách nhuần nhuyễn trong kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội chung của từng địa phương và của cả nước; iii) hỗ trợ của nhà nước đối với công tác giáo dục, đào tạo về hợp tác xã và kinh tế tập thể là rất quan trọng, nhưng chưa được triển khai tích cực và chưa đạt hiệu quả cao. Chưa có một chương trình đào tạo chính quy về kinh tế tập thể, HTX trong các trường đại học, cao đẳng, góp phần quan trọng cho việc hình thành lý luận cơ bản về HTX, đào tạo nhiều thế hệ có nhận thức đầy đủ về HTX và có tâm huyết với sự phát triển của HTX; iii) việc huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức kinh tế-xã hội và tổ chức nghề nghiệp vào phát triển HTX

tuy đã được chú ý, song còn chưa đúng tâm; chưa huy động được đầy đủ các nhân tố cần thiết thúc đẩy HTX phát triển; iv) chưa tạo điều kiện cho phát triển hệ thống dịch vụ tư vấn đa năng hỗ trợ cho kinh tế tập thể, HTX trong điều kiện cơ chế kinh tế thị trường như tư vấn chính sách về thành lập và tổ chức các hoạt động của HTX [14]. Mặc dù vậy, nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc nêu được các kết quả, bất cập, nguyên nhân và chưa đưa ra các giải pháp để nâng cao được hiệu lực, hiệu quả của chính sách phát triển HTXNN.

Phan Xuân Thắng (2015) đã đưa ra những kiến nghị chủ yếu về chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTX về ứng dụng KHKT&CN như sau: i) chính sách phải đặc thù với HTXNN, cần đủ mạnh, đủ tầm; chính sách phải phù hợp với điều kiện tổ chức và hoạt động của HTXNN, dễ dàng trong triển khai thực hiện, phù hợp với bản chất của tổ chức HTX, phù hợp với thực tế, mang tính khả thi và phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam; đáp ứng nhu cầu đích thực và phù hợp với năng lực tiếp nhận của tập thể xã viên; chính sách phải được thống nhất và tổ chức thi hành trên phạm vi cả nước; ii) nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTXNN; sớm ban hành nghị định về HTXNN; xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015- 2020 nhằm tập trung nguồn lực hỗ trợ HTX phát triển; iii) hoàn thiện công tác tổ chức xây dựng và thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTXNN, mà chủ yếu là tập trung vào việc tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, tăng cường năng lực và đổi mới hoạt động cơ quan hỗ trợ phát triển HTX và tăng cường trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc phối hợp xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTX và tổ chức thực hiện [43]. Tuy nhiên, những chính sách khác phục vụ phát triển HTXNN cũng cần phải nghiên cứu toàn diện để từ đó xác định được vị trí, vai trò của chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTXNN về ứng dụng KHKT&CN nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc

ban hành và thực thi chính sách này trong hệ thống chính sách phát triển HTXNN.

1.1.3. Khoảng trống trong nghiên cứu về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

i. Đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp, tuy nhiên phần lớn các nghiên cứu chỉ tập trung vào một nhóm chính sách; chưa nghiên cứu khuôn khổ chính sách mang tính bao trùm đến phần lớn các hoạt động của HTX trong nông nghiệp.

ii. Trong các nghiên cứu trước đây, việc nghiên cứu phân tích, đánh giá về hiệu lực, hiệu quả của chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp chưa được toàn diện.

iii. Phần lớn các nghiên cứu đã được tổ chức nghiên cứu từ khá lâu, nên các chính sách mới liên quan đến phát triển HTX trong nông nghiệp từ khi có Luật Hợp tác xã 2012, đặc biệt là những chính sách mới được ban hành hiện nay chưa được đề cập tới.

iv. Phần lớn các nghiên cứu mới tập trung nghiên cứu về chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp mang tính vùng hay địa phương; chưa có nhiều nghiên cứu mang tính bao trùm cả nước.

1.2. Hướng nghiên cứu của luận án

1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1.1. Mục tiêu tổng quát

Đánh giá thực trạng, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp giai đoạn tới, từ đó góp phần nâng cao vai trò, vị trí của khu vực hợp tác xã trong phát triển kinh tế xã hội nói chung, khu vực nông nghiệp, nông thôn nói riêng.

1.2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp.

- Đánh giá thực trạng chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp ở Việt Nam.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam giai đoạn 2013 – 2019 có những chính sách gì?

Câu hỏi 2: Công tác hoạch định và thực thi chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam giai đoạn 2013 – 2019 diễn ra như thế nào?

Câu hỏi 3: Kết quả đạt được và khó khăn, hạn chế gì trong quá trình hoạch định, tổ chức triển khai các chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp giai đoạn 2013-2019?

Câu hỏi 4: Giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 là gì?

1.2.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

1.2.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của luận án là chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp ở Việt Nam. Trong đó, tập trung vào 11 chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển hợp tác xã nông nghiệp.

1.2.3.2. Phạm vi nghiên cứu

a) *Về nội dung*: Luận án tập trung nghiên cứu tình hình hoạch định và tổ chức triển khai chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam. Trong đó, tập trung làm rõ kết quả hoạch định chính sách; kết quả tổ chức triển khai

chính sách; đánh giá những thành tựu, bất cập và nguyên nhân của những bất cập trong hoạch định và tổ chức triển khai chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp.

b) Về không gian: Luận án nghiên cứu chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp trong phạm vi cả nước; trong đó tập trung phân tích sâu tại một số vùng nghiên cứu điển hình.

c) Về thời gian: Luận án rà soát, đánh giá thực trạng chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp giai đoạn từ năm 2013 đến 2019 (từ khi Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực đến nay). Các kiến nghị hoàn thiện chính sách tập trung cho giai đoạn từ 2021 - 2030, phù hợp với giai đoạn phát triển KT-XH của đất nước.

1.2.4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

1.2.4.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu về chính sách, phần lớn đều lựa chọn cách tiếp cận dựa theo chu trình chính sách.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về chu trình chính sách, tuy nhiên phổ biến đều cho rằng, chu trình chính sách là thể hiện quá trình hình thành chính sách và đưa chính sách phát huy tác dụng thực tiễn. Trong đó, quá trình hình thành được gọi là hoạch định chính sách; đưa chính sách phát huy tác dụng trong thực tiễn được gọi là tổ chức triển khai chính sách. Từ chu trình chính sách, các nhà nghiên cứu đã lựa chọn được cách tiếp cận nghiên cứu đó là nghiên cứu dựa theo chu trình chính sách.

Nghiên cứu dựa theo chu trình chính sách là hoạt động rà soát, đánh giá cả 2 khâu của chu trình chính sách đồng thời đánh giá mức độ ảnh hưởng của chính sách đến đối tượng thụ hưởng chính sách. Từ cách tiếp cận này cho thấy, khi

đánh giá chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp cần tập trung vào một số vấn đề sau:

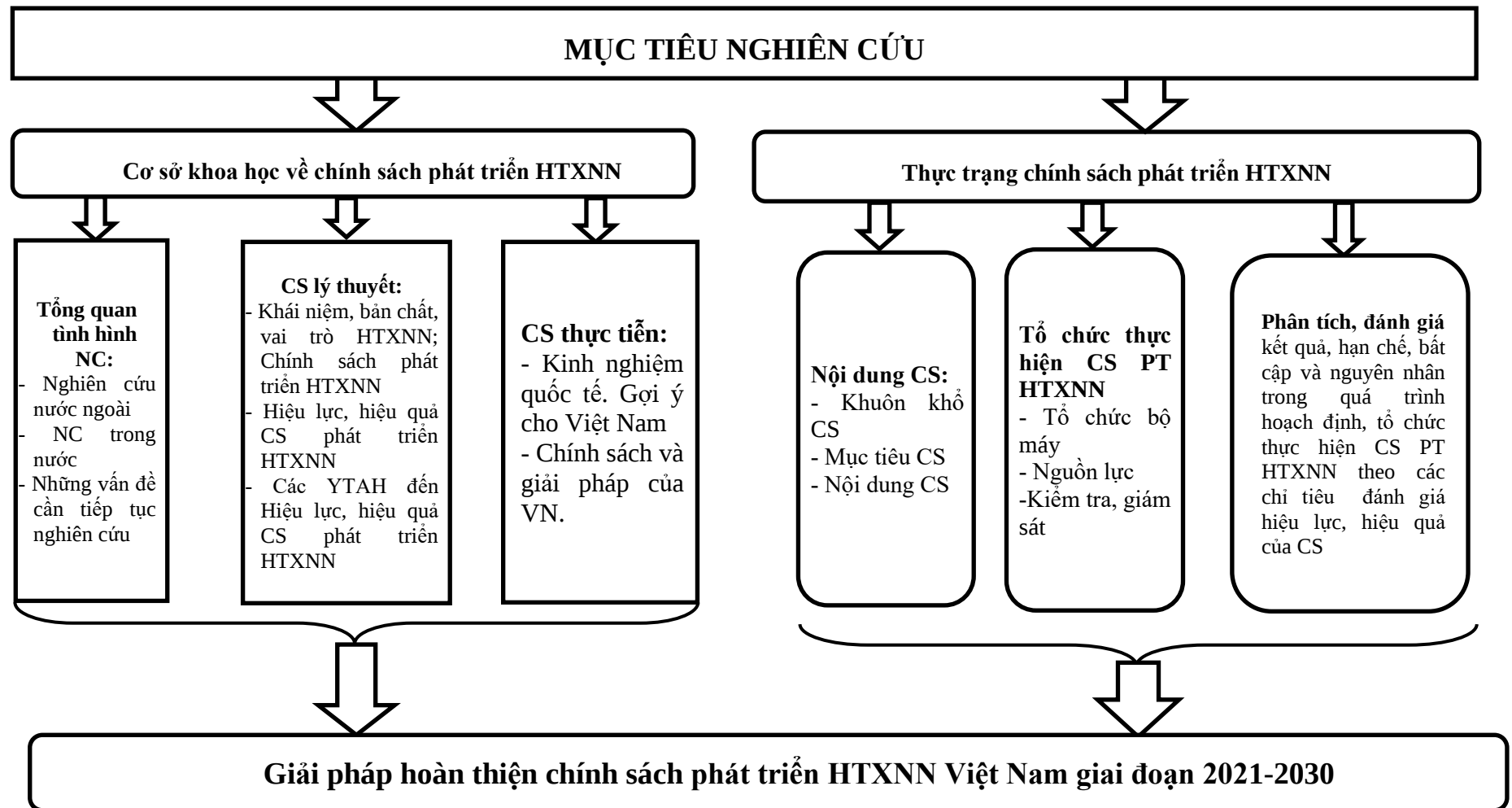
- Đánh giá khâu hoạch định chính sách: nội dung này tập trung làm rõ số lượng chính sách được ban hành có liên quan đến phát triển HTX trong nông nghiệp; nội dung (các giải pháp) của từng chính sách đã ban hành.

- Đánh giá khâu tổ chức triển khai chính sách: nội dung này tập trung làm rõ công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách; cách thức tổ chức triển khai chính sách; nguồn lực tài chính để triển khai chính sách; kiểm tra và giám sát kết quả tổ chức triển khai thực hiện chính sách.

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của chính sách: nội dung này làm rõ mức độ ảnh hưởng, sự cảm nhận của các HTX, cán bộ có liên quan đến HTX nông nghiệp về các chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp hiện có.

- Đánh giá, xác định nguyên nhân của những hạn chế chính sách: nội dung này tập trung vào làm rõ những hạn chế, những bất cập của chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp hiện hành, từ đó đối chiếu lại với khâu hoạch định chính sách và khâu tổ chức triển khai chính sách để xác định nguyên nhân của những hạn chế, bất cập.

Từ cách tiếp cận nghiên cứu, một khung lý thuyết cho toàn bộ luận án được xây dựng như tại Hình 1.1. Nội dung đầu tiên của luận án là tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp (trong



Hình 1. 1: Khung phân tích chính sách phát triển HTX nông nghiệp

Nguồn: Tác giả tự thiết lập

nước và quốc tế) để xác định khoảng trống nghiên cứu (Chương 1). Tiếp theo, hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp (Chương 2). Sau đó, tổ chức đánh giá thực tiễn chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp ở Việt Nam (Chương 3). Cuối cùng là đề xuất những giải pháp để tháo gỡ những bất cập, khó khăn đã nhận diện được ở thực trạng (Chương 4).

1.2.4.2. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

Thông tin, số liệu thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu được thu thập từ các báo cáo, bài báo, số liệu thống kê đã được công bố của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, chủ yếu từ: các viện nghiên cứu của quốc tế; Cục chính sách phát triển của Liên hợp quốc; các trường đại học về kinh tế và nông nghiệp trong và ngoài nước; Liên minh hợp tác xã quốc tế; các cơ quan QLNN về HTX như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Liên minh HTX Việt Nam; các HTX nông nghiệp.

Cùng với đó, do không có đủ thời gian cũng như kinh phí để nghiên cứu khảo sát độc lập tại nước ngoài nên tác giả đã kết hợp tham gia chương trình công tác của Ban Kinh tế Trung ương đi học hỏi kinh nghiệm về phát triển hợp tác xã nông nghiệp tại bốn quốc gia và vùng lãnh thổ là Trung Quốc; Nhật Bản; Hàn Quốc và Đài Loan; tham dự một số hội thảo quốc tế về hợp tác xã tổ chức tại Việt Nam.

1.2.4.3. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp bằng phiếu điều tra

a) Địa bàn điều tra:

- Đối với cấp địa phương: Tác giả đã điều tra tại 24 tỉnh tại 6 vùng trong cả nước, gồm: Trung du và Miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và vùng ĐBSCL.

- Đối với cấp Trung ương: Tác giả đã điều tra tại Hà Nội.

b) Đối tượng và hình thức điều tra:

- Đối với cấp địa phương: Tại mỗi vùng nghiên cứu đã tổ chức điều tra 3 nhóm đối tượng đó là cán bộ có liên quan đến HTX trong nông nghiệp cấp tỉnh và huyện; cán bộ cấp xã và các HTX. Tác giả đã sử dụng cùng mẫu phiếu điều tra soạn sẵn để gửi đến các đối tượng được điều tra để họ trả lời và gửi trở lại. Tổng số phiếu gửi đi là 400 phiếu. Trong quá trình điều tra đã có một lượng lớn phiếu không được gửi trở lại hoặc có gửi trở lại nhưng không đạt yêu cầu. Kết quả, tổng số phiếu đã gửi lại đạt yêu cầu được sử dụng để phân tích là 231 phiếu. Cụ thể, số phiếu điều tra cán bộ các Chi cục Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện là 26 phiếu; số phiếu điều tra cán bộ xã là 57 phiếu; số phiếu điều tra các HTX nông nghiệp là 148 phiếu.

- Đối với cấp Trung ương: Đối tượng được chọn điều tra là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có liên quan đến chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nông nghiệp và PTNT; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt nam. Hình thức điều tra là điều tra trực tiếp có sử dụng bảng điều tra soạn sẵn. Tổng số các nhà khoa học, nhà quản lý đã điều tra là 20 phiếu (Bảng 1.1).

Bảng 1. 1: Số lượng phiếu đã điều tra

TT	Đối tượng điều tra	Cấp Trung ương (phiếu)	Cấp địa phương (phiếu)	Tổng (phiếu)
1	Cán bộ các Chi cục NN và PTNT và cán bộ UBND huyện	0	26	26
2	Cán bộ cấp xã	0	57	57
3	HTX nông nghiệp	0	148	148
4	Nhà khoa học, quản lý	20	0	20
	Tổng	20	231	251

c Nội dung điều tra:

- Đối với cấp địa phương: *Thứ nhất*, nội dung điều tra các HTX nông nghiệp tập trung vào 8 nhóm nội dung chính, bao gồm: Thông tin chung về HTXNN; thông tin nội bộ của HTXNN; nguồn lực và tài sản của HTXNN; cơ chế góp vốn và phân chia lợi nhuận của HTXNN; kết quả hoạt động của HTXNN; sự hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với HTXNN; nhu cầu cần được hỗ trợ của HTXNN; vai trò của HTXNN trên địa bàn trong quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng NTM ở địa phương (Mẫu phiếu điều tra tại Phụ lục 1). *Thứ hai*, nội dung điều tra cán bộ Chi cục NN và PTNT, cán bộ UBND huyện và cán bộ xã tập trung vào ba vấn đề chính: đánh giá thực trạng về tổ chức và phương thức hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn; đánh giá thực trạng triển khai chính sách đối với HTX nông nghiệp ở địa phương; đánh giá chung về vai trò của HTXNN trên địa bàn (Mẫu phiếu điều tra tại Phụ lục 2).

- Đối với cấp Trung ương: Nội dung điều tra các nhà khoa học, nhà quản lý có liên quan đến HTX nông nghiệp tập trung vào 4 vấn đề, gồm: thực trạng hoạch định chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp; thực trạng tổ chức triển khai chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp; mức độ ảnh hưởng của chính sách tới sự phát triển HTX trong nông nghiệp; nhu cầu thực tế của HTXNN (Mẫu phiếu điều tra tại Phụ lục 3).

4) Thời gian điều tra:

Hình thức phát phiếu điều tra được tổ chức từ tháng 6/2017 đến tháng 4/2019.

1.2.4.4. Phương pháp thu thập thông tin bằng các chuyến khảo sát

Tác giả đã kết hợp theo chương trình công tác của Ban Kinh tế Trung ương phục vụ công tác Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể để khảo sát thực tế tại 16 tỉnh thuộc 6 vùng nghiên cứu. Kết quả, đã có 16 buổi làm việc với các

sở, ngành tại UBND tỉnh của 16 tỉnh (mỗi tỉnh một buổi); 32 buổi làm việc với UBND các huyện (mỗi tỉnh 2 huyện) và làm việc với 30 hợp tác xã nông nghiệp (mỗi huyện 1 hợp tác xã, trong tổng số các huyện này, có 2 huyện không còn thời gian thăm hợp tác xã).

Nội dung đã kết hợp được trong các chuyến khảo sát nay là thu thập thông tin về thực trạng phát triển HTX trong nông nghiệp; những loại chính sách mà các HTX trong nông nghiệp đã thụ hưởng; những khó khăn, bất cập trong triển khai chính sách phát triển hợp tác xã; xu hướng, mong muốn của các cấp chính quyền và bản thân các HTX nông nghiệp giai đoạn tới.

Thời gian tổ chức các chuyến khảo sát được thực hiện từ tháng 12/2017 đến tháng 4/2018.

1.2.4.5. Phương pháp phân tích số liệu

1) Phương pháp phân tích lý thuyết

Tác giả thu thập thông tin từ các văn bản, tài liệu đã có và sử dụng khung phân tích logic (đã trình bày ở phần trước, Hình 1.1) để rút ra kết luận khoa học cần thiết, cụ thể: *Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết*, nghiên cứu các tài liệu, lý luận khác nhau về chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp như: các nghiên cứu về chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp; các văn bản của Đảng và Nhà nước về chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp; các báo cáo qua các kỳ sơ kết, tổng kết, thực hiện các chương trình, đề án về chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp sau đó phân tích chúng thành từng bộ phận để tìm hiểu sâu sắc về chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp. Tiếp đó là liên kết từng mặt, từng bộ phận thông tin đã được phân tích tạo ra một hệ thống lý thuyết mới đầy đủ và sâu sắc về đối tượng; *Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết*, sắp xếp các tài liệu liên quan tới chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp theo từng mặt, từng đơn vị, từng vấn đề có cùng dấu hiệu bản chất, cùng một hướng phát triển, sắp

xếp thông tin thành một hệ thống trên cơ sở khung phân tích logic để làm rõ và đầy đủ hơn các nội hàm về chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp.

2) Phương pháp phân tích thực tiễn

Tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp như quan sát thông qua các chuyến điều tra trực tiếp và số liệu thông qua phiếu điều tra để đánh giá khâu hoạch định, thực thi và mức độ ảnh hưởng của chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp. Từ số liệu thu thập được, luận án sử dụng phương pháp thống kê so sánh để đánh giá sự biến động của chỉ tiêu phân tích như sự biến động về số lượng HTX trong nông nghiệp, hiệu quả hoạt động của các HTX trong nông nghiệp; mức đầu tư từ ngân sách cho thực hiện chính sách; sự cảm nhận về mức độ ảnh hưởng của chính sách tới sự phát triển của các HTX trong nông nghiệp.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP

2.1. Cơ sở lý luận về hợp tác xã trong nông nghiệp

2.1.1. Khái niệm hợp tác xã trong nông nghiệp

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm phát triển HTX trên thế giới từ trước đến nay, Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA) định nghĩa: “Hợp tác xã là một hiệp hội độc lập gồm các cá nhân tự nguyện cùng tập hợp lại để đáp ứng những nguyện vọng và nhu cầu chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một hoạt động kinh doanh dựa trên vốn chủ sở hữu tập thể và quyền lực được thực thi một cách dân chủ”. Định nghĩa này cho thấy: (1) HTX là tổ chức do các thành viên cùng sở hữu, cùng sử dụng sản phẩm, dịch vụ do HTX tạo ra; (2) HTX là tổ chức trong đó thành viên vừa là chủ sở hữu, vừa là người tham gia vào các hoạt động của HTX; (3) tôn chỉ của HTX là đáp ứng đồng thời hai mục tiêu: Đáp ứng tốt nhất lợi ích của thành viên và mang lại lợi nhuận cho HTX. Hợp tác xã có những nguyên tắc : (1) mở rộng cho tất cả mọi người tự nguyện tham gia; (2) Tất cả xã viên tham gia quản lý một cách dân chủ; (3) tất cả mọi xã viên tham gia các hoạt động kinh tế của hợp tác xã; (4) độc lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm; (5) giáo dục đào tạo và thông tin hợp tác xã; (6) hợp tác giữa các hợp tác xã; (7) quan tâm đến cộng đồng.

Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Bác Hồ (1927) viết: Tục ngữ An Nam có câu: "nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khó" và "một cây làm chẳng nên non, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao", lý luận hợp tác xã đều ở trong những điều ấy. Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc. Thí dụ mỗi người mang một cái cột, một tấm tranh ở riêng mỗi người một nơi, thì lều chẳng ra lều, nhà chẳng ra nhà. Nhóm những cột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một cái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau, ấy là hợp tác. Lại thí

dụ 10 người muốn ăn cơm, mỗi người riêng một nồi, nấu riêng một bếp, nấu rồi ăn riêng, ăn rồi ai nấy dọn dẹp riêng của người nấy, thế thì mất biết bao nhiêu củi, nước, công phu và thì giờ. Hợp tác xã là "góp gạo thổi cơm chung" cho khỏi hao của, tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ. Bác cũng phân biệt rõ HTX với các tổ chức kinh tế khác: “trước khi nói rõ những hợp tác ấy là thế nào, chúng ta phải biết rằng: (i) hợp tác xã khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, hợp tác xã lợi chung; (ii) hợp tác xã tuy là để giúp đỡ nhau, nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có tiêu đi mà không làm ra, và giúp đỡ bất kỳ ai nhưng có ý bóc lột, hợp tác xã có tiêu đi, có làm ra, chỉ giúp cho người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng, một cách "kách mệnh" ai cũng giúp mà ai cũng được giúp.

Đến thời kỳ đổi mới, lý luận về HTX ở Việt Nam đã được hoàn thiện hơn rất nhiều, thể hiện thông qua các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước, làm nền tảng cho sự ra đời và phát triển của HTX. Theo đó, đến nay, khái niệm về HTX được thống nhất trong Luật Hợp tác xã năm 2012 như sau, hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

Trong hoạch định chính sách, trước hết cần chỉ rõ đối tượng của chính sách, để phân định rõ được thế nào là hợp tác xã trong nông nghiệp; thế nào là hợp tác xã nông nghiệp là vấn đề khá khó khăn (Chambo, S.A, 2009). Hợp tác xã trong nông nghiệp có thể được hiểu là các hợp tác xã có hoạt động thuần túy trực tiếp sản xuất và/hoặc kinh doanh các dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi. Các dịch vụ bao gồm: cung cấp dịch vụ làm đất, nước; giống; phân bón; chế biến, bảo quản, thu mua sản phẩm nông nghiệp. Hợp tác xã nông nghiệp là các hợp tác xã có hoạt động liên quan tới sản xuất và/hoặc kinh doanh trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, khai thác thủy sản (GF Ortmann & RP King, 2010). Như vậy, hợp tác xã nông nghiệp có lĩnh vực hoạt động rộng hơn hợp tác xã trong nông nghiệp, có

thể bao gồm: một số lĩnh vực phi nông nghiệp nhưng có liên quan tới nông nghiệp (chế tạo máy móc, thiết bị, dụng cụ, phân bón; thức ăn chăn nuôi... phục vụ sản xuất nông nghiệp); lâm nghiệp; khai thác thủy sản...

Trong Luận án này, hợp tác xã trong nông nghiệp được hiểu là HTX theo Luật Hợp tác xã năm 2012 nhưng hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Cụ thể HTXNN là: *tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.*

2.1.2. Phân loại hợp tác xã trong nông nghiệp

Hiện nay, Việt Nam đang phân loại HTX NN ra làm 4 loại (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg), gồm:

Hợp tác xã trồng trọt: là hợp tác xã có hoạt động sản xuất trồng trọt (trồng cây hàng năm, cây lâu năm; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp) và dịch vụ trồng trọt có liên quan; dịch vụ sau thu hoạch; xử lý hạt giống để nhân giống.

Hợp tác xã chăn nuôi: là hợp tác xã có hoạt động sản xuất chăn nuôi (trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, lợn, gia cầm, thủy sản và chăn nuôi khác); dịch vụ chăn nuôi có liên quan;

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp: là hợp tác xã có hoạt động dịch vụ nông nghiệp (cung ứng, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của thành viên, thực hiện các dịch vụ có liên quan)

Hợp tác xã trong nông nghiệp tổng hợp: là hợp tác xã có hoạt động từ hai lĩnh vực hoạt động của các hợp tác xã trở lên (trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ có liên quan) được phân loại tại các mục trên.

Trong nghiên cứu này, việc phân loại, đánh giá HTX trong nông nghiệp cũng sử dụng như cách phân loại hiện hành của Việt Nam theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg.

2.1.3. Vị trí, vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân

Thực tiễn phát triển của khu vực HTX trên thế giới gần đây cho thấy khu vực HTX thế kỷ XXI và trong thời đại toàn cầu hóa không những giảm đi, ngược lại còn tăng lên. Các HTX tại các nước, nhất là các nước công nghiệp phát triển có xu hướng sáp nhập, hợp nhất thành các HTX có quy mô lớn, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong phát triển đất nước [40].

2.1.3.1. Vai trò của HTXNN đối với thành viên

Vai trò của HTXNN đối với thành viên bắt nguồn từ các chức năng, nhiệm vụ của HTX với xã viên của nó theo bản chất, ý nghĩa của sự hình thành loại hình tổ chức kinh tế [40].

Tổ chức hoạt động tín dụng nội bộ trong HTX. Trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa, từng xã viên thường gặp khó khăn nhất định về vốn đầu tư vào sản xuất, họ có nhu cầu cao đối với vay vốn để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, mà việc tiếp cận vốn tín dụng chính thức không dễ dàng và không thuận lợi đối với họ. Hoạt động tín dụng nội bộ trong HTX sẽ đóng vai trò như một kênh tạo vốn cho các xã viên có nhu cầu vay vốn bằng việc huy động vốn nhàn rỗi, đem lại lợi ích cho họ từ tiết kiệm cho vay.

Tổ chức các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp của xã viên. Thực hiện các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp bao gồm: cung cấp dịch vụ làm đất của từng hộ xã viên để hộ tiến hành các hoạt động sản xuất nông nghiệp theo đúng kế hoạch sản xuất của vùng nông nghiệp, đồng thời giúp cho xã viên thuận lợi do công việc làm đất có cùng chất lượng, giá cả thấp; cung cấp dịch vụ tưới tiêu nước theo nhu cầu của cây trồng trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Dịch vụ này có đặc điểm là chỉ có thể thực hiện nếu trên đồng ruộng của HTX hình

thành được hệ thống kết cấu hạ tầng chung để dẫn nước tới từng mảnh ruộng của hộ xã viên; cung cấp vật tư đầu vào của sản xuất nông nghiệp. Vai trò của HTX thực hiện dịch vụ này bắt nguồn từ nhu cầu của xã viên cần được cung ứng kịp thời và có chất lượng tốt, giá thành rẻ các loại giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thuốc thú y.. để sản xuất nông nghiệp thu được hiệu quả cao nhất. Vai trò của HTX là chủ động tiếp cận các nguồn cung ứng sản phẩm, vật tư nói trên có chất lượng tốt, giá cả thấp và ổn định; cung cấp dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi tránh khỏi các dịch bệnh nguy hại. Theo quy luật chung, càng mở rộng quy mô sản xuất thì nguy cơ dịch bệnh càng cao, để phòng chống dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, đòi hỏi các xã viên phải cùng nhau thực hiện những quy định phòng ngừa dịch bệnh. Điều này dẫn đến vai trò ngày càng quan trọng của HTX trong việc tổ chức cho xã viên áp dụng những biện pháp, quy trình sản xuất ngăn ngừa dịch bệnh; thông qua các tổ chức chứng nhận có thẩm quyền để chứng nhận chất lượng, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm của các xã viên HTX.

HTXNN cung cấp dịch vụ tiêu thụ sản phẩm của xã viên làm ra. Vai trò của HTX thể hiện trong việc tổ chức các hoạt động như: phơi sấy, làm sạch, phân loại sản phẩm, xay xát, chế biến và tổ chức tiêu thụ sản phẩm cho xã viên mà bản thân từng hộ khó hoặc không đủ điều kiện để thực hiện.

HTX tạo việc làm thông qua tổ chức sản xuất và kinh doanh mang tính tập thể. Tổ chức ra các cơ sở kinh tế trong HTX để thực hiện những hoạt động sản xuất tập trung, tạo ra sản phẩm mới để bán theo nhu cầu thị trường; thành lập các cơ sở hoạt động thương mại, buôn bán và các dịch vụ có mục tiêu phục vụ đời sống vật chất của xã viên và cộng đồng, tăng thu nhập cho HTX, từ đó phân phối lại cho xã viên.

Giúp xã viên tăng vốn xã hội. Trong môi trường của HTX nông nghiệp, vốn xã hội của các xã viên chính là tổng thể các mối quan hệ của họ với nhau trong

nội bộ HTX và của từng thành viên với các hệ thống bên ngoài HTX, có ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của từng hộ xã viên;

Tổ chức các hoạt động văn hóa, phúc lợi tập thể cho xã viên. HTX triển khai các hoạt động sinh hoạt văn hóa, phúc lợi xã hội trong cộng đồng xã viên nhằm tạo môi trường xã hội thân thiện, lành mạnh, tin tưởng lẫn nhau trong cộng đồng xã viên;

HTXNN là cầu nối thụ hưởng các chính sách hỗ trợ, phát triển của Nhà nước đối với hộ nông dân, các chương trình hỗ trợ sẽ hiệu quả hơn rất nhiều bởi tác động đồng thời tới số lượng lớn kinh tế hộ, như máy móc, thiết bị nông nghiệp, hỗ trợ mua tạm trữ lúa gạo, lưu kho, bảo quản, chế biến, ...vvv.

2.1.3.2. Vai trò của HTXNN đối với tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới

Thứ nhất, HTX với tư cách là một thể chế kinh tế đặc biệt trong nền kinh tế không mâu thuẫn với cơ chế thị trường, không những có thể phát huy lợi thế và tiềm năng của mình trong nền kinh tế thị trường mà còn bổ khuyết cho cơ chế thị trường [13]. HTX có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, góp phần thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, xây dựng HTXNN là một trong những tiêu chí trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới (tiêu chí số 13);

Thứ hai, ngoài đóng góp trực tiếp của khu vực HTX vào tăng trưởng kinh tế chung, các HTX còn đóng góp gián tiếp thông qua tác động tới kinh tế thành viên, HTX thành viên thông qua tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội tại địa phương [40];

Thứ ba, HTXNN đóng vai trò thúc đẩy hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp, HTXNN đóng vai trò quan trọng trong tổ chức lại sản xuất, nâng cao đời sống người dân nông thôn. Xây dựng HTX khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chất lượng không đồng đều, giảm chi phí sản xuất, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế cao;

Thứ tư, HTXNN là thể chế phù hợp kết hợp hài hòa giữa sự tự lực của hộ nông dân và sự trợ giúp của Nhà nước, kết hợp nhà nước và thị trường [13] trong tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;

Thứ năm, HTXNN góp phần đưa tiến bộ khoa học, công nghệ, thiết bị kỹ thuật hiện đại tới người nông dân trong các khâu sản xuất nông nghiệp và nông thôn; phát triển và mở rộng các dịch vụ và hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến thương; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thực hành nông nghiệp cho lao động nông nghiệp, nông thôn; tổ chức thực hiện việc phổ cập thông tin khoa học - kỹ thuật và thông tin thị trường đến các vùng nông thôn [52];

Thứ sáu, HTXNN góp phần quan trọng vào việc nâng cấp và phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn: hệ thống điện, thủy lợi, giao thông nông thôn, các công trình phúc lợi xã hội, trường học phục vụ thành viên và cộng đồng dân cư nông thôn [11].

2.2. Cơ sở lý luận về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

2.2.1. Khái niệm chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

Khái niệm về chính sách

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về chính sách. Chính sách là một chuỗi những hành động có mục đích nhằm giải quyết một số vấn đề (Anderson, 1984); Chính sách là những gì mà chính phủ làm, hoặc bỏ qua không làm (Klein & Marmor, 2009); Chính sách là quá trình mà một xã hội tạo ra và quyết định có tính bắt buộc những hành vi nào được chấp nhận và hành vi nào không (Wheelan, 2011). Từ điển bách khoa Việt Nam đã đưa ra khái niệm về chính sách như sau: “Chính sách là những chuẩn tắc cụ thể để thực hiện đường lối, nhiệm vụ. Chính sách được thực hiện trong một thời gian nhất định, trên những lĩnh vực cụ thể nào đó. Bản chất, nội dung và phương hướng của chính sách tùy thuộc vào tính chất của đường lối, nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa” [29]. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành quy phạm pháp luật định nghĩa: “Chính sách là định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định”. Chính sách bao gồm những phương án hành động không mang tính bắt buộc, mà có tính định hướng, kích thích phát triển (Văn Tất Thu, 2017).

Khái niệm về phát triển

Khái niệm này đã có từ rất lâu, một số nhà khoa học xã hội của phương Tây cho rằng khái niệm phát triển bắt nguồn từ thuyết tiến hóa của Darwin. Thời kỳ thế kỷ ánh sáng, nó gắn với khái niệm tiến bộ được Condorcet nêu lên. Sau đó, nó gắn với sự phát triển kinh tế lần đầu tiên xuất hiện với tác phẩm “Những giai đoạn của phát triển kinh tế” năm 1876 của Bruno Holdebrand và gần 100 năm sau, vào những năm 60 của thế kỷ XX, chúng ta biết đến tác phẩm của Walt Rostow “những giai đoạn của tăng trưởng kinh tế. Một tuyên ngôn không cộng sản”. Cho đến thập kỷ 70, xuất hiện sự lạm phát các khái niệm về phát triển: phát triển về liên đới, phát triển về nội sinh, phát triển về cộng đồng, phát triển về hội nhập, phát triển về sinh thái, phát triển xã hội chủ nghĩa. Phải đợi đến những năm 80 và đầu những năm 90 mới có những lý thuyết về phát triển kinh tế gắn với sự phát triển con người được xem như là nhân vật chủ thể, động lực chính trong sự phát triển kinh tế và xã hội. Ở đây cần nói đến lý thuyết về sự phát triển bền vững (sustainable development). Xuất phát từ sự phá hoại ghê gớm môi trường, đe dọa sự tồn tại của các thế hệ tương lai, Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển (mang tên Ủy ban Brundtland) đưa ra trong báo cáo năm 1987 “Tương lai của chúng ta” nhấn mạnh trách nhiệm của tất cả mọi người trên thế giới “trong khi đáp ứng những nhu cầu của thế hệ hiện tại thì không được làm ảnh hưởng đến sự thỏa mãn những nhu cầu của các thế hệ tương lai” (Bùi Đình Thanh, 2015). Nhiều nhà nghiên cứu khoa học xã hội cho rằng:

- Phát triển là sự gia tăng kinh tế xã hội và làm tăng sự thịnh vượng của

người dân (Mc Nicoll và Cain, 2002); phát triển là sự đáp ứng nhu cầu của con người (Robert Mc Narama, 1986); phát triển là cải thiện phúc lợi của con người, chất lượng cuộc sống, phúc lợi xã hội, đáp ứng nhu cầu và mong muốn của người dân (Gro Harlem Brundtland, 1987); phát triển đề cập đến các biện pháp tăng trưởng kinh tế, phúc lợi xã hội và mức độ hiện đại hóa trong xã hội, văn hóa, quốc gia hoặc khu vực (Keller, 2009);

- Phát triển là một quá trình tạo ra sự tăng trưởng, tiến bộ, thay đổi tích cực hoặc bổ sung các thành phần vật lý, kinh tế, môi trường, xã hội và nhân khẩu học. Mục đích của sự phát triển là sự gia tăng về mức độ và chất lượng cuộc sống của người dân, và tạo ra hoặc mở rộng cơ hội việc làm và thu nhập của khu vực địa phương mà không làm tổn hại đến tài nguyên và môi trường. Phát triển có thể nhìn thấy và hữu ích, không nhất thiết phải ngay lập tức và bao gồm một khía cạnh của thay đổi chất lượng và tạo ra các điều kiện để tiếp tục thay đổi đó (Sid Israel, 2018);

- Phát triển là mang lại sự thay đổi xã hội cho phép mọi người đạt được tiềm năng con người của họ. Một điểm quan trọng cần nhấn mạnh phát triển là một thuật ngữ chính trị: nó có một loạt các ý nghĩa phụ thuộc vào bối cảnh sử dụng thuật ngữ này, và nó cũng có thể được sử dụng để phản ánh và biện minh cho nhiều loại chương trình nghị sự khác nhau được tổ chức bởi các chương trình khác nhau của cá nhân hoặc tổ chức (Blake Rice, 2016);

- Sự phát triển bao gồm nhiều hơn những cải thiện về sức khỏe của công dân, thậm chí được định nghĩa rộng rãi: nó cũng truyền tải một cái gì đó về năng lực của các hệ thống kinh tế, chính trị và xã hội để cung cấp các tình huống cho sự thịnh vượng bền vững, lâu dài (Owen Barder, 2012).

Chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

Từ những luận giải về HTXNN, chính sách và phát triển ở trên, trong Luận án này, chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp được hiểu là: *định*

hướng, giải pháp, chiến lược, kế hoạch và hành động của Nhà nước để thúc đẩy sự thay đổi của khu vực hợp tác xã trong nông nghiệp theo hướng gia tăng về số lượng (HTX, thành viên tham gia), gia tăng về chất (năng lực nội tại, khả năng cạnh tranh) và nâng cao hiệu quả hoạt động (vai trò xã hội, lợi nhuận ròng, bảo vệ môi trường).

2.2.2. Khung chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

Về thể thức, chính sách phát triển HTXNN được thể hiện dưới các hình thức văn bản theo một chỉnh thể thống nhất, bao gồm: Chủ trương của Đảng; Cương lĩnh phát triển đất nước (bổ sung và phát triển năm 2011); Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013); Luật (Luật Hợp tác xã 2012 và các luật khác có liên quan), Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư, Chỉ thị...

Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể có chủ trương "cần bổ sung, sửa đổi một số chính sách để phát triển HTX, bao gồm: Chính sách cán bộ và nguồn nhân lực; Chính sách đất đai; Chính sách tài chính - tín dụng ; Chính sách hỗ trợ về khoa học - công nghệ; Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường; Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

Cương lĩnh phát triển đất nước có nêu: Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”

Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (Điều 51) quy định: Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa.

Luật HTX năm 2012 (Điều 6) quy định: i) Nhà nước có chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; ii) Nhà nước có chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế; ưu đãi lệ phí đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí; iii) HTXNN được hưởng các chính sách đặc thù về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về đất đai; ưu đãi về tín dụng; vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; chế biến sản phẩm.

2.2.3. Các yếu tố cấu thành chính sách phát triển hợp tác xã

2.2.3.1. Chủ thể chính sách

Chủ thể của chính sách là Nhà nước, với tư cách là đại diện cho xã hội, cho đất nước thực hiện quyền quản lý kinh tế - xã hội của quốc gia. Ở Việt Nam, chủ thể của chính sách là Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, HĐND và UBND các cấp. i) Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể xác định quan điểm, định hướng phát triển HTXNN được cụ thể hoá bằng các Nghị

quyết, Kết luận, Chỉ thị; ii) Quốc hội là chủ thể xây dựng, ban hành và giám sát việc thi hành luật về HTX và các luật liên quan, trong đó có nội dung về HTXNN; iii) Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ có nhiệm vụ ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành luật, nghị quyết, pháp lệnh, lệnh, quyết định của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước về phát triển HTXNN để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; xây dựng và quyết định mục tiêu, chỉ tiêu của chính sách theo thẩm quyền; iv) Các bộ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc có liên quan đến sự hình thành và phát triển HTXNN; v) HĐND và UBND địa phương là cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương có chức năng thực hiện các chính sách và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chính sách của Trung ương về sự hình thành và phát triển HTXNN tại địa phương (Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013).

2.2.3.2. Mục tiêu chính sách

Mục tiêu phát triển HTXNN là cái đích chung cần đạt được của chính sách, đó là huy động, phân bổ và toàn dụng các nguồn lực về lao động, vốn, đất đai, khoa học - công nghệ cho sản xuất và kinh doanh nông nghiệp trong một loại hình tổ chức là HTXNN nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của thành viên HTXNN nói riêng và mức sống của dân cư nói chung. Mục tiêu cụ thể là các chỉ tiêu định lượng cần đạt tới của chính sách trong từng thời kỳ, bao gồm: Số lượng (thành viên; HTX), quy mô, chất lượng và cơ cấu các loại HTXNN. Số lượng thành viên; số lượng HTXNN là chỉ tiêu phản ánh số thành viên tham gia; số HTXNN đang hoạt động trong từng thời kỳ nhất định, thường là một năm hoặc một chu kỳ chính sách. Chất lượng HTXNN là chỉ tiêu phản ánh năng lực của HTXNN, thường được đo bằng lãi lỗ và tốc độ gia tăng lãi lỗ hàng năm của HTXNN. HTXNN làm ăn có lãi ổn định, liên tục được

coi là có chất lượng tốt và ngược lại. Quy mô HTXNN là chỉ tiêu phản ánh mức độ lớn hay nhỏ của HTXNN, thông thường, người ta sử dụng các tiêu chí về số lượng vốn, lao động, diện tích đất sản xuất, doanh thu, số lượng thành viên, phạm vi hoạt động để xác định quy mô HTXNN. Cơ cấu HTXNN là chỉ tiêu phản ánh tỷ trọng về số lượng từng loại HTXNN hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ trong tổng số HTXNN [91]

2.2.3.3. *Đối tượng thụ hưởng chính sách*

Đối tượng của chính sách là nơi chính sách tác động vào, đó là các HTXNN và môi trường xung quanh HTXNN (khách thể). Về thực chất, HTXNN được hình thành và phát triển dựa trên các mối quan hệ và hoạt động sau [42]: các quan hệ và hoạt động để hình thành HTXNN (tạo lập hệ sinh thái cho sự ra đời HTXNN); các mối quan hệ và hoạt động nội bộ HTX. Như vậy, đối tượng thụ hưởng chính sách ở đây bao gồm: các HTXNN; các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập HTXNN; các tổ chức, cá nhân có liên kết với HTXNN; các thành viên HTXNN.

2.2.3.4. *Các giải pháp chính sách*

Giải pháp chính sách là cách thức, là các công việc cần phải thực hiện để tác động vào quá trình hình thành, duy trì hoạt động và phát triển HTXNN đạt được các mục tiêu phát triển HTXNN đã đề ra. Giải pháp bao gồm: nhóm tác động trực tiếp vào các mối quan hệ và hoạt động bên trong HTXNN; các mối quan hệ và hoạt động tương tác giữa HTXNN với bên ngoài để hình thành và phát triển; là việc đề ra mục tiêu và sử dụng các công cụ chính sách tác động vào các quan hệ và hoạt động khách quan nhằm hình thành, duy trì và phát triển HTXNN trên cả ba mặt: số lượng, chất lượng và hiệu quả.

Phân loại theo thời gian có: giải pháp ngắn hạn; giải pháp dài hạn. Phân theo công cụ tác động có một số loại giải pháp: giải pháp về tổ chức; giải pháp tài chính; giải pháp hỗ trợ tiếp cận đất đai; giải pháp hỗ trợ tiếp cận khoa học, kỹ

thuật; giải pháp hỗ trợ xúc tiến thương mại...

2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

2.2.4.1. Các yếu tố trong khâu hoạch định chính sách

Lập chương trình: các cá nhân và tổ chức, cơ quan chức năng tham gia làm chính sách trình vấn đề công ra thảo luận, và xem xét đưa vào chương trình chính thức. Trên thực tế, có những vấn đề chính sách dễ dàng mở “cánh cửa cơ hội” xuất hiện trong chương trình nghị sự; trong khi nhiều vấn đề khác lại bị trì hoãn lâu dài.

Hình thành chính sách: Chính thức đề xuất các phương án (biện pháp thay thế) nhằm mục tiêu giải quyết vấn đề chính sách. Giải pháp thay thế trong các đề xuất chính sách có thể thể hiện dưới dạng dự thảo các quy định pháp lý của chính phủ, tòa án hoặc dự luật của Quốc hội.

Thông qua và ban hành chính sách: Chính sách được chính thức thông qua bởi đa số, hay được hợp pháp hoá (legitimation). Nói chung, chính sách có thể được thông qua bởi Quốc hội, Chính phủ trong phạm vi luật định [27].

2.2.4.2. Các yếu tố trong khâu thực thi chính sách

Tuyên truyền, phổ biến chính sách. Đây là khâu đặc biệt quan trọng bởi muốn chính sách đi vào cuộc sống thì phải làm cho các đối tượng liên quan hiểu về chính sách. Nếu không nhận thức đầy đủ vị trí quan trọng và không thực hiện tốt vị trí công tác phổ biến, tuyên truyền thì dù công tác xây dựng chính sách có làm tốt đến mấy cũng không đạt được hiệu quả thực thi pháp luật[29].

Cơ cấu tổ chức triển khai chính sách. Hình thức tổ chức bộ máy triển khai chính sách phát triển HTXNN phải bao gồm chức năng kép, vừa đảm bảo phù hợp với xu hướng phát triển HTX nhưng cũng phải phù hợp với đặc thù của ngành nông nghiệp. Trong điều kiện tinh gọn bộ máy quản lý theo chủ trương

của Đảng và Nhà nước, việc bố trí, sắp xếp bộ máy thực thi chính sách đảm bảo tinh gọn, hiệu quả không bị chông chéo là yêu cầu cần thiết để chính sách được thực thi có hiệu lực, hiệu quả.

Kế hoạch triển khai chính sách. Lập kế hoạch là quá trình xác định các mục tiêu thực thi chính sách và lựa chọn các phương thức để đạt được các mục tiêu đó. Kế hoạch là một trong những công cụ có vai trò quan trọng trong việc phối hợp nỗ lực của các thành viên trong bộ máy tổ chức thực hiện chính sách. Kế hoạch có tác dụng làm giảm tính bất ổn định của bộ máy tổ chức thực hiện. Lập kế hoạch làm giảm được sự chông chéo và những hoạt động làm lãng phí nguồn lực thực hiện chính sách. Lập kế hoạch cũng sẽ thiết lập được những tiêu chuẩn tạo điều kiện cho công tác kiểm tra đạt hiệu quả cao.

Kinh phí tổ chức triển khai. Đây là điều kiện cần để tổ chức thực hiện chính sách, nếu không có kinh phí thì chính sách không thể thực hiện được. Việc bố trí chậm hoặc không đúng thời điểm, chính sách sẽ không có hiệu lực hoặc hiệu lực thấp. Kinh phí không được bố trí đủ sẽ làm giảm hiệu quả của chính sách.

Giám sát, đánh giá chính sách. Hoạt động giám sát, đánh giá chính sách góp phần xác định những vấn đề phù hợp, ưu việt để phát huy, ngăn ngừa các vi phạm, giữ cho việc thực hiện chính sách đúng với những mục tiêu ban đầu của chính sách, quá trình thực hiện phù hợp với thực tiễn, có những điều chỉnh linh hoạt với thực tiễn.

2.2.5. Các tiêu chí đánh giá chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

2.2.5.1 Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu lực của chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp

- *Tính hướng đến mục tiêu phát triển chung.* Chính sách phát triển HTXNN là chính sách đối với một tổ chức kinh tế cụ thể nằm trong hệ thống các tổ chức kinh tế như kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân... của nền kinh tế,

các mục tiêu của chính sách cần hướng đến mục tiêu chung của phát triển đất nước. Mục tiêu chung phát triển của Việt Nam là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thì mục tiêu chung của chính sách phát triển HTXNN ở Việt Nam phải cụ thể, rõ ràng và hướng đến mục tiêu chung của đất nước. Nếu chính sách phát triển HTXNN được ban hành với mục tiêu không sát thực, hoặc chệch hướng với mục tiêu chung thì sẽ không được thừa nhận và không được thực hiện.

- *Phù hợp tình hình thực tế.* Chính sách phát triển HTXNN xuất phát từ mục tiêu điều chỉnh quan hệ sản xuất trong nông nghiệp dưới hình thức tổ chức HTX nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập và đời sống của lao động nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Đối tượng của chính sách phát triển HTXNN là các quan hệ và hoạt động hình thành và phát triển HTXNN. Các quan hệ và hoạt động này luôn luôn vận động, thay đổi để phù hợp với điều kiện thực tế xã hội. Do vậy, chính sách phải phù hợp với thực tế để vừa đáp ứng được yêu cầu bức thiết của việc hình thành và phát triển HTXNN vừa không làm phát sinh những vấn đề mâu thuẫn với mục tiêu chính sách khác.

- *Tính khả thi* của chính sách phát triển HTXNN là khả năng thực hiện trên thực tế những mong muốn, những mục tiêu của chính sách. Chính sách phát triển HTXNN xuất phát từ mong muốn làm gia tăng số lượng HTXNN với số HTXNN có hiệu quả có tỷ trọng cao và cơ cấu HTXNN chuyển dịch theo hướng gia tăng các HTX dịch vụ nông nghiệp so với hiện trạng. Tuy nhiên, sự hình thành và phát triển của HTXNN do tác động qua lại giữa các quan hệ, hoạt động bên trong và bên ngoài của HTXNN quyết định. Các quan hệ, hoạt động bên trong và bên ngoài của HTXNN luôn luôn thay đổi. Do đó, khi ban hành chính sách phát triển HTXNN, cần phân tích đầy đủ các tác động qua lại giữa các mối quan hệ, hoạt động hình thành và phát triển HTXNN, xác định đúng nguyên nhân làm gia tăng hay kìm hãm sự hình thành và phát triển HTXNN để có các

giải pháp thích ứng. Các mục tiêu của chính sách sát thực, biện pháp chính sách phù hợp làm cho các mong muốn, các mục tiêu được thực hiện trên thực tế được gọi là tính khả thi cao.

- *Tính hợp lý* của chính sách phát triển HTXNN thể hiện ở sự phù hợp giữa mục tiêu với biện pháp; ở sự cân đối, hài hòa giữa mục tiêu chính sách với các mối quan hệ và hoạt động hình thành, phát triển HTXNN ở hiện tại và trong tương lai. Mục tiêu của chính sách phát triển HTXNN là tập hợp mong muốn của một nhóm hay nhiều cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp..., nên không thể cầu toàn rằng mọi mong muốn của cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp... đều được đáp ứng một cách đầy đủ. Do đó, các biện pháp của chính sách phải đảm bảo cân đối, hài hòa hợp lý với các mục tiêu và hợp lý với các quan hệ và hoạt động hình thành, phát triển HTXNN.

2.2.5.2. Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả của chính sách

Hiệu quả của chính sách được đánh giá theo mức độ chi phí của chính sách để thúc đẩy sự thay đổi của khu vực hợp tác xã trong nông nghiệp theo hướng gia tăng về số lượng (HTX, thành viên tham gia), gia tăng về chất (năng lực nội tại, khả năng cạnh tranh) và nâng cao hiệu quả hoạt động (vai trò xã hội, lợi nhuận ròng, bảo vệ môi trường), cụ thể bao gồm các chi phí sau:

- *Chi phí để* gia tăng một thành viên tham gia/số hộ/tổ chức kinh tế/doanh nghiệp tham gia liên kết với HTXNN sau khi chính sách có hiệu lực là tổng số các nguồn lực quy thành tiền đã bỏ ra bình quân để hình thành một liên kết với HTXNN.

- *Chi phí để thúc đẩy hình thành một HTXNN* là tổng số các nguồn lực quy thành tiền đã bỏ ra bình quân để hình thành một HTXNN mới hoạt động có hiệu quả theo đúng bản chất của HTX.

- *Chi phí để nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh của một HTXNN* là tổng số các nguồn lực quy thành tiền đã bỏ ra bình quân để nâng cao

năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh của HTXNN.

2.3. Kinh nghiệm một số nước về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

2.3.1. Kinh nghiệm một số nước chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

2.3.1.1. Ca-na-đa

Dân số Canada năm 2018 là 35.397.790 người, Canada là nền kinh tế lớn thứ 10 trên thế giới, với GDP danh nghĩa năm 2018 khoảng 1.905 tỷ USD. Canada có 5,850 hợp tác xã với vốn hoạt động 87,2 tỉ USD, tổng vốn 512,3 tỉ USD (tương đương 36% GDP), có 3,52 triệu thành viên và 186.524 lao động (chiếm 10,5% dân số trong độ tuổi lao động). Nhằm phát triển HTX, chính phủ Canada đã thực hiện những chính sách sau:

Thông qua khung khổ pháp lý hiệu quả và đổi mới. Tăng cường tính phân biệt giữa HTX với các pháp nhân và tổ chức khác bằng cách làm rõ nguyên tắc HTX được thiết lập bởi Liên minh HTX quốc tế. Nhân mạnh tính dân chủ, sở hữu tập thể và khái niệm chủ sở hữu - người sử dụng; Luật quy định rõ quyền của người góp vốn trong tiếp cận thông tin về vốn, trách nhiệm của HTX phải hoàn lại vốn góp của các thành viên khi xin ra khỏi HTX; quy định bắt buộc HTX thành lập quỹ không chia; đơn giản hóa về mặt hành chính đối với việc công khai hợp pháp hóa các doanh nghiệp, cơ chế chuyển tiếp tư cách của tổ chức có mục đích không lợi nhuận sang tư cách HTX.

Hoàn thiện tích lũy vốn. Bảo đảm tài chính thích đáng cho sự phát triển các HTX bằng cách: Mở rộng sự tham gia của Chính phủ vào “Mạng lưới đầu tư xã hội của Quebec”; tạo quỹ vùng và quỹ tín dụng HTX; thực hiện chương trình khuyến khích huy động vốn của các tổ chức kinh tế - xã hội, chương trình tài chính doanh nghiệp, kinh tế tập thể cho đầu tư; chi các khoản vốn bổ sung trong mạng lưới đầu tư xã hội của Quebec; tăng cường quỹ của mỗi HTX nhằm hoàn thiện việc gây quỹ của họ: Trích một phần trong giới hạn nhằm khấu trừ cho tiền

lãi; cho phép phân chia một phần các số dư đã thực hiện với các thành viên không chính thức của các HTX sản xuất và lao động; sửa đổi thuế để cho mức khấu hao là tiền chia lãi hoặc chính là số tiền dư mà nó có thể phát ra nhằm thỏa mãn việc tăng đầu tư của các thành viên HTX; ưu đãi thuế cho các thành viên và người lao động của HTX trong việc tăng vốn; hoãn nộp thuế với khoản lãi được chia dưới hình thức vốn ưu đãi cho các thành viên HTX.

Hoàn thiện dịch vụ tư vấn cho HTX. Chính phủ có chính sách đầu tư thích đáng cho các dịch vụ tư vấn cho việc khởi nghiệp của HTX mới; tăng cường việc phân chia chuyên môn và hoạt động các liên đoàn; tăng cường số lượng và đa dạng các loại hình HTX; trợ giúp hợp tác xã nâng cao năng lực cạnh tranh với các công ty; hỗ trợ tăng cường mở rộng hiệp hội các HTX. Trên thực tế chính sách này mang lại hiệu quả rất cao, đa số các HTXNN sau khi hình thành được tư vấn của các tổ chức uy tín thúc đẩy phát triển cả về quy mô và chất lượng.

Hỗ trợ của chính phủ cho sự phát triển của HTX. Đây được coi là những điểm ưu việt và mang lại hiệu quả rất cao trong thực thi chính sách phát triển HTX của Canada [80].

2.3.1.2. Thái Lan

Tính đến hết năm 2018, dân số khoảng 67 triệu người đứng thứ 20 trên thế giới, tổng sản phẩm quốc nội khoảng 8.970 tỉ baht. Thái Lan có 4.576 HTXNN với 6.677.500 thành viên, có tổng tài sản là 267,387 tỉ baht (tương đương với 3% GDP) [77]

Chính phủ đã thực hiện chiến lược phát triển cho khu vực hợp tác xã như: Xúc tiến xuất khẩu; sửa đổi Luật hợp tác xã, tạo điều kiện cho các hợp tác xã tự chủ và năng động hơn; Chấn chỉnh hệ thống tín dụng hợp tác xã; thiết lập mạng lưới thông tin hai chiều giữa những người nghèo nông thôn với các tổ chức hợp tác xã; bảo đảm trách nhiệm của các liên đoàn hợp tác xã đối với các hợp tác xã thành viên.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ thành lập và phát triển thị trường cho các hoạt động kinh doanh và dịch vụ của HTX với các biện pháp cụ thể như: Đầu tư ngân sách chính phủ để thiết lập hệ thống và xây dựng cơ sở hạ tầng chợ đầu mối tại các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm để xã viên có thể bán sản phẩm của họ với giá cao hơn; giúp các HTX trong đàm phán, thương lượng về chất lượng nông sản và giá trực tiếp với các thương lái; khi HTX gặp khó khăn, chính phủ giảm 3% lãi suất tiền vay trong 3 năm cho các HTX;

Ban hành và triển khai các chính sách hỗ trợ khó khăn cho HTXNN như: hỗ trợ HTX trong giải quyết tình trạng thiếu nước, giảm rủi ro trong sản xuất nông nghiệp, nhất là tình trạng rớt giá nông sản; cấp trực tiếp 30% kinh phí để các HTX đào ao nuôi thả thủy sản trên ruộng đất của xã viên, đồng thời để trữ nước cho trồng trọt vào mùa khô. Thành lập các nhóm khuyến nông (hoạt động bằng ngân sách của chính phủ) để hỗ trợ các HTX trong việc hướng dẫn xã viên cấy lúa hợp lý, trồng cây ăn quả, nuôi gia cầm, thả cá có năng suất cao; thành lập các HTX chuyên ngành cùng sản xuất nông nghiệp hoặc HTX ngành nghề phi nông nghiệp; giúp nông dân xã viên không ruộng hoặc ít ruộng vay tiền để mua hoặc thuê ruộng thông qua HTX đất đai để có đất sản xuất; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp [31];

Cung cấp dịch vụ kiểm toán miễn phí cho các HTX. Cục kiểm toán HTX trực thuộc Bộ nông nghiệp và HTX, chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ kiểm toán toàn diện cho tất cả các HTX trên lãnh thổ Thái Lan và thực hiện quản lý nhà nước về những vấn đề bắt buộc là: Xác định chính xác những thông tin cơ bản về HTX; Đánh giá tính chuẩn mực trong hệ thống kế toán HTX; Phân tích những điểm mạnh và yếu trong hệ thống quản lý nội bộ HTX; Đánh giá các rủi ro trong bảng cân đối kế toán và các giao dịch của HTX; Đánh giá mức độ kinh tế hiện tại, những khó khăn và khả năng tiếp tục phát triển của từng HTX... [76].

2.3.1.3. Hàn Quốc

Trước đây, HTX cơ sở cấp xã đã hình thành tự phát nhưng do những hạn chế về quan niệm lịch sử, về hình thức hoạt động, và ảnh hưởng của chiến tranh nên hoạt động của các HTX dần trở nên không phù hợp.

Từ năm 1969 đến 1974, Chính phủ tiến hành những thay đổi căn bản nhằm trao nhiều quyền hạn hơn cho các HTX cơ sở thông qua 2 chính sách sau: (1) Nâng cao qui mô kinh tế cho các HTX cơ sở. Chính phủ hợp nhất các HTX cơ sở ở cấp xã thành HTX cơ sở cấp thị trấn nhằm nâng cao qui mô kinh tế của HTX cơ sở. Qua đó, các HTX cơ sở có thể cung cấp dịch vụ tốt hơn cho nhu cầu của nông dân; (2) Hình thành các "HTX cơ sở - doanh nghiệp đa chức năng". Chính phủ quyết định chuyển giao các hoạt động kinh doanh trước kia chỉ thuộc hoạt động của các HTX cấp vùng, cấp thành phố hoặc của các doanh nghiệp cho các HTX cơ sở. Hoạt động của các HTX cơ sở được mở rộng. Kể từ năm 1971, các HTX cơ sở đã hoạt động tất cả trên 4 lĩnh vực chính: cung cấp tín dụng, cung cấp phân bón, cung cấp hoá chất nông nghiệp, và cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.

Những việc làm này của Chính phủ trở nên thiết thực hơn do các HTX cơ sở gần gũi với nông dân hơn, nắm rõ nhu cầu nông dân hơn. Các HTX cơ sở đã phát triển thành các doanh nghiệp đa chức năng. Tuy nhiên, hầu hết các hoạt động của các HTX cơ sở vẫn chủ yếu tập trung vào các khâu hỗ trợ đầu vào như vốn và vật tư cho sản xuất nông nghiệp, ít tập trung vào hoạt động khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm - những khâu mà từng cá thể đơn lẻ khó thực hiện được.

Từ 1975 đến 1980, các chương trình tăng thu nhập cho nông dân của phong trào Làng mới (Saemaul Undong) được phát động mạnh. Kinh tế nông thôn, kinh tế nông hộ phát triển thực sự tiếp thêm sức mạnh cho các "HTX cơ sở - doanh nghiệp đa chức năng". Trong giai đoạn này, quá trình đa dạng hoá sản phẩm và sản xuất hàng hoá tăng lên rất nhanh. Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn đạt ngang với thu nhập bình quân đầu người ở thành thị. Hơn nữa, tại thời điểm này, tập quán dân chủ do phong trào Làng mới tạo ra đã thúc đẩy

người dân nông thôn tích cực tham gia và thiết lập một hệ thống HTX phục vụ trực tiếp cho những nhu cầu của mình.

Đến cuối thập kỷ 70, các chức năng hay qui mô hoạt động của các HTX căn bản đã được hình thành. Các hoạt động này bao gồm từ khâu hỗ trợ tín dụng, bảo hiểm, cung cấp vật tư nông nghiệp cho đến các hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin thị trường, v.v...

Từ năm 1980 đến nay, hệ thống HTX không ngừng hoàn thiện về tổ chức và hình thức hoạt động và đến nay đã rất hoàn chỉnh. Cơ quan đứng đầu của Hệ thống là Liên đoàn HTX Nông nghiệp Quốc gia (NACF). Trong đó có hai nhánh là HTX cơ sở và HTX ở đô thị. Chủ nhiệm HTX do xã viên bầu. Chủ tịch và Kiểm toán viên chính của NACF do các chủ nhiệm HTX cơ sở bầu lên. Các thành viên khác của ban lãnh đạo NACF được Chủ tịch đề cử và hội nghị đại biểu các chủ nhiệm HTX cơ sở chấp nhận. Hiện NACF điều hành 89 trung tâm bán buôn nông sản, 440 siêu thị “phi thành viên”, 10 khu chợ nông dân hoạt động 24 giờ/ngày và 3 siêu tổ hợp tiếp thị nông sản. Riêng tiền đầu tư cho 3 siêu tổ hợp tiếp thị nông sản đã lên tới 182 tỷ won (165 triệu USD). Trong 2 năm tới sẽ có thêm 10 siêu tổ hợp loại này được xây dựng ở các thành phố chính. NACF quản lý một mạng lưới dịch vụ vận chuyển nông sản từ cửa nông trại đến người tiêu dùng với 1500 ô tô chuyên dụng, 1100 trung tâm tập trung hàng, hỗ trợ cho 20,5 ngàn nhóm vận chuyển hàng hóa của các HTX.

Doanh số nông sản của hệ thống HTX Hàn quốc năm 1998 đạt tới 9,3 tỷ USD trong đó 70% từ các HTX cơ sở. Tuy trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế nhưng doanh số giao dịch quốc tế của NACF 1998 cũng đạt 3,9 tỷ USD. Do gắn chặt với người sản xuất, công tác kinh doanh nông sản của NACF chẳng những đáp ứng nhu cầu sống còn về tiêu thụ nông sản cho nông dân mà còn cho phép nông dân sản xuất theo đúng yêu cầu của thị trường, giảm tối thiểu chi phí lưu thông hao hụt mất mát, do đó, hiện nay, Liên đoàn quản lý một hệ thống doanh

ngiệp kinh doanh nông sản lớn nhất và cạnh tranh mạnh nhất, nắm giữ 40% thị phần buôn bán nông sản trên thị trường Hàn quốc. Thông qua NACF, Chính phủ Hàn quốc tập trung phát triển HTXNN thông qua các chính sách: Hỗ trợ hoạt động chế biến nông sản của HTX; hoạt động tín dụng ngân hàng cho HTX; Hoạt động cung cấp vật tư và hàng tiêu dùng cho nông dân; Hoạt động bảo hiểm [103].

2.3.1.4. Ấn Độ

Ở Ấn Độ, tổ chức hợp tác xã được ra đời từ lâu và chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế của nước này, trong đó, Liên minh hợp tác xã Quốc gia Ấn Độ (NCUI) là tổ chức cao nhất, đại diện cho toàn bộ hợp tác xã ở Ấn Độ. NCUI có 212 thành viên, gồm 17 liên đoàn hợp tác xã chuyên ngành cấp quốc gia, 171 liên đoàn hợp tác xã thuộc các bang và 24 liên hiệp hợp tác xã đa chức năng cấp quốc gia. Mục tiêu chính của NCUI là hỗ trợ và phát triển phong trào hợp tác xã ở Ấn Độ, giáo dục và hướng dẫn nông dân cùng nhau xây dựng và phát triển hợp tác xã. Nhiệm vụ quan trọng của NCUI là công tác đào tạo với hệ thống đào tạo 3 cấp: Viện Đào tạo quốc gia có nhiệm vụ đào tạo và cấp bằng cao đẳng về quản lý kinh doanh hợp tác xã; Viện Đào tạo cấp bằng đào tạo và bằng trung cấp về quản lý, kinh doanh hợp tác xã; Trung tâm đào tạo cấp quận, huyện đào tạo cán bộ hợp tác xã cơ sở, đào tạo nghề. Do có các chính sách và phân cấp đào tạo hợp lý nên Ấn Độ đã có một đội ngũ cán bộ có trình độ cao, thúc đẩy khu vực kinh tế hợp tác xã phát triển và mô hình hợp tác xã trở thành lực lượng vững mạnh, tham gia vào hầu hết các hoạt động kinh tế của đất nước.

Nhận thức rõ vai trò của các hợp tác xã chiếm vị trí trọng yếu trong các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, Chính phủ Ấn Độ đã thực hiện các chính sách đột phá phát triển khu vực HTXNN, cụ thể: (1) Chính phủ đã thành lập duy nhất một tổ chức đầu mối chịu sự uỷ thác của chính phủ là công ty quốc gia phát triển hợp tác xã, thực hiện nhiều dự án khác nhau trong lĩnh vực chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản, hàng tiêu dùng, lâm sản và các mặt hàng khác, đồng thời thực hiện

các dự án về phát triển những vùng nông thôn còn lạc hậu.; (2) Chính phủ tập trung đầu tư nguồn lực như tài chính, nhân lực, thể chế vào một số chính sách đã thực hiện chiến lược phát triển cho khu vực hợp tác xã như: Xúc tiến xuất khẩu; Sửa đổi Luật hợp tác xã, tạo điều kiện cho các hợp tác xã tự chủ và năng động hơn; Chấn chỉnh hệ thống tín dụng hợp tác xã; Thiết lập mạng lưới thông tin hai chiều giữa những người nghèo nông thôn với các tổ chức hợp tác xã; Bảo đảm trách nhiệm của các liên đoàn hợp tác xã đối với các hợp tác xã thành viên [102].

2.3.1.5. Một số quốc gia có phong trào HTX phát triển thực hiện chính sách không can thiệp tới sự phát triển của hợp tác xã trong nông nghiệp

New Zealand. Tính hết năm 2018, dân số New Zealand khoảng 4,83 triệu người, GDP đạt 185,3 tỉ USD. Các HTX và công ty liên kết tại New Zealand đóng góp khoảng 20% GDP, tạo việc làm cho khoảng 500.000 người. Năm 2014, Liên hiệp quốc đã đặt tên New Zealand là nền kinh tế hợp tác xã lớn nhất toàn cầu dựa trên số liệu điều tra 145 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mặc dù phong trào HTX rất phát triển nhưng New Zealand không có chính sách hỗ trợ hay ưu đãi phát triển HTX mà chỉ có Luật HTX năm 1996 [1].

CHLB Đức. Một trong những chiếc nôi đầu tiên của mô hình kinh tế ở Châu Âu xuất hiện ở CHLB Đức. Cho đến nay, đất nước này vẫn duy trì một hệ thống HTX mạnh, kinh tế HTX là một bộ phận quan trọng của thành phần kinh tế quốc doanh và có những đóng góp quan trọng vào kinh tế nông thôn nói riêng và kinh tế quốc dân nói chung. Hiện nay (tính đến hết năm 2018), Đức có các HTX nông nghiệp chính như: dịch vụ nông nghiệp tổng hợp, mua bán nông sản; sữa và sản phẩm sữa; trồng và bảo quản nho; cung cấp nước sạch; chăn nuôi và chế biến sản phẩm thịt; chế biến rau, quả; trồng cỏ và chế biến thức ăn gia súc; cung cấp điện; dịch vụ máy nông nghiệp; thủy hải sản; hoa, cây cảnh; bánh mì, bánh ngọt; dịch vụ nhà kho, nhà đông lạnh; chế biến nho... Các HTX nông nghiệp của Đức đang nắm thị phần cao đối với rất nhiều sản phẩm nông nghiệp

quan trọng: 70% thị phần sản phẩm thịt chế biến, hơn 60% thị phần của các sản phẩm sữa, hơn 30% thị phần rượu nho. Ngoài dịch vụ cung cấp cho thành viên, các HTX nông nghiệp tạo ra khoảng 150.000 việc làm trực tiếp. Tính trung bình, mỗi HTX nông nghiệp sử dụng 46 lao động. Theo quy định của Luật HTX Đức, hằng năm, các HTX đều được kiểm toán định kỳ và do Hiệp hội HTX thực hiện. Tuy vậy, Đức cũng thực hiện chính sách không can thiệp vào sự phát triển của HTX nông nghiệp, các HTX hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 1973 [99].

Mỹ. Tính đến hết năm 2018, Mỹ có 53.217 HTX với khoảng 150 triệu thành viên. Các HTX nông nghiệp (35.000 HTX) đóng vai trò quan trọng, đảm nhận gần 1/3 công việc thu hoạch, chế biến và thương mại nông nghiệp. Tổng doanh thu của các HTX này vào khoảng 100 tỷ EUR, trong đó có khoảng một phần ba HTX thuộc về 100 HTX lớn nhất. HTX ở Mỹ rất mạnh trong ngành công nghiệp sản xuất bơ sữa. HTXNN ở Mỹ hoạt động dưới sự chi phối của cả luật bang và luật liên bang. Các bang quy định khung pháp lý cho hoạt động của HTX. Luật liên bang liên quan nhiều nhất đến HTX ở khía cạnh chống độc quyền và chính sách ưu đãi, hỗ trợ. Năm 1865, đạo luật thương mại HTX đầu tiên được ra đời tại bang Michigan. Sau đó, hàng loạt bang đã ban hành các đạo luật điều chỉnh hoạt động của HTX. Năm 1911, có 12 bang ban hành luật HTX đặc biệt. Sau năm 1920, rất nhiều bang đã ban hành đạo luật HTX. Ở cấp độ chính phủ liên bang, HTXNN là đối tượng chịu chi phối bởi luật chống độc quyền Sherman, ban hành năm 1890. Đến năm 1922, đạo luật Capper-Volstead cho quyền người nông dân được thống nhất và thương mại hoặc chế biến sản phẩm của họ trong các HTX được miễn trừ vi phạm đạo luật chống độc quyền. Năm 1914, Chính phủ Hoa Kỳ đã phê duyệt chương trình khuyến nông cho HTXNN. Đạo luật thương mại HTX năm 1926 đã mở rộng và chính thức hóa vai trò của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ trong việc hỗ trợ và khuyến khích phát triển HTXNN. Cục HTX và Kinh doanh Nông thôn (Rural business and Cooperative Service) cũng được thành lập để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, cung cấp

hỗ trợ kỹ thuật và thông tin để thúc đẩy nhận thức về HTX. Tuy nhiên, từ những năm 1970 trở lại đây, Mỹ đã không còn duy trì chính sách phát triển HTXNN nữa [98;101].

Nhật Bản. Ở Nhật Bản, HTX là nhân tố tích cực, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, các loại hình tổ chức HTX ở Nhật Bản bao gồm: HTX nông nghiệp và HTX tiêu dùng. Một trong những đặc điểm nổi bật nhất của HTX nông nghiệp Nhật Bản là hợp tác trong phân phối chứ không hợp tác trong sản xuất. HTX nông nghiệp thực hiện hai nhiệm vụ chính: *Một là*, cung cấp cho nông dân các yếu tố “đầu vào” phục vụ sản xuất nông nghiệp, như phân bón, hóa chất nông nghiệp, trang thiết bị, kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi gia súc... ; *Hai là*, giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm bằng cách thu gom, bảo quản, dự trữ, bán các nông sản, vật tư dựa vào mạng lưới tiêu thụ sản phẩm quốc gia và quốc tế. HTX nông nghiệp là kênh tiêu thụ nông sản chính: 90% lúa gạo; trên 50% rau, hoa quả, sữa tươi... Nông dân Nhật Bản chủ yếu mua hàng qua HTX. Chính phủ Nhật coi HTX nông nghiệp là một trong những hình thức phục vụ xã hội hóa tốt nhất và yêu cầu các cấp, các ngành phải giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tổ chức này. Nhưng kể từ năm 2004 trở lại đây, chính phủ Nhật Bản (kể từ khi ban hành Luật HTXNN năm 2004 thay thế Luật HTXNN năm 1947) đã không còn duy trì chính sách phát triển HTXNN nữa [100].

Hà Lan, dân số ước tính đạt 17.093.000 người vào tháng 12 năm 2018 nhưng quốc gia này có đến 2.500 HTX với 25,032 triệu thành viên, HTXNN chiếm tỉ lệ đến gần 90% tức là cứ 2 người dân tham gia 3 HTXNN. Đây là một quốc gia có khu vực nông nghiệp được cơ giới hoá cao độ, và tập trung mạnh vào xuất khẩu quốc tế. Ngành này sử dụng khoảng 4% lực lượng lao động của Hà Lan song tạo ra thặng dư lớn cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và đóng góp 21% vào tổng kim ngạch xuất khẩu của Hà Lan. Hà Lan xếp thứ hai thế giới về giá trị xuất khẩu nông nghiệp, chỉ sau Hoa Kỳ với nguồn thu xuất khẩu là 80,7 tỉ euro vào năm 2014, tăng so với 75,4 tỉ euro vào năm 2012. Trong

một số thời điểm gần đây, Hà Lan từng cung cấp một phần tư tổng cà chua xuất khẩu trên thế giới, và việc buôn bán một phần ba xuất khẩu của thế giới về ớt, cà chua và dưa chuột là thông qua Hà Lan. Hà Lan cũng xuất khẩu một phần mười lăm táo tây của thế giới. Ngoài ra, một phần đáng kể xuất khẩu nông sản của Hà Lan là cây tươi cắt, hoa, và củ hoa, chiếm hai phần ba tổng xuất khẩu toàn thế giới. Hà Lan không có Luật HTX, chỉ có luật Dân sự. Các hoạt động trong HTX được vận hành một cách linh hoạt thông qua Điều lệ; HĐQT và Ban giám đốc là riêng biệt; thành viên không kết nạp các nhà đầu tư, thành viên phải có các hoạt động thương mại với HTX. Quyền bỏ phiếu dựa trên tỉ lệ phù hợp; phân quản trị HTX và kinh doanh là tách biệt. Không có sự tham gia của Chính phủ [28].

2.3.2. Bài học cho xây dựng chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp ở Việt Nam

Một là: Xây dựng hệ thống khung khổ pháp luật và chính sách phù hợp với điều kiện thực tế có hiệu lực và hiệu quả, Nhà nước không can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của HTX nông nghiệp.

Hai là: Nhà nước không nên coi HTX nông nghiệp là công cụ xoá đói, giảm nghèo, hay tổ chức an sinh xã hội của người nông dân mà chỉ nên xem HTX nông nghiệp là khu vực kinh tế bình đẳng như những khu vực kinh tế khác. HTXNN phải có được môi trường hoạt động và phát triển một cách độc lập, tự lực và tự chủ theo đúng các nguyên tắc của Liên đoàn hợp tác xã quốc tế.

Ba là: Nhà nước chỉ nên có những chính sách khuyến khích HTX nông nghiệp phát triển theo hướng lành mạnh, bền vững như: chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực HTX; chính sách khoa học và công nghệ; chính sách hỗ trợ xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường; hỗ trợ các dịch vụ tư vấn cho các HTX từ khâu thành lập và hoạt động để tăng số lượng thành viên và đa dạng loại hình HTX.

Bốn là: Chính phủ không can thiệp vào hoạt động, phát triển của HTX nông nghiệp nhưng rất chú trọng tới việc xây dựng môi trường thể chế lành mạnh cho HTX nông nghiệp phát triển. Để phát triển hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường, xu hướng sáp nhập các hợp tác xã nhỏ thành các hợp tác xã lớn đa chức năng và Liên hiệp hợp tác xã diễn ra khá phổ biến ở nhiều nước.

Chương 3

THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM

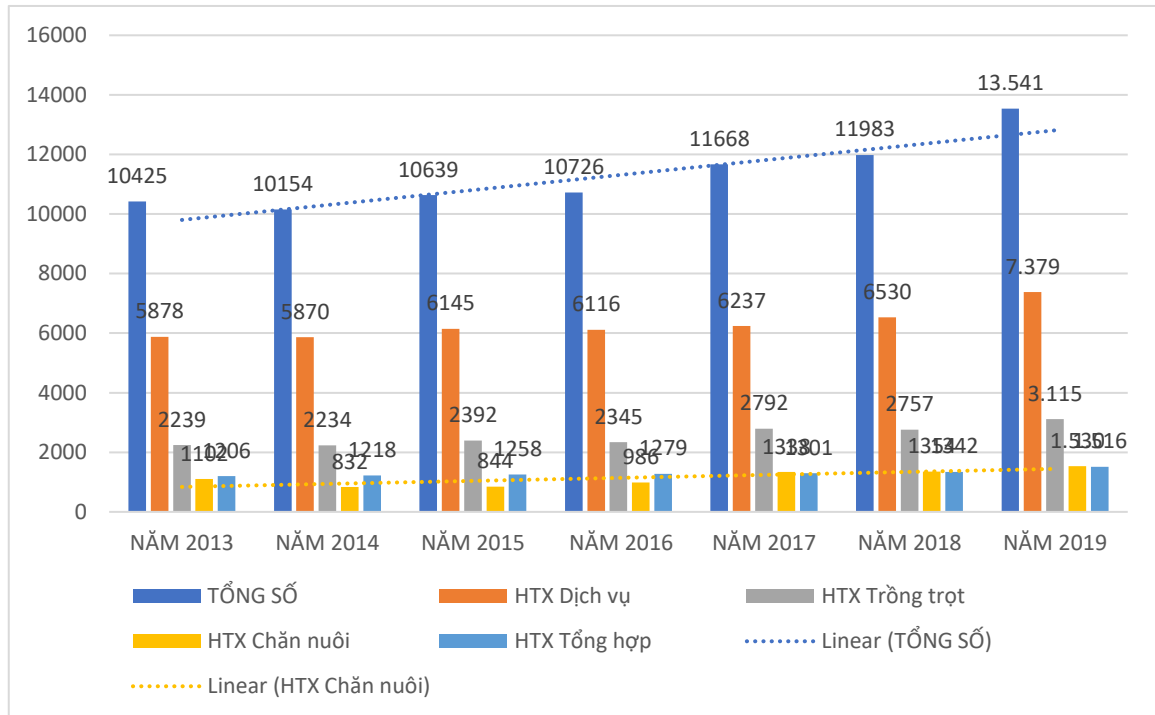
3.1. Thực trạng phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp ở Việt Nam

3.1.1. Số lượng hợp tác xã trong nông nghiệp

Tính đến hết năm 2019 [18], toàn quốc có 13.541 HTXNN [Hình 3.1], trong đó có 4.045 HTX nông nghiệp được thành lập mới trong 6 năm gần đây, tăng 1.558 HTX so với thời điểm Luật HTX chưa có hiệu lực (31/12/2012). Đã giải thể được 2.074 HTXNN yếu kém, hoạt động không hiệu quả, hiện còn 795 HTXNN yếu kém, đã ngừng hoạt động nhưng chưa giải thể được do vướng mắc về tài sản, nợ nần hay thất lạc hồ sơ,... Ngoài ra đã chuyển đổi 382 HTXNN hoạt động không đúng bản chất Luật HTX 2012 sang các loại hình kinh tế khác như doanh nghiệp hay tổ hợp tác; 362 hợp tác xã kiểu cũ chưa đăng ký lại theo Luật Hợp tác xã năm 2012 nhưng vẫn đang hoạt động (chiếm 3%) [18] và một tỉ lệ rất lớn các HTXNN chưa hoạt động theo đúng bản chất của HTX (theo kết quả khảo sát của tác giả Luận án năm 2018, chỉ có 6/148 HTX khảo sát hoạt động đúng bản chất HTX).

Số HTX tập trung nhiều nhất là vùng Đồng bằng Sông hồng (chiếm 30,5%), Bắc Trung bộ (20,8%), Đông Bắc (17,5%), Đồng bằng Sông Cửu long (11,6%). Hiện có khoảng 3.936 nghìn thành viên HTX (giảm khoảng 1.224 nghìn thành viên, tương đương với 23,7% so với năm 2013). Số thành viên bình quân 367 thành viên/HTX. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ có số thành viên bình quân cao nhất là 808 thành viên/HTX, tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng khoảng 682 thành viên/HTX. Các tỉnh có số thành viên bình quân thấp là: Đông Nam bộ khoảng 32 thành viên/HTX, Tây Nguyên khoảng 54 thành viên/HTX. Tổng số

lao động thường xuyên trong HTX khoảng 1.670 nghìn người, chiếm 42,4% số thành viên HTX.

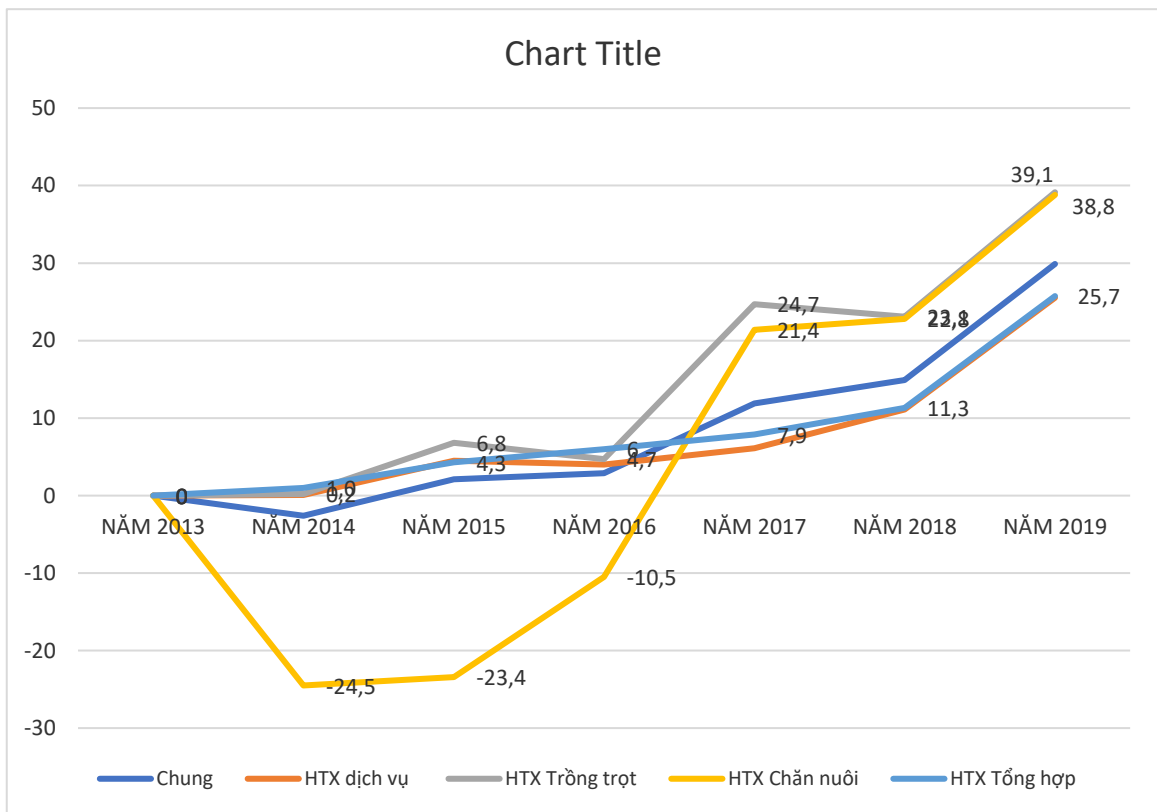


Hình 3. 1: Số lượng hợp tác xã nông nghiệp hàng năm giai đoạn 2013-2019

Nguồn: NCS tổng hợp từ báo cáo của Bộ NN&PTNT; Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2019

Các HTXNN thực hiện các dịch vụ đầu vào là chủ yếu, tập trung vào các dịch vụ: 74,7% thực hiện dịch vụ thủy lợi, 27,1 % thực hiện dịch vụ làm đất, 45,9% thực hiện dịch vụ khuyến nông, 32,4 % thực hiện dịch vụ sản xuất, cung ứng giống, 48,4% thực hiện dịch vụ vật tư, phân bón cho SXNN, 42,5% thực hiện dịch vụ bảo vệ sản xuất, 29,8 % thực hiện dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, 37,4% thực hiện dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật, 4,5% thực hiện dịch vụ bảo quản sản phẩm cho thành viên, 12% thực hiện dịch vụ tiêu thụ, chế biến sản phẩm cho thành viên, 8,4% thực hiện dịch vụ tín dụng nội bộ. Doanh thu của HTX phục vụ thành viên cũng tăng dần qua các năm, và chiếm khoảng 63% doanh thu bình quân của một HTX. Riêng năm 2018 doanh thu đạt khoảng 3,1 tỷ đồng/hợp tác xã. Lợi nhuận bình quân 200 triệu đồng/hợp tác xã/năm; thu nhập

biên quân của các thành viên và người lao động ước đạt khoảng 2,7 triệu đồng/người/tháng. Trong đó, vùng có thu nhập cao là Tây Bắc, Duyên hải Nam Trung bộ trên 3,5 tr.đ/n/th; thấp nhất là Đồng bằng sông Hồng 1,85 triệu đồng/người/tháng.



Hình 3. 2: Tốc độ phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2013-2019

Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo của Bộ NN&PTNT; Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2019

Số liệu tại Hình 3.2. cho thấy HTX trồng trọt có tốc độ tăng mạnh nhất, tốc độ phát triển giữa các loại hình HTXNN giai đoạn 2013-2019 như sau:

- Tổng số HTXNN tăng 29,9%
- Số lượng HTX trồng trọt tăng 39,1%
- Số lượng HTX chăn nuôi tăng 38,8%
- Số lượng HTX tổng hợp tăng 25,7%
- Số lượng HTX dịch vụ 25,5%.

3.1.2. Tình hình biến động số lượng hợp tác xã trong nông nghiệp

3.1.2.1. Thực trạng giải thể HTX nông nghiệp hoạt động kém hiệu quả giai đoạn 2013-2019

Từ ngày 01/7/2013 đến tháng 12/2019 có 2.074 hợp tác xã trong nông nghiệp đã giải thể, sáp nhập; các tỉnh có số hợp tác xã nông nghiệp giải thể nhiều là: Hòa Bình (130 hợp tác xã), Cà Mau (129 hợp tác xã), Hà Giang (117 hợp tác xã), Nghệ An (106 hợp tác xã), Thanh Hóa (104 hợp tác xã), Bắc Kạn (104 hợp tác xã). Tuy nhiên, hiện vẫn còn 795 hợp tác xã ngừng hoạt động nhưng chưa được giải thể (chiếm 6,6%).

Quá trình giải thể các hợp tác xã còn gặp những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện như: Chưa có hướng dẫn việc xử lý công nợ, tài sản của hợp tác xã khi giải thể, nhất là đối với tài sản không chia có nguồn vốn của hợp tác xã nên nhiều hợp tác xã gặp vướng mắc không thể thực hiện được việc giải thể. Một số địa phương còn né tránh không chỉ đạo việc giải thể đối với các hợp tác xã đã ngừng hoạt động hoặc không muốn giải thể các hợp tác xã này để duy trì tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới. Do quy định trong Hội đồng giải thể phải có đại diện của hợp tác xã nhưng thực tế hợp tác xã đã ngừng hoạt động nên không thể tìm được người tham gia. Một số hợp tác xã không xác định được thành viên của hợp tác xã qua các thời kỳ nên việc xử lý tài sản liên quan đến các thành viên gặp khó khăn. Một số hợp tác xã gặp vướng mắc do cán bộ chủ chốt cũ của hợp tác xã đã chết hoặc không còn cư trú ở địa phương nên không liên hệ được, một số thất lạc hồ sơ, con dấu nên không thể hoàn thiện được hồ sơ để giải thể.

3.1.2.2. Đăng ký lại HTX nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012

Tại thời điểm Luật Hợp tác xã có hiệu lực (01/7/2013), cả nước có 7.012/10.425 hợp tác xã trong nông nghiệp cần phải đăng ký lại. Đến tháng 12 năm 2018, có 6.850 hợp tác xã trong nông nghiệp đã đăng ký lại, đạt tỷ lệ 97,7%,

trong đó có 35 tỉnh hoàn thành đăng ký lại 100% hợp tác xã phải đăng ký (trong đó có 18 tỉnh đã hoàn thành đăng ký lại 100% hợp tác xã phải đăng ký lại nhưng vẫn còn hợp tác xã ngừng hoạt động chưa giải thể được). Tuy nhiên, vẫn còn 362 hợp tác xã chưa đăng ký lại nhưng vẫn đang hoạt động.

Trong quá trình thực hiện đăng ký lại hợp tác xã còn một số tồn tại, vướng mắc như: Thời gian ban hành một số văn bản hướng dẫn Luật Hợp tác xã chậm và phải điều chỉnh nên quá trình triển khai thực hiện nên địa phương không có căn cứ để tổ chức thực hiện. Quy định về tỷ lệ cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng không phải thành viên hợp tác xã không quá 32% tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP dẫn đến việc một số hợp tác xã không đáp ứng được yêu cầu khi thực hiện đăng ký lại có số thành viên phải giảm đi, nhưng mức độ phục vụ không thay đổi dẫn đến hợp tác xã không đăng ký lại. Quy định của Luật Hợp tác xã về tỷ lệ góp vốn tối đa của thành viên không quá 20% vốn điều lệ so với trước đây là 30% nên hợp tác xã không có giải pháp để điều chỉnh do thành viên không góp vốn thêm mà hợp tác xã không có tiền để trả lại thành viên đã góp vốn cao hơn mức quy định mới này. Một bộ phận cán bộ quản lý chuyên môn của ngành nông nghiệp ở cấp huyện chưa nghiên cứu kỹ Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn và các cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước dẫn đến việc tổ chức triển khai việc đăng ký lại hợp tác xã theo Luật chưa đáp ứng với yêu cầu. Một số hợp tác xã do trình độ của cán bộ hợp tác xã yếu nên không tổ chức thực hiện được việc đánh giá, rà soát và làm thủ tục đăng ký lại hợp tác xã theo quy định. Ở một số địa phương công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã trong nông nghiệp còn chông chéo dẫn đến việc trông chờ, ỷ lại trong việc hướng dẫn các hợp tác xã thực hiện đăng ký lại.

3.1.2.3. Thành lập mới các HTX nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012

Từ 01/7/2013 đến tháng 12/2019 có 4.045 hợp tác xã nông nghiệp được thành lập mới. Bình quân có 64,2 hợp tác xã/tỉnh được thành lập mới. Cao nhất

là Tây Bắc (103 Hợp tác xã/tỉnh), ít nhất là Duyên hải Nam Trung Bộ (28 hợp tác xã/tỉnh).

Tuy nhiên, trong quá trình thành lập mới hợp tác xã còn gặp một số tồn tại, vướng mắc như: Quy định thủ tục thành lập khó khăn hơn so với doanh nghiệp (phải có điều lệ hợp tác xã và phương án sản xuất kinh doanh; phải ghi ngành, nghề kinh doanh vào giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã). Tâm lý của người dân chưa tin tưởng vào hợp tác xã. Công tác vận động, tuyên truyền thành lập hợp tác xã của nhiều địa phương không được quan tâm. Còn có địa phương cấp xã không tạo điều kiện hoặc can thiệp vào việc bố trí nhân sự của hợp tác xã khi thành lập.

2.1.2.4. Chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sang loại hình khác

Có 252 hợp tác xã trong nông nghiệp chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác bao gồm tổ hợp tác và doanh nghiệp, trong đó tỉnh Bắc Ninh có số lượng lớn nhất với 212 hợp tác xã chuyển đổi sang tổ hợp tác; Đồng Nai có 11 hợp tác xã chuyển đổi, còn lại các tỉnh khác chỉ có 1-4 hợp tác xã chuyển đổi. Việc chuyển đổi do không có hướng dẫn nên thực chất là các hợp tác xã thực hiện giải thể và chuyển sang hoạt động với hình thức khác. Các hợp tác xã chuyển đổi ở Quảng Ninh nhiều chủ yếu là do các hợp tác xã trồng trọt trong quá trình đô thị hóa dẫn đến đất canh tác nông nghiệp chuyển dần sang đất đô thị và công nghiệp nên các hợp tác xã không còn đất sản xuất, còn một số diện tích đất công bàn giao về thôn quản lý và đất của xã viên tự quản lý.

Đối với các hợp tác xã thực hiện chuyển đổi sang hình thức khác đa số tài sản, vốn quỹ không còn, không có công nợ và chủ yếu chuyển đổi sang loại hình tổ hợp tác nên thuận lợi trong quá trình chuyển đổi.

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các hợp tác xã đều có sự chỉ đạo của địa phương và sự đồng tình của các hợp tác xã trong quá trình thực hiện nên không gặp khó khăn, vướng mắc.

3.1.3. Hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã trong nông nghiệp

3.1.3.1. Doanh thu và lợi nhuận của hợp tác xã

Tổng hợp báo cáo từ các bộ, ngành, trong giai đoạn từ 2013-2019, khoảng 38% HTX có lãi; 35% HTX hòa vốn, tỷ lệ HTX làm ăn thua lỗ chiếm khoảng 27% tổng số HTXNN trên cả nước. Kết quả khảo sát tại 148 HTXNN cho thấy 70% HTX hoạt động có lợi nhuận trước thuế [Bảng 3.1].

Bảng 3. 1: Doanh thu và lợi nhuận hợp tác xã nông nghiệp

Loại HTX		Doanh thu	Đvt: Triệu đồng/HTX			
			Lợi nhuận trước thuế		Lợi nhuận để chia lãi	
			Số tiền	% so với doanh thu	Số tiền	% so với doanh thu
Chung	HTX nông nghiệp	3.100	200	6,5	100	3,2
Theo lĩnh vực hoạt động	HTX trồng trọt	2.807	157	5,6	85	3,0
	HTX chăn nuôi	4.236	343	8,1	232	5,5
	HTX dịch vụ	2.100	150	7,1	85	4,0
	HTX T.H	2.500	155	6,2	80	3,2

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

Năm 2019, doanh thu trung bình của một HTX đạt 3.100 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế 200 triệu đồng, chiếm 6,5% doanh thu. Hầu hết các HTX nông nghiệp khảo sát được miễn thuế TNDN do thuộc đối tượng miễn giảm hoặc do được ưu tiên. Vì vậy, chỉ 7,8% HTX khảo sát phải nộp thuế TNDN. Trung bình mỗi HTX sau khi trích vào các quỹ của HTX còn là 100 triệu đồng để chia lại cho các thành viên, chiếm khoảng 3,2% tổng doanh thu của HTX hoặc 50% lợi nhuận trước thuế của HTX.

Nhiều HTX chăn nuôi có liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài trong cung cấp con giống, kỹ thuật, thức ăn và đầu ra sản phẩm; nhiều HTX dịch vụ có doanh thu rất thấp do hoạt động chủ yếu là cung cấp dịch vụ phục vụ thành viên và kết quả SXKD của hộ không hạch toán vào doanh thu của HTX.

3.1.3.2. Sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận của hợp tác xã nông nghiệp

Kết quả phân tích tình hình tài chính của 148 HTX cho thấy, doanh thu và lợi nhuận của HTX qua 5 năm 2013-2019 đều tăng ở mức tương đối đồng đều qua các năm [Bảng 3.2].

Bảng 3. 2: Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận/hợp tác xã

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2015	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tốc độ tăng BQ (%/năm)
Doanh thu/HTX	Tr.đ	2.213	2.502	2.921	3.100	3.220	
Tăng/giảm	%	0	13,10	32,00	40,10	46,20	9,83
Lợi nhuận trước thuế/HTX	Tr.đ	150	167	191	200	218	
Tăng/giảm	%	0	11,30	27,30	33,30	35,40	9,80
Lợi nhuận chia cho thành viên/HTX	Tr.đ	70	81	94	100	109	11,80
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	6,80	6,70	6,90	6,60	6,70	6,80
Tỷ lệ lợi nhuận phân phối cho thành viên/doanh thu	%	3,20	3,20	3,00	3,00	3,00	3,10

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

3.1.3.3. Lợi nhuận trước thuế của HTX/vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận trước thuế của HTX/vốn chủ sở hữu là chỉ tiêu phản ánh hiệu quả SXKD của HTX. Tỷ số này càng lớn, tính hiệu quả của HTX càng cao. Số liệu khảo sát 148 HTX trong giai đoạn 2013-2018, khả năng sinh lời của các HTX tương đối ổn định. Năm 2018, lợi nhuận trước thuế của HTX/vốn chủ sở hữu là 8,5%, nghĩa là với 100 đồng vốn chủ sở hữu mà thành viên đầu tư vào HTX sẽ sinh lời 8,5 đồng. HTX chăn nuôi có tỷ suất sinh lời cao (20,2%), HTX trồng trọt có tỷ suất sinh lời thấp (8,2%) [Bảng 3.3].

Bảng 3. 3: Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của hợp tác xã/vốn chủ sở hữu

Năm		2013	2014	2015	2016	2017	2018
HTX nông nghiệp		8,3	7,8	8,1	8,4	8,2	8,5
Theo lĩnh vực hoạt động	HTX dịch vụ	9,2	8,7	8,1	9,4	9,3	9,7
	HTX trồng trọt	7,8	7,2	7,7	8,0	7,9	8,2
	HTX chăn nuôi	18,7	17,5	18,5	19,1	18,6	20,2
	HTX T.H	8,7	8,3	8,5	9,1	9,1	9,4

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

3.1.3.4. Mức độ phục vụ thành viên của hợp tác xã

Một trong những chức năng quan trọng nhất đối với HTX là cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ cho thành viên HTX.

Về cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho thành viên HTX: bình quân các HTX khảo sát cung ứng 65% giá trị sản phẩm, dịch vụ cho thành viên HTX so với tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ của HTX trong một năm.

Về tiêu thụ sản phẩm cho thành viên HTX: Khối lượng sản phẩm HTX tiêu thụ cho thành viên HTX chỉ chiếm 58,1% tổng khối lượng sản phẩm của HTX tiêu thụ trong một năm. Như vậy, đối chiếu với quy định trong Nghị định 193 thì các HTX chưa đáp ứng yêu cầu. HTX trồng trọt có tỷ lệ khối lượng sản phẩm tiêu thụ cho thành viên thấp (57,2).

Bảng 3. 4: Mức độ phục vụ thành viên của hợp tác xã

Loại hình HTX		Tỷ lệ giá trị SPDV HTX cung ứng cho thành viên/ Tổng giá trị cung ứng SPDV của HTX (%)	Tỷ lệ khối lượng SP HTX tiêu thụ cho thành viên/ Tổng khối lượng SP HTX tiêu thụ (%)
HTX nông nghiệp		65,0	58,1
Theo lĩnh vực hoạt động	HTX trồng trọt	60,2	57,2
	HTX chăn nuôi	75,3	73,7
	HTX Dịch vụ	72,0	69,1
	HTX TH	70,0	68,3

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

Phân tích dữ liệu Bảng 3.5 cho thấy có sự tương quan thuận ở mức độ trung bình cao ($R=+ 0,6587$) giữa lợi nhuận trước thuế của HTX/vốn chủ sở hữu (khả năng sinh lời) với tỷ lệ cung ứng ra bên ngoài cho khách hàng không là thành viên. Điều này có nghĩa là quy mô HTX càng lớn, tỉ lệ sản phẩm được liên kết với bên ngoài càng cao thì tỉ suất lợi nhuận của HTX càng cao.

Bảng 3. 5: Mối tương quan giữa khả năng sinh lời và mức độ phục vụ thành viên hợp tác xã

Năm	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	TB năm
Lợi nhuận/Vốn CSH	8,30	7,80	8,10	8,40	8,20	8,50	8,30	8,20
Mức chênh so với TB năm	0,10	-0,40	-0,10	0,20	0	0,30	0,10	
Tỉ lệ HTX cung ứng ra bên ngoài (y)	0,36	0,30	0,35	0,34	0,32	0,35	0,33	0,34
Mức chênh so với TB năm	0,02	-0,04	0,01	0	-0,02	0,01	-0,01	

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

3.1.3.5. Hiệu quả hợp tác xã nông nghiệp mang lại đối với kinh tế hộ gia đình thành viên

Kết quả khảo sát thành viên của 148 HTXNN cho thấy: thành viên là kinh tế hộ có thu nhập tăng thêm từ tiền lương, tiền công. Hộ gia đình có thu nhập tăng thêm từ việc tăng hiệu quả SXKD, bao gồm:

- (1) Tiết kiệm vốn đầu tư, chi phí đầu tư vì sử dụng chung tài sản (trung bình 8%)
- (2) Giảm chi phí nhờ bán sản phẩm, dịch vụ qua HTX (trung bình 5%)
- (3) Dễ tiếp cận vốn vay, được vay vốn với chi phí thấp (trung bình 3%)
- (4) Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhờ được hỗ trợ, đào tạo, tập huấn kỹ thuật, công nghệ (trung bình 10%)
- (5) Mở rộng quy mô SXKD của hộ vì có liên kết tiêu thụ sản phẩm (trung

bình 25%)

(6) Sử dụng vật tư đầu vào với chi phí thấp vì mua của HTX với giá thấp (5%)

3.1.3.6. Khả năng phục vụ cộng đồng

Không chỉ phục vụ các thành viên, HTXNN còn phục vụ khách hàng không phải thành viên HTX. Nghị định số 193/2013/NĐ-CP (Điều 5) quy định HTX cung ứng, tiêu thụ cho khách hàng không phải thành viên không được vượt quá 32% tổng giá trị cung ứng sản phẩm, dịch vụ của HTX. Kết quả điều tra 148 HTX cho thấy trung bình có 35% giá trị sản phẩm dịch vụ của HTX NLNN được cung cấp cho khách hàng không phải là thành viên. Những HTX có tỷ lệ cung ứng cho khách hàng bên ngoài càng cao thì tỉ suất sinh lời càng lớn. Khối lượng sản phẩm HTX tiêu thụ cho khách hàng không là thành viên chiếm 42% tổng khối lượng sản phẩm HTX tiêu thụ. Khảo sát cũng cho thấy, rất nhiều HTX có tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm cho khách hàng không là thành viên lớn, nhưng lại không tiêu thụ hết sản phẩm từ chính các hộ thành viên sản xuất ra. Nhiều hộ thành viên đã không bán sản phẩm của mình qua HTX, mà bán cho các tác nhân bên ngoài khác (thương lái, thu gom,...). Điều này cho thấy mức độ cam kết giữa thành viên với HTX còn yếu.

3.2. Thực trạng hoạch định chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam

3.2.1. Số lượng chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp được ban hành

Sau khi Luật Hợp tác xã được thông qua tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIII, hiệu lực từ ngày 01/7/2013. Tính đến 31/12/2018, Chính phủ đã ban hành 05 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 04 Quyết định và 01 Chỉ thị, các Bộ, ngành ban hành 9 Thông tư, 03 Quyết định, 01 Chỉ thị hướng dẫn trực tiếp triển khai thi hành Luật HTX năm 2012. Mặc dù một số văn bản ban hành chậm so với yêu cầu, nhưng đến nay, về cơ bản hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

hướng dẫn thi hành Luật HTX năm 2012 đã được ban hành theo các nhiệm vụ chính được phân công tại Luật HTX năm 2012 [96], cụ thể theo thời gian ban hành, chính sách phát triển HTXNN thể hiện trong những văn bản chủ yếu sau:

Bảng 3. 6: Một số chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp chủ yếu giai đoạn 2013-2019

TT	Số hiệu văn bản	1*	2*	3*	4*	5*	6*	7*	8*	9*	10*	11*
1	Luật HTX năm 2012	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Nghị định 193/2013/NĐ-CP	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Quyết định 2261/QĐ-TTg	x	x	x		x	x	x	x		x	x
4	TT 15/2016/TT-BNNPTNT							x				
5	Thông tư 340/2016/TT-BTC	x					x					
6	Quyết định 445/QĐ-TTg	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Nghị định 107/2017/NĐ-CP	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Quyết định 23/2017/QĐ-TTg				x			x		x		x
9	Nghị định 98/2018/NĐ-CP	x				x		x				
10	Quyết định 461/QĐ-TTg	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: 1*: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; 2*: Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; 3*: Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; 4*: Chính sách tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX; 5*: Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; 6*: Chính sách thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; 7*: Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; 8*: Chính sách giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; 9*: Chính sách ưu đãi về tín dụng; 10*: Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; 11*: Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm.

Nguồn: NCS thiết lập trên cơ sở nội dung các văn bản chính sách

3.2.2. Mục tiêu chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

Từ nội dung các chính sách hiện hành cho thấy, chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp hiện nay có một số mục tiêu như sau:

- Hình thành khuôn khổ pháp lý đầy đủ, hỗ trợ một cách toàn diện hơn, nhiều mặt hơn cho các HTX trong nông nghiệp.
- Khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp nhanh và bền vững.
- Thúc đẩy hoạt động hiệu quả và hình thành mới nhiều hơn các hợp tác xã trong nông nghiệp. Phân đầu đến năm 2020, cả nước có khoảng 15.000 HTXNN hoạt động có hiệu quả.
- Thúc đẩy mở rộng hình thức liên hiệp hợp tác xã để hình thành các HTX quy mô lớn, có sự liên kết quy mô vùng và quốc gia.

3.2.3. Nội dung chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

3.2.3.1. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo chính quy, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật đối với cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên hợp tác xã.

3.2.3.2. Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Nhà nước hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia các triển lãm trong và ngoài nước; tổ chức các hội chợ, triển lãm dành riêng cho khu vực hợp tác xã; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, xây dựng và triển khai cổng thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3.2.3.3. Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và cấp tỉnh hàng năm dành

một phần kinh phí hỗ trợ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đổi mới, ứng dụng công nghệ và thông báo kết quả thực hiện cho cơ quan quản lý nhà nước về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Nhà nước hỗ trợ nghiên cứu khoa học công nghệ từ nguồn kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học công nghệ đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2.3.4. Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh; hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; ưu tiên vay vốn tín dụng từ ngân hàng phát triển và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật; được vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Ở Trung ương, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được giao cho Liên minh HTX Việt Nam quản lý.

3.2.3.5. Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn và quản lý các công trình sau khi hoàn thành, kể cả các công trình chợ và công trình hạ tầng phục vụ phát triển cụm công nghiệp và cụm làng nghề ở nông thôn;

Các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn phù hợp với khả năng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3.2.3.6. Chính sách thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Sáng lập viên hợp tác xã được cung cấp miễn phí thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật hợp tác xã trước khi thành lập hợp tác xã;

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ tư vấn xây dựng điều lệ, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3.2.3.7. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bao gồm: Trụ sở, sân phơi, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, điện, nước sinh hoạt, chợ, công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, cửa hàng vật tư nông nghiệp, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất, kinh doanh cho cộng đồng thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở các dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Các công trình kết cấu hạ tầng được Nhà nước hỗ trợ xây dựng sau khi hoàn thành là tài sản không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm bảo quản, duy tu và bảo dưỡng các công trình trong quá trình sử dụng.

Ưu tiên hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã thực hiện các dịch vụ công ích, hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm và hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị.

3.2.3.8. Chính sách giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng các chính sách miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước được quy định tại điểm g khoản 1, khoản 9 Điều 19 và điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thuê đất, thuê mặt nước và khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Khuyến khích thành viên, hợp tác xã thành viên góp vốn bằng quyền sử dụng đất, mặt nước để làm mặt bằng xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành rà soát nhu cầu, thực hiện đo đạc, cắm mốc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản trên đất cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương theo quy định của pháp luật đất đai.

3.2.3.9. Chính sách ưu đãi về tín dụng

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới hoặc có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh được ưu tiên vay vốn từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành;

Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu thuộc diện ưu đãi đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Chính sách cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu...

3.2.3.10. Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh

Tùy theo mức độ thiệt hại, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh và nhu cầu thực tế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi về vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên

tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật hiện hành về việc hỗ trợ giống, cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất đối với vùng bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh.

Việc hỗ trợ HTX khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định HTX được ngân sách nhà nước kịp thời hỗ trợ bằng tiền, hoặc cây, con giống đảm bảo chất lượng, phù hợp với sinh thái địa phương khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg.

3.2.3.11. Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu chế biến sản phẩm được hỗ trợ nghiên cứu xây dựng dự án đầu tư chế biến sản phẩm.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ưu đãi về tín dụng trong việc triển khai dự án đầu tư chế biến sản phẩm nông nghiệp.

Việc hỗ trợ chế biến sản phẩm đối với HTX được thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

3.3. Thực trạng tổ chức thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam

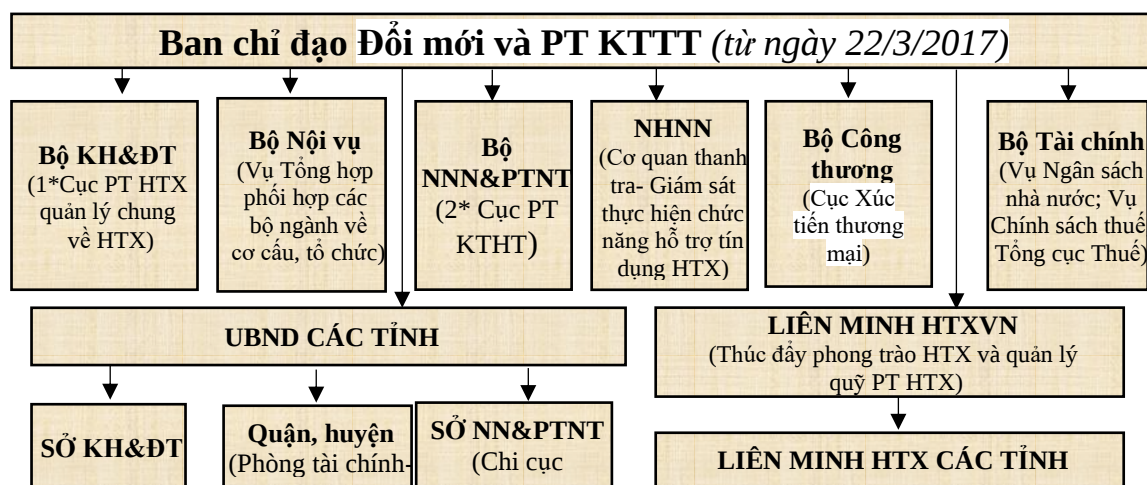
3.3.1. Bộ máy thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

Tại Trung ương, Ban chỉ đạo Đổi mới và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban chỉ đạo, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể; các bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể thuộc ngành, lĩnh vực quản lý. Bộ Kế

hoạch và Đầu tư có Cục Kinh tế hợp tác; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn. Các bộ, ngành khác không thành lập tổ chức riêng nhưng đều giao nhiệm vụ tham mưu về kinh tế tập thể cho một đơn vị thực hiện nguyên tắc tổ chức đa ngành, đa lĩnh vực, tinh gọn đầu mối, tổ chức. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao Cơ quan Thanh tra - giám sát ngân hàng. Bộ Nội vụ phối hợp với các bộ, ngành ban hành các thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Trong đó quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các sở, ngành cấp tỉnh; các phòng, ban cấp huyện trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh, huyện. Liên minh HTX Việt Nam phối hợp với các cơ quan trực thuộc Chính phủ trong công tác củng cố và phát triển HTXNN.

Ở địa phương: Các sở Kế hoạch và Đầu tư được giao chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể chung trên tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn. Các sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có đơn vị quản lý chuyên ngành (chi cục phát triển nông thôn). Các sở, ban, ngành khác chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi về kinh tế tập thể trong lĩnh vực được giao phụ trách. Hầu hết các tỉnh, thành phố đều giao Liên minh HTX tỉnh làm nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp, tham mưu, củng cố, phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn.

Ở địa phương: Các sở Kế hoạch và Đầu tư được giao chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể chung trên tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn. Các sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có đơn vị quản lý chuyên ngành (chi cục phát triển nông thôn). Các sở, ban, ngành khác chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi về kinh tế tập thể trong lĩnh vực được giao phụ trách. Hầu hết các tỉnh, thành phố đều giao Liên minh HTX tỉnh làm nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp, tham mưu, củng cố, phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn.



Hình 3. 3: Bộ máy thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp

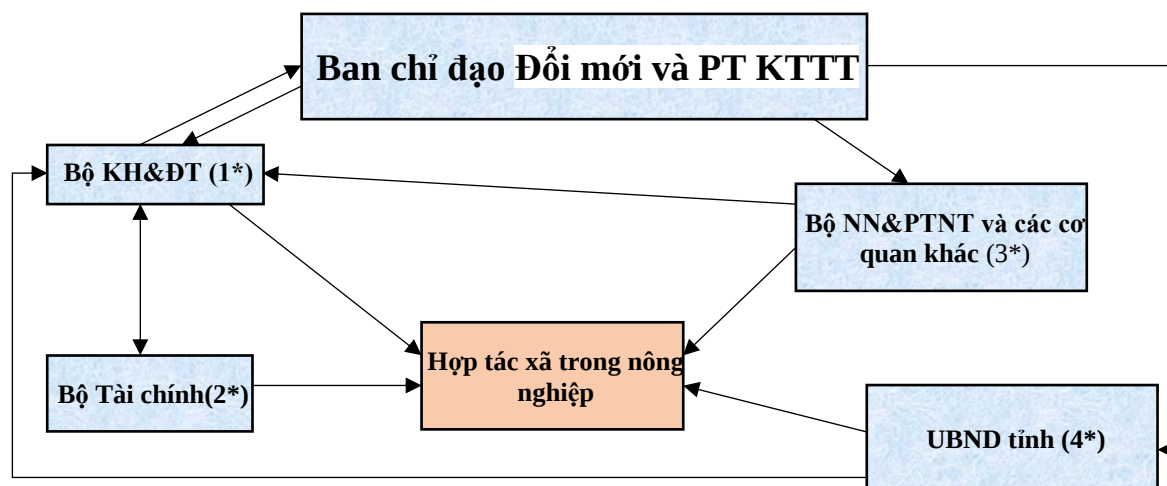
Nguồn: NCS tự thiết lập trên cơ sở tham khảo chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan liên quan [58,59,60,61,62,63,64,65]

Ở cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX trên địa bàn huyện; các phòng chuyên môn khác có trách nhiệm phối hợp và trực tiếp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể thuộc ngành, lĩnh vực quản lý. Ở cấp xã, bố trí kiêm nhiệm giao cho 01 công chức cấp xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, trong đó có lĩnh vực kinh tế tập thể [30].

Quan sát Hình 3.3 chúng ta có thể thấy: Bộ máy tổ chức thực hiện chính sách có sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan thực thi chính sách như cơ quan cấp vụ, cục của Bộ KH&ĐT với Bộ NN&PTNT; và giữa các cơ quan đầu mối trong cùng một địa phương. Điều này tạo nên sự lãng phí nguồn nhân lực, khó triển khai thực thi chính sách một cách nhất quán, khó quản lý nguồn lực và giảm hiệu lực, hiệu quả của chính sách.

Cách thức tổ chức thực hiện chính sách như Hình 3.4 tạo ra nhiều vấn đề bất cập. Thứ nhất, chu kỳ thực hiện chính sách ngắn (1 năm) nên không có tính ổn định cho sự phát triển; thứ hai, nguồn lực bố trí không ổn định dẫn đến việc thực thi không thể mang lại hiệu quả lâu dài; thứ ba, cơ chế thực thi chính sách

không nhất quán bởi các cơ quan tổng hợp nhu cầu hàng năm của các HTXNN có sự khác nhau về mức độ, nội dung thực hiện chính sách.

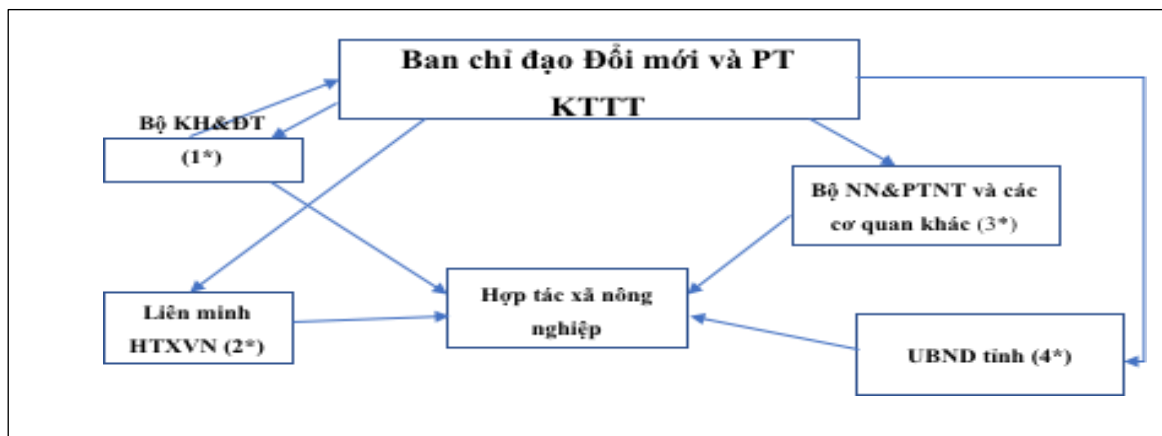


Hình 3. 4: Sơ đồ tổ chức thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp

Nguồn: Quyết định 2261/QĐ-TTg

Trong đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hàng năm, tổng hợp nhu cầu dự toán kinh phí từ ngân sách trung ương cho các bộ, ngành và địa phương thực hiện Chính sách; Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương để thực hiện Chính sách. Bộ NN&PTNT tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo các nội dung của Chính sách theo lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành; lập dự toán Chương trình và tổng hợp chung trong dự toán của ngành, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính tổng hợp; Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình, hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình chuyên ngành, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung; UBND các tỉnh: Tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo các nội dung của chương trình; lập dự toán và tổng hợp chung trong dự toán của tỉnh, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ chuyên ngành tổng hợp; Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về hợp tác xã trên địa bàn; tổ chức thực hiện chương trình, hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ chuyên ngành để tổng hợp. Trên thực tế, chỉ cần

giao cho một bộ (cơ quan trung ương) phối hợp với UBND các tỉnh tổ chức thực hiện chính sách này.



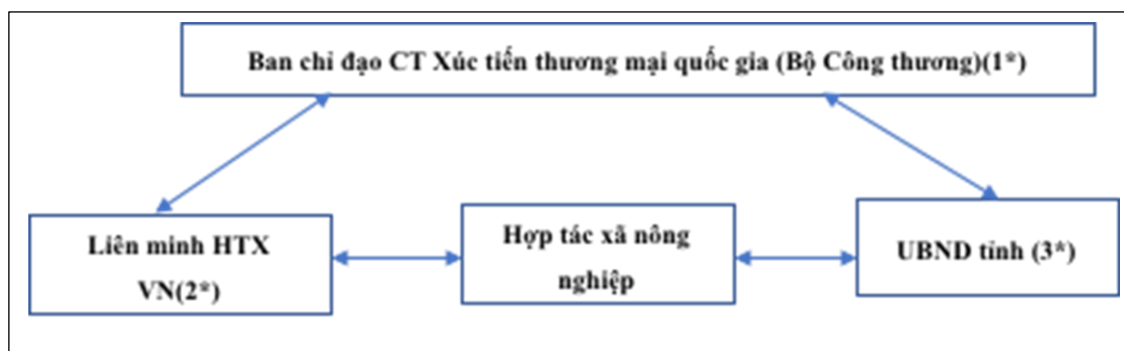
Hình 3. 5: Sơ đồ tổ chức thực hiện chính sách đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực.

Nguồn: NCS thiết lập trên cơ sở Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Luật Hợp tác xã của Bộ KH&ĐT

Tương tự như vậy, *Chính sách đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực* trong Hình 3.5 cho thấy có quá nhiều đầu mối tổ chức thực hiện, nội dung đào tạo trùng lặp giữa các đầu mối. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Hướng dẫn nội dung các văn bản quy phạm pháp luật về HTX, các Luật liên quan, các vấn đề về tài chính, kế toán, tổ chức quản lý HTX; Liên minh HTX Việt Nam: Hướng dẫn nội dung các văn bản quy phạm pháp luật về HTX, các Luật liên quan, các vấn đề về tài chính, kế toán, tổ chức quản lý HTX; các nội dung về nghiệp vụ quản lý, hoạt động của HTXNN; Bộ NN&PTNT và các cơ quan khác: Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về quy phạm pháp luật về HTX, các Luật liên quan; các hoạt động chuyên ngành; UBND các tỉnh: Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn tất cả các nội dung liên quan tới HTX theo nhu cầu của HTXNN. Trong khi chỉ cần giao đầu mối cho 1 cơ quan chủ trì là có thể tổ chức thực hiện chính sách này.

Bộ máy tổ chức thực hiện *Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại* khá tình

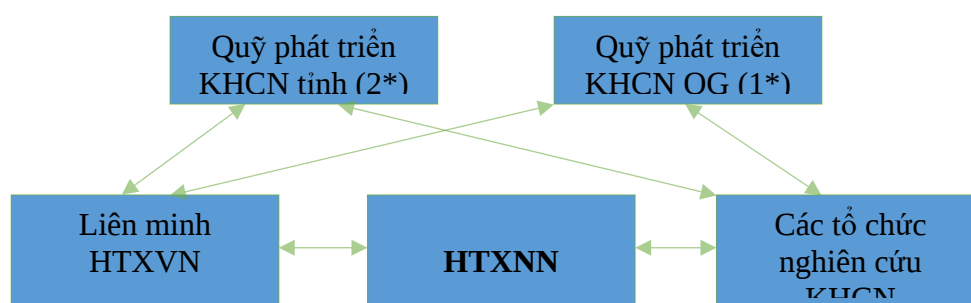
gọn [Hình 3.6], trong đó Liên minh HTX Việt Nam chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh thực hiện. Tuy còn một số vấn đề bất cập, bộ máy tổ chức thực hiện chính sách này được đánh giá thực hiện khá hiệu quả trong thời gian qua.



Hình 3. 6: Sơ đồ tổ chức thực hiện chính sách xúc tiến thương mại

Nguồn: Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg

Hệ thống tổ chức thực hiện chính sách phát triển HTXNN cũng có nhiều vấn đề chưa hợp lý [Hình 3.7]. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và Quỹ phát triển KHCN tỉnh thực chất có chung nguồn gốc là ngân sách nhà nước, cùng hỗ trợ đối tượng phát triển là HTXNN như vậy sẽ tạo ra bộ máy quản lý chồng chéo, chức năng hoạt động chồng chéo dẫn đến kém hiệu quả và khó quản lý.

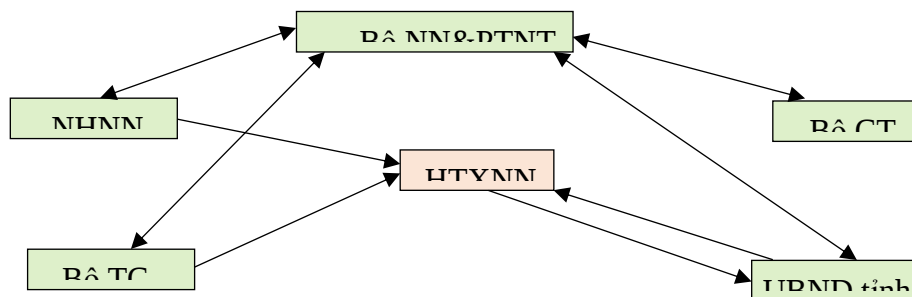


Hình 3. 7: Sơ đồ tổ chức thực hiện chính sách ứng dụng khoa học công nghệ trong hợp tác xã nông nghiệp

Nguồn: Quyết định 2261/QĐ-TTg

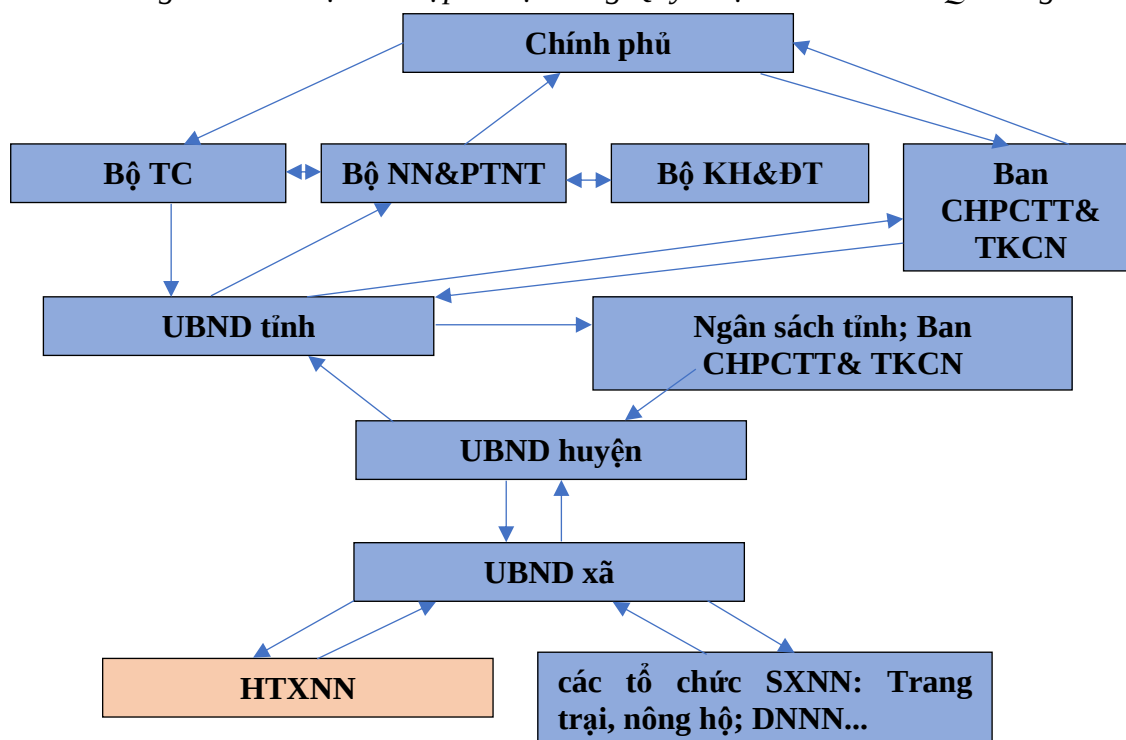
Bộ máy tổ chức thực hiện *Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm* cũng quá chồng chéo [Hình 3.8], trên thực tế không có cơ quan nào là cơ quan chủ trì thực hiện. Trình tự, thủ tục để được thụ hưởng chính sách rất phức tạp và lòng vòng,

một HTXNN muốn được thụ hưởng chính sách cần có hồ sơ đề nghị với UBND tỉnh; tỉnh tập hợp báo cáo Bộ NN&PTNT; Bộ NN&PTNT phối hợp Bộ CT thống nhất danh mục, nội dung hỗ trợ, sau đó phối hợp với Bộ TC thống nhất nguồn vốn hỗ trợ, phối hợp với NHNN giải ngân về tỉnh rồi tỉnh mới tổ chức giải ngân cho HTXNN.



Hình 3. 8: Sơ đồ bộ máy tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm

Nguồn: NCS tự thiết lập từ nội dung Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg



Hình 3. 9: Sơ đồ bộ máy tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp thiên tai, dịch bệnh

Nguồn: NCS tự thiết lập trên cơ sở nội dung Nghị định 02/2017/NĐ-CP

Phức tạp nhất là bộ máy tổ chức thực hiện *Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi*

gặp thiên tai, dịch bệnh [Hình 3.9]. Để được thụ hưởng chính sách, HTXNN phải đi qua 7 cấp trung gian, điều này lý giải nguyên nhân kinh phí hỗ trợ đến đối tượng thụ hưởng thường rất chậm, trong khi đối tượng thụ hưởng rất cần được hỗ trợ giống, vốn nhanh để sớm tái tổ chức sản xuất. Một điểm bất hợp lý nữa là mặc dù có nhiều cấp trung gian như vậy, nhưng nhân sự thực thi chính sách trong mỗi cấp lại rất mỏng và phân tán, phần lớn không được đào tạo kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về hợp tác xã.

3.3.2. Kết quả tổ chức thực hiện các chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

3.3.2.1. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Trong giai đoạn 2013-2019, các Bộ, ngành, địa phương tổ chức tập huấn, hội nghị tuyên truyền về pháp luật HTX cho khoảng 289.700 cán bộ, thành viên HTX. Nội dung tập huấn tập trung vào nội dung Luật HTX 2012, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, hướng dẫn các HTX thành lập mới, xây dựng Điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn tổ chức và hoạt động HTX, giới thiệu kinh nghiệm quốc tế về phát triển HTX...

Bộ KH&ĐT, Bộ NN&PTNT, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã phối hợp với Liên minh HTX Việt Nam biên soạn, xuất bản nhiều tài liệu hướng dẫn, sổ tay tuyên truyền chung về Luật HTX năm 2012 và các văn bản, chính sách hướng dẫn thi hành luật, hỗ trợ HTX. Bộ NN&PTNT đã ban hành Chương trình khung và bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX và tổ hợp tác trong nông nghiệp để phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến Luật [17].

Nhìn chung công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hợp tác xã cũng chưa mang lại hiệu quả thực sự, không có cơ quan nào thực sự là đầu mối chính thức (cho đến ngày 22/3/2017 mới có Ban chỉ đạo, đổi mới KTTT) nên có nhiều đầu mối cùng thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về HTX như: Bộ KH&ĐT, Bộ NN&PTNT, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Liên

minh HTX Việt Nam, nội dung, thời gian, cách thức tuyên truyền, phổ biến không được thống nhất. Do vậy, chỉ có khoảng 7,3% thành viên HTXNN được thụ hưởng chính sách này, trong 148 HTXNN được khảo sát thì chỉ có 8 HTX (tương đương 5,4%) cho biết được tập huấn trực tiếp, trong đó có 2 HTXNN có thành viên được tập huấn nhiều lần thông qua các kênh khác nhau, 38 HTXNN được phát tài liệu để tự nghiên cứu.

Trong giai đoạn 2013-2019, ngân sách Trung ương hỗ trợ 187 tỷ đồng cho các bộ, ngành, địa phương để thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác. Tính đến 31/12/2019, các địa phương đã tổ chức đào tạo cho 24.286 lượt người với ngân sách trung ương là 21.274 triệu đồng, ngân sách địa phương là 12.041 triệu đồng; bồi dưỡng được 59.225 lượt người với ngân sách trung ương là 26.704 triệu đồng, ngân sách địa phương là 403.902 triệu đồng. Số lượt người được đào tạo, bồi dưỡng tăng dần qua các năm (trung bình mỗi năm tăng khoảng trên 20%), năm 2018 đạt 45.151 người, tăng 4.965 người so với năm 2013.

Tuy nhiên, công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho HTXNN còn mang tính chấp vá, chưa đáp ứng nhu cầu của HTX. Theo kết quả điều tra, có tới 65,3% trong số 83 cán bộ liên quan đến quản lý HTX ở địa phương (chi cục NN và PTNT; UBND huyện và xã) được hỏi cho rằng, chính sách đào tạo cho các HTX hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, nhất là cho đối tượng là thành viên chức danh và thành viên phổ thông. Khó khăn chủ yếu là do nội dung đào tạo, bồi dưỡng có nhiều nhưng chưa sát với thực tế, hình thức đào tạo còn cứng nhắc, nặng về lý thuyết ít thực hành. Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu là cán bộ quản lý HTX, từ năm 2015 mới mở rộng đối tượng là thành viên HTX, chưa bồi dưỡng cho các cán bộ quản lý nhà nước về HTXNN. Kinh phí bố trí cho các hoạt động đào tạo, tập huấn hạn hẹp, các định mức cho công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Bộ Tài chính quá thấp; Phương pháp lạc hậu, ít chú trọng huy động sự tham gia, trao đổi, thảo luận của học viên; Đội ngũ giảng viên

chưa chuyên nghiệp, phần lớn là cán bộ kiêm nhiệm; mạng lưới cơ sở đào tạo, bồi dưỡng vừa thiếu, vừa yếu.

Nhu cầu thì lớn nhưng số lượng cán bộ, thành viên HTX được đào tạo, bồi dưỡng chỉ chiếm rất ít so với tổng số gần 4,0 triệu cán bộ, thành viên HTXNN cả nước, kết quả khảo sát 148 HTXNN cũng cho thấy kết quả tương tự; trình độ học

Bảng 3. 7: Kết quả khảo sát tỉ lệ thụ hưởng chính sách đào tạo, tập huấn

STT	Nội dung đào tạo, tập huấn	Lượt HTX tham gia		Số lượt thành viên tham gia	
		SL	%	SL	%
1	Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về HTX và các luật liên quan	52	35	22.270	41
2	Đào tạo chuyên ngành SX nông nghiệp	77	52	19.554	36
3	Đào tạo hướng dẫn hoạt động thị trường	22	15	4.888	9
4	Đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý HTX	41	28	237	0,4
5	Đào tạo, hướng dẫn công tác tài chính, kế toán HTX	62	42	305	0,56

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án năm 2019

Bảng 3. 8: Trình độ học vấn của cán bộ hợp tác xã

	Số lượng BQ/HTX (Người)	Tỷ lệ (%) cán bộ chia theo trình độ				
		Đại học trở lên	Cao đẳng	Trung cấp	Cấp III	Cấp II
Ban quản trị	2,5	10,1	2,5	21,3	40,7	25,4
Ban kiểm soát	1,1	6,7	3,2	21,1	42,9	26,1
Kế toán, thủ quỹ	1,3	11,3	5,7	54,9	10,6	17,5
Cán bộ chuyên môn khác	2,0	6,1	6,0	23,4	37,5	27,0

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

vấn của học viên được đào tạo thấp, nên khả năng tiếp thu không đảm bảo [Bảng 3.7.]. Kết quả khảo sát 148 HTX cho thấy: Chỉ có 12,6% cán bộ Ban quản trị HTX có trình độ cao đẳng, đại học; 31,0% cán bộ trong Ban kiểm soát có trình độ từ trung cấp trở lên; 12% chủ nhiệm HTX có trình độ đại học. Đa số cán bộ

quản lý HTX chưa qua tập huấn nghiệp vụ chuyên môn trước khi đảm nhiệm các vị trí quản lý HTX; 28,1% cán bộ kế toán, thủ quỹ có trình độ từ cấp III trở xuống (không được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ) [Bảng 3.8.].

Bảng 3. 9: Số năm được đào tạo của cán bộ hợp tác xã

T T	Trình độ và kinh nghiệm của cán bộ quản lý chủ chốt trong HTX	Loại hình HTX					
		Đơn vị	Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ	Tổng hợp	Chung
1	Chủ tịch HĐQT	năm	12,5	12,3	10,4	11,4	11,7
2	Giám đốc (không kiêm chủ tịch HĐQT)	năm	10,8	11,9	11,3	12,1	11,5
3	Trưởng Ban kiểm soát (hoặc cán bộ kiểm soát)	năm	11,1	9,7	10,6	11,1	10,6
4	Kế toán trưởng	năm	12,3	12,5	11,8	12,2	12,2

Nguồn: số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ cao chủ yếu ở các HTX chuyên ngành, HTX chăn nuôi, HTX mới được thành lập và HTX ở các vùng đồng bằng, trung du và ven biển. Nhìn chung, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ HTX NLNN còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của HTX trong điều kiện kinh tế thị trường.

3.3.2.2. Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Trong giai đoạn 2013-2019, NSNN đã bố trí 385.000 triệu đồng cho Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia. Hàng năm Bộ Công thương đã phê duyệt một số Đề án xúc tiến thương mại quốc gia cho các HTX, Liên minh HTX Việt Nam tham gia các hội chợ trong và ngoài nước nhằm quảng bá hình ảnh, mở rộng thị trường.

Các địa phương hỗ trợ cho 1.260 lượt HTXNN (chiếm 11,2% tổng số HTXNN cả nước) xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường với tổng kinh phí là 30.574 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương là 3.344 triệu đồng, ngân sách địa phương là 27.230 triệu đồng. Hàng năm, Liên minh HTX Việt Nam chủ trì,

phối hợp với các Bộ, ngành, UBND thành phố Hà Nội tổ chức Hội chợ quốc tế hàng nông sản, tiểu thủ công nghiệp của các HTX, LH HTX, với trên 300 gian hàng gian hàng đến từ 63 tỉnh, thành phố [12].

Kết quả khảo sát 148 HTXNN [Bảng 3.10] cho thấy công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường chủ yếu tập trung vào nội dung hỗ trợ thông tin, tuyên truyền; tổ chức xúc tiến tổng hợp; tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại (22%; 38%; 32%; 44%); tổ chức cho các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng (chủ yếu là khách Trung Quốc 41%). Trong khi những nội dung khác rất quan trọng để cho hoạt động thị trường của HTXNN phát triển bền vững như: Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài (15%); đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại (1%); Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài (2%) thì không được chú trọng. Theo kết quả điều tra cán bộ địa phương (cán bộ Chi cục, cán bộ huyện và xã) cho thấy, có tới 70,6% chính sách hỗ trợ tiếp cận thị trường và tiêu thụ sản phẩm cho các HTX trong nông nghiệp hiện nay còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Các khó khăn, vướng mắc chủ yếu là hoạt động xúc tiến thương mại còn đơn lẻ, quy mô nhỏ, chưa thu hút được nhiều HTX, cơ sở sản xuất tham gia. Đa số các HTX chưa chú trọng việc xây dựng thương hiệu, chất lượng sản phẩm nên chưa thu hút được người tiêu dùng. Các HTX khó tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư máy móc thiết bị, đóng gói bao bì sản phẩm, phương tiện vận chuyển.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế này là: *Thứ nhất*, xuất phát từ cơ cấu tổ chức thực hiện chính sách không thống nhất, không có một đầu mối cụ thể, văn bản chính sách cũng chỉ "ưu tiên các chương trình của Liên minh HTX Việt Nam" và báo cáo xin ý kiến Ban chỉ đạo. UBND các tỉnh tổ chức thực hiện theo cơ chế "báo cáo xin ý kiến chỉ đạo"; *Thứ hai*, phương thức tổ chức chính sách chưa hướng vào các nội dung có tính căn cơ, tác động lâu dài; *Thứ ba*, phần

lớn các HTX chưa có sự liên kết với nhau trong tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nên chưa phát huy được hết tiềm năng của mình. Đa số các HTXNN làm dịch vụ đầu vào nên không nhiều HTXNN chủ động xây dựng chiến lược hướng ra thị trường quốc tế.

Bảng 3. 10: Kết quả khảo sát tỉ lệ thụ hưởng chính sách xúc tiến thương mại

T T	Nội dung chính sách	lượt HTX tham gia	
		SL	%
1	Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo các ngành hàng	33	22
2	Tuyên truyền xuất khẩu	56	38
3	Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài	22	15
4	đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại	16	11
5	Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại	65	44
6	Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài	3	2
7	Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp	47	32
8	Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	61	41
9	Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại Việt Nam	40	27
10	Quảng bá, hỗ trợ thâm nhập thị trường nước ngoài đối với thương hiệu các hàng hóa, dịch vụ đặc trưng thuộc Chương trình thương hiệu quốc gia.	13	9

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án năm 2019

3.3.2.3. Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

Nhà nước hỗ trợ HTXNN ứng dụng khoa học và công nghệ mới thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Theo báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ, năm 2018 tỷ lệ áp dụng máy móc, thiết bị trong sản xuất nông nghiệp có mức gia tăng 1-2% so với năm 2013, các tiến bộ khoa học và công nghệ đã đóng góp khoảng 30-40% vào tăng trưởng nông nghiệp.

Giai đoạn 2013-2019, nguồn kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho hoạt

động khoa học và công nghệ hàng năm cho Liên minh HTX Việt Nam là 13,94 tỷ đồng, đã tổ chức tư vấn cho các HTX áp dụng được 26 công nghệ khác nhau nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hỗ trợ cho 540 HTX được ứng dụng khoa học công nghệ, rất ít so với tổng số HTX cả nước (chỉ 2,76%). Các địa phương đã hỗ trợ cho 3.698 lượt HTX ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới với tổng kinh phí là 67.414 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 7.914 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 59.500 triệu đồng [16].

Bảng 3. 11: Kết quả khảo sát tỉ lệ thụ hưởng chính sách ứng dụng khoa học, công nghệ và kỹ thuật mới

T T	Nội dung chính sách	Lượt HTX tham gia	
		SL	%
1	Chuyển giao quy trình kỹ thuật nhân giống mới cây trồng nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi, thủy sản	13	9
2	Chuyển giao quy trình kỹ thuật giúp giảm chi phí đầu vào, khai thác tốt tiềm năng năng suất, nâng cao chất lượng và giá trị nông sản	17	12
3	Ứng dụng công nghệ sau thu hoạch tạo ra giá trị mới cho nông sản	9	6
4	Áp dụng quy trình kỹ thuật ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn	4	3
5	Quy trình kỹ thuật liên kết sản xuất-tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị	10	7

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án năm 2019

Công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp đã tạo nhiều chuyển biến tích cực. Một số HTX đã được hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại các tỉnh: Lâm Đồng, Kon Tum, Ninh Thuận, Đồng Tháp, Tiền Giang, ...

Một số chính sách đã có tác động khá tích cực đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các HTXNN, trong số 52/148 HTXNN được thụ hưởng chính sách ứng dụng KH&CN mới, tỉ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu của các HTX này giai đoạn 2013-2019 là cao hơn mức bình quân của 148 HTXNN được khảo sát [Bảng 3.13].

Bảng 3. 12: Khả năng liên kết của hợp tác xã trong nông nghiệp

T T	Các chỉ tiêu	Đv	Năm	
			2013	2018
<i>HTX cung ứng các dịch vụ</i>				
1	Cung ứng dịch vụ, vật tư, sản phẩm đảm bảo chất lượng	%	53,2	58,0
2	Cung cấp đúng thời gian	%	56,1	61,2
3	Có cho nợ tiền/ứng trước vật tư, dịch vụ	%	45,3	49,4
4	Thời gian phải trả nợ lâu	%	20,6	22,4
5	Tiêu thụ sản phẩm do thành viên làm ra với giá cao hơn giá do thành viên tự tiêu thụ	%	37,7	41,1
6	Phương thức thanh toán thuận lợi	%	47,8	52,1
7	Ký hợp đồng với thành viên và thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng	%	48,8	53,2
8	Thu mua tận ruộng/tận trang trại/tận nhà thành viên	%	37,9	41,3
<i>HTX thực hiện liên kết để tiêu thụ SP cho TV</i>		%		
	% HTX ký hợp đồng với các DN, tổ chức, cá nhân...) để cung cấp đầu vào (giống, phân bón, thuốc BVTV...) cho SXNN của xã viên	%	40,5	44,1
2	% HTX ký hợp đồng với (DN, tổ chức, cá nhân....) để chế biến sản phẩm do xã viên làm ra	%	12,6	13,7
3	% HTX liên kết với doanh nghiệp, tổ chức và các tác nhân kinh tế khác để tiêu thụ sản phẩm tươi sống do thành viên sản xuất ra	%	26,6	29,0
4	% HTX liên kết với các HTX khác để mở rộng quy mô hàng hóa nông sản tiêu thụ theo nhu cầu của các DN, tổ chức sử dụng hàng nông sản	%	9,9	10,8
5	% HTX liên kết với DN hoặc tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận	%	9,6	10,5
6	% HTX liên kết với DN, tổ chức khác để tạo việc làm cho thành viên	%	15,9	17,3
7	% HTX ký hợp đồng với DN, tổ chức, cá nhân để cung ứng sản phẩm/dịch vụ phục vụ đời sống, tiêu dùng của thành viên	%	12,0	13,1

Nguồn: số liệu điều tra khảo sát của luận án năm 2019

Trong đó những HTXNN có tỉ lệ gia tăng cao khi được hưởng các chính sách là: 2,7 % đối với HTXNN áp dụng Quy trình kỹ thuật liên kết sản xuất-tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; 2,5% đối với HTXNN được thụ hưởng chuyển giao quy trình kỹ thuật giúp giảm chi phí đầu vào, khai thác tốt tiềm năng năng suất, nâng cao chất lượng và giá trị nông sản; 1,4% đối với HTXNN được thụ

hưởng chuyên giao quy trình kỹ thuật nhân giống mới cây trồng nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi, thủy sản.

Bảng 3. 13. Kết quả khảo sát tỉ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu đối với 52 hợp tác xã nông nghiệp thụ hưởng chính sách ứng dụng khoa học, công nghệ và kỹ thuật mới

T T	Nội dung chính sách	Số lượng HTX	Năm 2013 (%)	Năm 2019 (%)
1	Chung HTXNN	148	5,8	6,5
2	HTXNN được thụ hưởng chuyên giao quy trình kỹ thuật nhân giống mới cây trồng nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi, thủy sản	13	5,2	6,9
3	HTXNN được thụ hưởng Chuyển giao quy trình kỹ thuật giúp giảm chi phí đầu vào, khai thác tốt tiềm năng năng suất, nâng cao chất lượng và giá trị nông sản	16	4,7	7,2
4	HTXNN được thụ hưởng Ứng dụng công nghệ sau thu hoạch tạo ra giá trị mới cho nông sản	9	5,6	6,1
5	HTXNN được thụ hưởng Áp dụng quy trình kỹ thuật ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn	4	6,2	6,1
6	HTXNN được thụ hưởng Quy trình kỹ thuật liên kết sản xuất-tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị	10	4,3	7,0

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

Tỉ lệ HTXNN được thụ hưởng một số chính sách thấp, chỉ dưới 10% số HTX điều tra được thụ hưởng (Bảng 3.12). Mặt khác, theo đánh giá của cán bộ địa phương, có tới 80,4% cho rằng chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ cho các HTX trong nông nghiệp hiện nay còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Nguyên nhân chủ yếu là do: cơ cấu Bộ máy thực thi chính sách chưa thật sự phù hợp, có nhiều đầu mối quản lý nguồn ngân sách (Quỹ phát triển KH&CN quốc gia; Quỹ phát triển KH&CN các tỉnh), Liên minh HTX Việt Nam cũng chỉ là một đầu mối trung gian chứ không phải là tổ chức nghiên cứu Khoa học & công nghệ nên chưa thật sự mang lại hiệu quả; nguồn ngân sách hỗ trợ HTX trong lĩnh vực này còn hạn chế, bên cạnh không ít khó khăn về vốn đầu tư ban đầu, kiến thức cơ

bản... khiến nhiều HTXNN lúng túng trong chủ động tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật.

3.3.2.4. Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Nguồn vốn tín dụng ngân hàng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của HTX, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho thành viên của HTX. Trong giai đoạn 2013-2019, doanh số cho vay bình quân cho HTX mỗi năm đạt 8.000 tỷ đồng. Đến hết năm 2018 dư nợ đạt gần 5.000 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cuối năm 2017, giảm 1.600 tỷ đồng so với thời điểm 01/7/2013. Số khách hàng dư nợ là 1.918 khách hàng (trong đó có 1.365 HTX, 29 LH HTX). Mặc dù dư nợ cho vay đối với HTX giảm trong năm 2013, 2014 nhưng đã có chiều hướng gia tăng từ năm 2015 đến nay. Điều đó thể hiện rằng các HTX sau quá trình chuyển đổi đã hoạt động ổn định trở lại, nhu cầu vay vốn tăng lên và là cơ sở để TCTD tập trung đầu tư tín dụng [19].

Tuy nhiên, việc tiếp cận vốn đối với các HTX vẫn còn khó khăn do nhiều HTX chưa đủ điều kiện tiếp cận tín dụng (năng lực điều hành, quản trị hạn chế dẫn đến lúng túng trong hoạt động sản xuất kinh doanh). Một số HTX thiếu công khai minh bạch, thực hiện chưa đúng quy định về quản lý tài chính, kế toán, chưa tuân thủ các nguyên tắc của Luật HTX 2012...nên thiếu cơ sở pháp lý để vay vốn. Hiệu quả hoạt động của các HTX còn thấp, số lượng dịch vụ ít, chất lượng dịch vụ chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường, chưa có sự gắn kết theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm...nên chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh khả thi để tiếp cận vốn vay của các TCTD, phần lớn chỉ có nhu cầu tiếp cận vốn lãi suất thấp có sự hỗ trợ của nhà nước.

Hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Ở Trung ương, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được giao cho Liên minh HTX Việt Nam quản lý. Tính đến 31/12/2018, nguồn vốn hoạt động của Quỹ trung ương đạt 135,86 tỷ đồng. Trong 05 năm từ 2013-2019, Quỹ trung ương đã

tiếp nhận và chủ động đi khảo sát 98 dự án tại 34 tỉnh, thành phố, đã ký hợp đồng giải ngân cho vay 41 dự án tại 23 tỉnh, thành phố với số tiền 99.248 triệu đồng, dư nợ cuối năm 2018 đạt 88.886 triệu đồng. Riêng năm 2018, Quỹ trung ương cho vay 21 dự án, giải ngân 40 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay là 90 tỷ đồng. Quỹ đã tập trung chú trọng cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, miền núi, các hợp tác xã phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, hàng hóa chủ lực có quy mô lớn và sức lan tỏa, các HTX sản xuất nông sản an toàn Việt Nam (cho vay lĩnh vực nông nghiệp chiếm 36,58%, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, hàng hóa chủ lực chiếm tỷ trọng 21,9%, khu vực miền núi và Tây Nguyên chiếm tỷ trọng 43,9%, các hợp tác xã làm hạt nhân thành lập liên hiệp hợp tác xã chiếm tỷ trọng 17%).

Trong giai đoạn 2013-2019 có 5.006 HTX được tiếp cận nguồn vốn quỹ (khoảng 25,58% tổng số HTX cả nước), trong đó nguồn vốn của Trung ương là 58.834 triệu đồng, nguồn vốn địa phương là 634.567 triệu đồng. Đây cũng là dấu hiệu tích cực khi số HTX được tiếp cận vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đã tăng lên kể từ khi có Luật HTX 2012 (tăng khoảng 3.292 HTX, 192% so với giai đoạn 2001-2011).

Việc ra đời và đi vào hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đã tạo thêm một kênh hỗ trợ về vốn đối với các HTX, tạo nhiều công ăn việc làm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Các HTX sau khi vay vốn tại Quỹ đã tăng trưởng đáng kể về quy mô và hiệu quả sản xuất kinh doanh: Doanh thu, lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 50% - 60%, số thành viên tăng bình quân 4%, số lao động tăng bình quân 37%, thu nhập bình quân tăng 35%, số nộp ngân sách tăng bình quân 74%.

Về cơ bản, các HTX sau khi vay vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX đều phát triển tốt. Các dự án đầu tư đã tạo thêm nhiều việc làm mới, nâng cao sức cạnh tranh, mang lại lợi nhuận cao cho các HTX. Thu nhập cho thành viên, người lao động tăng lên, đặc biệt cho lao động ở nông thôn, đóng góp vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, xóa đói giảm nghèo,

đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển ngành nghề có thể mạnh ở các vùng...

Tuy nhiên, chính sách tiếp cận vốn cho HTX cho các HTX nông nghiệp hiện nay còn nhiều khó khăn, vướng mắc (78,8% cán bộ địa phương đồng ý với nhận định này). Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn vốn ban đầu được ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã ở Trung ương rất ít, chỉ có 100 tỷ đồng, trong khi nhu cầu vay vốn hàng năm của các HTX lên tới hàng chục nghìn tỷ đồng. Đến hết năm 2018, Quỹ đã giải ngân cơ bản hết nguồn vốn cho vay. Nhu cầu vay vốn lưu động, bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của các HTX là rất cần thiết để phát triển sản xuất kinh doanh, trong khi Quỹ chỉ cho vay đầu tư, thủ tục vay vốn theo quy định còn chặt chẽ, phức tạp.

3.3.2.5. Chính sách ưu đãi về tín dụng

Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Chính sách cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu... (hiện nay là 6,5%/năm, thấp hơn 1-2% so với mặt bằng chung). Để khuyến khích các tổ chức tín dụng đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Ngân hàng Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các tổ chức tín dụng cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp với dư nợ trên 40% được Ngân hàng Nhà nước áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thấp hơn so mức bình thường và xem xét hỗ trợ từ nguồn tái cấp vốn nếu các ngân hàng này gặp khó khăn về nguồn vốn cho vay. Trong giai đoạn 2013-2019, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tạo điều kiện cho 1.953 HTX được hưởng hỗ trợ ưu đãi về lãi suất tín dụng với tổng kinh phí là 138.296 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 9.330 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 128.966 triệu đồng. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, dư nợ cho vay đối với HTX theo Nghị định số 55/NĐ-CP đạt khoảng 3.200 tỷ đồng, trong đó cho vay không có tài sản đảm bảo đối với các HTX đạt khoảng 70 tỷ đồng cho 35 HTX, chiếm tỷ trọng rất ít

(khoảng 2,18%) trong tổng dư nợ cho vay theo Nghị định số 55/NĐ-CP.

Bảng 3. 14: Kết quả khảo sát nhu cầu vay vốn của 148 hợp tác xã nông nghiệp

T	Nhu cầu vay tín dụng của HTXNN	Số lượng	Số HTX hoạt động SXKD thua lỗ	Số HTX có tỉ suất LN/DT từ 1-5%	Số HTX có tỉ suất LN/DT từ 5-10%	Số HTX có tỉ suất LN/DT từ 10% trở lên
1	HTX có nhu cầu vay	143	46	58	38	1
2	HTX tự cân đối vốn, không có nhu cầu vay	5	0	2	2	1
3	HTX được vay	53	11	19	22	1
4	HTX không đủ điều kiện vay	90	35	39	16	0
	Không có trụ sở	12	8	3	1	0
	Vốn điều lệ dưới 50 tr.đ	37	7	18	12	0
	Không có phương án SXKD	26	11	12	3	0
	Không có HĐ bao tiêu sp	15	9	6	0	0

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

Tuy nhiên, trên thực tế HTX chưa tiếp cận được chính sách này cũng như rất khó tiếp cận vay vốn của các ngân hàng thương mại do đa số các HTX không đáp ứng được những điều khoản, thủ tục cho vay. Hiện tại, phần lớn các HTX đều rơi vào “*tình trạng 6 không*”: Không trụ sở, không có hoặc rất ít vốn điều lệ, không có phương án sản xuất, kinh doanh, không hạch toán, không có hợp đồng bao tiêu, về nhân sự, ban quản lý HTX thực sự chưa đáp ứng yêu cầu về quản lý, điều hành HTX nên các ngân hàng cũng khó cho HTX vay vốn. Bên cạnh đó, nhiều HTX chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh khả thi...nên không vay được vốn (mặc dù theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ HTX có thể vay không cần tài sản đảm bảo với số tiền lên tới 2 tỷ đồng). Ngoài ra, còn có một số HTX sử dụng không hiệu quả, sử dụng sai mục đích vốn vay, nợ quá hạn kéo dài, có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Bảng 3. 15: Kết quả khảo sát 148 hợp tác xã trong nông nghiệp thụ hưởng chính sách tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

TT	Tên chương trình/Dự án	Số HTX thụ hưởng	Tỉ lệ khảo sát (148 HTX)	Số HTX tự thực hiện	Số HTX cho thuê lại
1	Xây dựng hệ thống giao thông trên địa bàn thôn	3	2,0	0	3
2	Xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi nội đồng	5	3,3	2	3
3	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn	0	0	0	0
4	Xây dựng hoàn chỉnh các công trình đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông	2	1,4	0	2
5	Xây dựng hệ thống Trung tâm văn hóa - thể thao, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản	2	1,4	0	2
6	Xây dựng hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	2	1,4	0	2
7	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã	4	2,8	0	4
8	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	0	0	0	0
9	Hoàn chỉnh các công trình đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho người dân.	2	1,4	0	2
10	Các nội dung khác	0	0	0	0

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

Khảo sát 148 HTXNN [Bảng 3.14] cho thấy hầu hết các HTXNN đều có nhu cầu vay vốn (chiếm 97%), số HTXNN được vay chiếm tỉ lệ sản xuất kinh doanh có lãi khá lớn (chiếm 79,3%). Trong khi số HTXNN không đủ điều kiện vay chiếm tỉ lệ cao (61% trong tổng số 148 HTXNN) và tỉ lệ thua lỗ chiếm tới gần 40% số HTX không được vay vốn. Tuy nhiên, trong số HTXNN không đủ điều kiện vay vốn vẫn có tới 61% (trong tổng số 90 HTXNN) SXKD có lãi. Như vậy, chính sách cần phải thay đổi để tạo điều kiện cho các HTX hiện tại không

đủ điều kiện vay do có khó khăn về trụ sở; vốn điều lệ thấp có thể vay được vốn bằng tín chấp. Muốn vậy cần phải có kết quả kiểm toán để đánh giá kết quả SXKD, từ đó có cơ sở cho các HTX này vay tín chấp.

3.3.2.6. Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, tiêu chí số 13 là xã nông thôn mới phải có HTX kiểu mới hoạt động theo Luật HTX 2012 và có hoạt động liên kết gắn với chuỗi giá trị sản phẩm. Theo báo cáo của các địa phương, trong giai đoạn 2013-2019, đã tạo điều kiện cho 2.104 lượt HTX tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế- xã hội với tổng kinh phí là 74.965 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 7.484 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 67.481 triệu đồng [15].

Trên thực tế điều tra 148 HTXNN cho thấy [Bảng 3.10] tỉ lệ HTXNN được tham gia thực hiện các chương trình này không đáng kể (cao nhất có 3,3% số HTX được tham gia), các chương trình có các HTX tham gia chủ yếu là các công trình có yêu cầu kỹ thuật không cao. Ngoại trừ có 2 HTX (HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ NN Hòa Tây; HTX DVNN vệ sinh môi trường Vĩnh Trung) được tham gia xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi nội đồng là tự chủ thực hiện, còn lại 19/148 HTX thuê lại hoặc liên kết với tổ chức khác để thi công công trình. Cũng theo kết quả điều tra 83 cán bộ địa phương (cán bộ Chi cục, huyện, xã) cho thấy, có tới 78,7% số người được hỏi đều cho rằng, chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình MTQG, phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, bất cập. Nguyên nhân chính là: *thứ nhất*, không có bộ máy tổ chức thực hiện chính sách. Các công trình được các HTX đảm nhận thực hiện đều có đặc điểm là nằm trên cùng địa bàn hoạt động của các HTX, và các HTX bằng mọi quan hệ sẽ làm thủ tục đề nghị chủ đầu tư (thường là UBND xã hoặc UBND huyện) để được thực hiện; *thứ hai*, các HTXNN không đủ năng lực (vốn, kinh nghiệm, kỹ thuật) để

đảm nhận công trình nên rất khó nhận được hợp đồng thi công công trình, nếu nhận được thì cũng phải liên kết hoặc thuê lại.

3.3.2.7. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

Theo báo cáo của các địa phương, trong giai đoạn 2013 - 2018, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã hỗ trợ cho 476 HTX về phát triển kết cấu hạ tầng với tổng kinh phí là 224 tỷ đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 51,5 tỷ đồng, từ ngân sách địa phương là 172,5 tỷ đồng. Kinh phí này chủ yếu được lồng ghép từ các chương trình hỗ trợ có mục tiêu với đối tượng thụ hưởng là các HTXNN.

Hiện nay, nguồn kinh phí hỗ trợ Chương trình phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 được lồng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho các HTX nông nghiệp hiện nay còn nhiều bất cập (88,6% số lượng cán bộ địa phương được điều tra thống nhất với nhận định này). Nguyên nhân chính là do nguồn hỗ trợ hạn chế lại phụ thuộc vì phải lồng ghép với các chương khác như Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

3.3.2.8. Chính sách thành lập mới HTX, LH HTX

Qua hơn 6 năm triển khai Luật HTX năm 2012, số lượng các HTX thành lập mới tăng hơn so với giai đoạn trước. Theo báo cáo của các địa phương, hầu hết HTX thành lập mới được hỗ trợ kinh phí từ 5 triệu đến 20 triệu đồng/HTX, đặc biệt như thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ 100 triệu đồng/HTX. Nội dung hỗ trợ bao gồm: Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật HTX trước khi thành lập HTX cho sáng lập viên HTX, tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX, tư vấn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của HTX theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

Trong giai đoạn 2013-2019, cả nước đã hỗ trợ cho 4.045 HTXNN thành lập mới với tổng kinh phí là 27.204 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 4.680 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 22.524 triệu đồng [15].

Bảng 3. 16: Kết quả khảo sát chính sách hỗ trợ thành lập mới đối với 148 hợp tác xã nông nghiệp

Loại HTX		Số HTX thụ hưởng	Mức thụ hưởng trung bình (tr.đ)	Số HTX có tỉ lệ cung ứng khách hàng không phải thành viên trên 50%	Số HTX có thành viên có tỉ lệ góp vốn vượt 20% vốn điều lệ	số HTX hoạt động theo đúng bản chất HTX
Chung HTX NN		53/148	10,0	39/53	30/53	3/53
Theo lĩnh vực hoạt động	Trồng trọt	8	10,0	3	6	2
	Chăn nuôi	6	10,0	6	4	1
	Dịch vụ	32	10,0	25	17	0
	Tổng hợp	7	10,0	5	3	0

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

Trên thực tế, có 77,5% trong số 83 cán bộ địa phương được điều tra cho rằng, chính sách hỗ trợ thành lập mới HTX còn nhiều bất cập. Việc hỗ trợ kinh phí cho các HTXNN không mang lại hiệu quả như mong muốn, bởi cơ quan quản lý không thể xác định rõ được các HTX mới này có hoạt động theo đúng bản chất và theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012 hay không, do vậy, nhiều tổ chức kinh tế mang danh HTX cũng được hưởng lợi từ chính sách này. Thêm vào đó, tuy số lượng HTXNN có tăng lên trong giai đoạn này, nhưng số lượng thành viên HTXNN lại giảm từ 5.017.293 thành viên trong năm 2013 xuống còn 3.936.000 thành viên năm 2018, tức giảm 1.081.293 thành viên, tương đương với mức giảm 22% [15]. Như vậy, xét theo quy mô thành viên thì trong 6 năm qua chính sách này đã không mang lại hiệu quả về mặt gia tăng số lượng. Khảo sát 148 HTXNN, trong đó 53 HTXNN được hưởng kinh phí hỗ trợ sau thành lập mới thì chỉ có 3/53 HTXNN có tỉ lệ vốn góp của thành viên và tỉ lệ cung ứng dịch vụ, sản phẩm không phải là thành viên được thực hiện đúng theo quy định. Mức hỗ trợ trung bình sau thành lập mới 10,0 Tr.đ/HTX là nhỏ so với

nhu cầu thực tế của HTX, nên cũng không tác động nhiều đến việc khuyến khích HTXNN thành lập mới nhưng vẫn mang lại lợi ích cho các HTX được thành lập mà không hoạt động theo đúng bản chất của HTX [Bảng 3.16].

3.3.2.9. Chính sách giao đất, cho thuê đất

Giai đoạn 2013-2019, cả nước có 1.413 HTX được giao đất, cho thuê đất với tổng diện tích đất là 12.016 ha. Số HTX được ưu đãi tín dụng khi thuê đất là 182 HTX với tổng kinh phí là 54.168 triệu đồng [18].

Bảng 3. 17: Kết quả khảo sát 148 hợp tác xã có diện tích đất sản xuất kinh doanh bình quân/hợp tác xã nông nghiệp

Loại HTX		Do HTX quản lý sử dụng		Số HTX được giao, thuê đất
		Diện tích (ha)	Tr.đó: được cấp GCN QSD đất (ha)	
Chung HTX NN		2,1	1,3	11
Theo lĩnh vực hoạt động	Trồng trọt	3,3	2,1	4
	Chăn nuôi	1,1	0,7	3
	Dịch vụ	0,3	0,2	0
	Tổng hợp	3,5	2,2	4

Nguồn: số liệu điều tra khảo sát của luận án năm 2019

Kết quả khảo sát 148 HTX cho thấy [Bảng 3.17]: Đa số diện tích đất sản xuất trong HTX hiện nay là đất do thành viên quản lý và tự tổ chức sản xuất. HTX chỉ có vai trò cung cấp một số dịch vụ cơ bản như thủy lợi hoặc làm đất. Đất chung do các HTX quản lý và sử dụng là rất thấp. Trung bình chỉ có 16% HTX có đất sản xuất, kinh doanh nông nghiệp với diện tích là 2,1 ha/1 HTX, trong đó diện tích được cấp giấy CN quyền sử dụng là 1,3 ha (chiếm 62%). Diện tích đất do thành viên quản lý và khai thác là 30,6 ha/HTX, trong đó diện tích đất của thành viên thuộc HTX toàn dân là 74 ha (0,2 ha/hộ thành viên HTX). Nguyên nhân quy mô đất sản xuất của HTX và thành viên thấp như trên là do quy mô số thành viên /HTX giảm trong các năm qua, các HTX mới thành lập có

số thành viên thấp, không có đất chung, có vai trò cung cấp dịch vụ cho thành viên hơn là quản lý đất sản xuất của các hộ như mô hình HTX kiểu cũ.

Mặc dù đã có những quy định ưu đãi về đất đai với các HTX, tuy nhiên vẫn có 82,3% số cán bộ địa phương được hỏi cho rằng, chính sách tiếp cận đất đai cho các HTX còn bất cập. Cụ thể, số HTX được thụ hưởng chính sách này không nhiều do quỹ đất công hiện nay hạn chế. Một số địa phương có quỹ đất công nhưng chưa tạo điều kiện hỗ trợ HTX. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn khó khăn, quy định về quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định Luật Đất đai 2013 vẫn còn thiếu linh hoạt trong việc hỗ trợ tài chính cho HTX khi thế chấp tại tổ chức tín dụng. Như vậy, chính sách này đã không mang lại hiệu quả trong 6 năm qua.

3.3.2.10. Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh

Việc hỗ trợ HTX khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định HTX được ngân sách nhà nước kịp thời hỗ trợ bằng tiền, hoặc cây, con giống đảm bảo chất lượng, phù hợp với sinh thái địa phương khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg. Đến tháng 01/2017 thực hiện theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh [18] .

Thực chất, bộ máy thực thi chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh là cơ quan tổ chức thực hiện chính sách chung cho các tổ chức, cá nhân sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có HTXNN. Trong những năm qua, chính sách này được thực hiện khá tốt nên cơ bản đã giúp cho người dân và thành viên HTX vượt qua khó khăn, ổn định phát triển sản xuất.

Tuy nhiên, do chính sách hỗ trợ vốn, giống tập trung hỗ trợ trực tiếp sản xuất, trong khi các HTX nông nghiệp chủ yếu thực hiện các hoạt động dịch vụ nên UBND xã, phường trực tiếp cấp phát cho người dân, thành viên HTX vùng bị thiên tai, chỉ một số ít địa phương có HTX nông nghiệp được tham gia triển khai thực hiện chính sách cho các thành viên của mình. Do đó, số HTX được hưởng chính sách này vẫn còn hạn chế. Trong giai đoạn 2013-2019, chỉ có 327 HTX được hỗ trợ với kinh phí 43,01 tỷ đồng (khoảng 3,18% tổng số HTXNN).

Bảng 3. 18: Kết quả khảo sát chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh giai đoạn 2013-2019

Loại HTX		Số HTX khảo sát	Số HTX thụ hưởng trực tiếp	Tỉ lệ thụ hưởng %	Số HTX có thành viên được thụ hưởng	Tỉ lệ thụ hưởng %
<i>Chung HTX NN</i>		148	2	1,4	21	14,2
Theo lĩnh vực hoạt động	Trồng trọt	34	1	3	12	35,3
	Chăn nuôi	17	1	6	5	29,4
	Dịch vụ	81	0	0	0	0
	Tổng hợp	16	0	0	3	18,8

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

Kết quả khảo sát 148 HTXNN [Bảng 3.18] cho kết quả: chỉ có 2/67 HTX (trồng trọt; chăn nuôi; tổng hợp) được hưởng chính sách này trong giai đoạn 2013-2019, các HTX khác không được hưởng trực tiếp chính sách nhưng có thành viên thụ hưởng với tỉ lệ khá cao HTX Trồng trọt (35,3%); HTX Chăn nuôi (29,4%).

3.3.2.11. Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm

Việc hỗ trợ chế biến sản phẩm đối với HTX hầu như chưa có chính sách cụ thể. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp. Theo đó,

đối với chế biến sản phẩm chỉ được hỗ trợ máy móc, thiết bị chế biến sản phẩm từ phế và phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản; còn hỗ trợ kho, thiết bị sử dụng chứa, bảo quản thóc, ngô chỉ cho quy mô hộ gia đình. Các HTX, tổ hợp tác, cá nhân, hộ gia đình được hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay tại ngân hàng thương mại trong hai năm đầu, 50% trong năm thứ ba đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ phân chênh lệch giữa lãi suất thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn bằng đồng Việt Nam và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp, mức vay tối đa bằng 70% giá trị dự án.

Ngoài ra, các địa phương đã vận dụng các chính sách hiện hành như chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ, khuyến nông, chính sách hỗ trợ chế biến và ngành nghề nông thôn... để thực hiện hỗ trợ cho các HTX như: Tỉnh Hà Tĩnh hỗ trợ 5.010 triệu đồng cho 34 HTX; Tỉnh Quảng Trị lồng ghép các chính sách hỗ trợ cho 04 HTX trong lĩnh vực sơ chế biến sản phẩm nông nghiệp (bao gồm máy xay xát gạo; nhà xưởng và trang thiết bị sơ chế sản phẩm nông nghiệp). Thành phố Cần Thơ lồng ghép các chính sách, dự án ACP hỗ trợ cho 02 HTX xây dựng nhà kho trên 5.000 triệu đồng; hỗ trợ 03 HTX sản xuất rau an toàn trang thiết bị sơ chế trên 75 triệu đồng; Tỉnh An Giang lồng ghép trong dự án ACP hỗ trợ cho 03 HTX nông nghiệp với số tiền khoảng 15 tỷ đồng để xây dựng nhà kho, lò sấy, máy gặt đập liên hợp; tỉnh Quảng Ninh đã hỗ trợ 10 HTX với tổng kinh phí 5.032,7 triệu đồng, còn thực hiện đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm” với 36 HTX tham gia, tổng kinh phí hỗ trợ là 1.557,4 triệu đồng. Theo báo cáo của các tỉnh, trong 7 năm qua đã có 553 HTX nông nghiệp được hỗ trợ 93,5 tỷ đồng, trong đó hỗ trợ từ ngân sách Trung ương chiếm 49,9%; ngân sách địa phương chiếm 43,5% và nguồn hỗ trợ khác chiếm 6,6% [18].

Bảng 3. 19: Kết quả khảo sát chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm giai đoạn 2013-2019

Loại HTX		Số HTX khảo sát	Số HTX có nhu cầu vay vốn mua thiết bị, xây dựng nhà xưởng	Tỉ lệ HTX có nhu cầu vay theo loại hình HTXNN %	Số HTX được hỗ trợ lãi suất	Tỉ lệ HTX được vay so với nhu cầu %
Chung HTX NN		148	106	71,6	13	12,3
Theo lĩnh vực hoạt động	Trồng trọt	34	32	94	2	6,2
	Chăn nuôi	17	17	100	4	23,5
	Dịch vụ	81	43	53	5	11,6
	Tổng hợp	16	14	87,5	2	14,3

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

Kết quả khảo sát 148 HTXNN [Bảng 3.19] cho thấy tỉ lệ được vay để mua thiết bị, đầu tư nhà xưởng chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với nhu cầu. Cũng theo đánh giá của 70,4 cán bộ địa phương được điều tra cho rằng, chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm cho các HTX trong nông nghiệp hiện nay còn nhiều khó khăn, chưa thực sự có hiệu quả cao. Nguyên nhân chính là nhiều HTXNN không có tài sản đảm bảo để được vay vốn nên không tiếp cận được. Một số hợp tác xã tiếp cận được vốn thì thời gian làm hồ sơ mất nhiều thời gian, thủ tục thẩm định và vay vốn kéo dài (thường là 8,5 tháng đối với các dự án đầu tư) nên phát sinh nhiều chi phí, do vậy các HTXNN thường chọn phương án vay với hình thức khác, một số HTX mua thiết bị sản xuất có chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm có giá thành chênh lệch cao hơn (thậm chí là hơn nhiều mức lãi suất vay) thiết bị, máy móc có tính năng tương tự nhưng không nằm trong danh mục công bố theo quy định nên các HTXNN này cũng thường chọn cách tự bỏ tiền vốn hoặc vay bằng các hình thức khác để mua các loại máy móc thiết bị có giá thành rẻ hơn.

Do vậy, để chính sách đi vào cuộc sống, nâng cao được tỉ lệ thụ hưởng

chính sách, cần phải xem xét kết hợp linh hoạt nhiều hình thức đảm bảo như thế chấp, tín chấp (có thể dựa trên kết quả kiểm toán), rút ngắn và đơn giản hoá thủ tục thẩm định máy móc, thiết bị, dự án đầu tư đảm bảo điều kiện vay.

3.4. Đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp

3.4.1. Đánh giá khâu hoạch định chính sách

Công tác hoạch định chính sách giai đoạn vừa qua đã có nhiều đổi mới, sự ban hành chính sách mới tương đối kịp thời, góp phần hình thành nên hệ thống khuôn khổ pháp lý, tạo nền tảng cho các hoạt động thúc đẩy khu vực HTX trong nông nghiệp phát triển. Hệ thống chính sách đã thể chế hoá được những chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 13-NQ/TW trong phát triển kinh tế tập thể nói chung và khu vực HTX trong nông nghiệp nói riêng. Chính sách đã đóng vai trò quan trọng nâng cao nhận thức về HTX trong nông nghiệp. Tính hiệu quả, hiệu lực của chính sách bước đầu đã dần được nâng cao, sát với mục tiêu phát triển chung của đất nước. Theo kết điều tra, có đến 50% chuyên gia và nhà quản lý được khảo sát cho rằng chính sách đã phù hợp khá và tốt với mục tiêu phát triển chung của đất nước. Mức độ tập trung, tính thống nhất trong hệ thống chính sách đã được nâng lên rõ rệt. Theo kết quả điều tra các chuyên gia, nhà quản lý, có đến 78,8% số người được hỏi cho rằng mức độ tập trung có hệ thống của các văn bản chính sách ở mức trung bình trở lên (Bảng 3.20). Tuy nhiên, trong khâu hoạch định chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp giai đoạn vừa qua đã bộc lộ những hạn chế, yếu kém như sau:

- Thời gian ban hành một số văn bản hướng dẫn Luật HTX kéo dài và phải điều chỉnh nên quá trình triển khai thực hiện Luật gặp nhiều khó khăn. Theo kết quả điều tra các chuyên gia, nhà khoa học cho thấy, có tới 63,1% cho rằng tính kịp thời của việc ban hành cách chính sách chỉ ở mức trung bình, kém và rất kém; chỉ có 10,5% cho rằng đã thực hiện tốt [Bảng 3.20];

Bảng 3. 20: Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý về thực trạng hoạch định chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Tỉ lệ đánh giá (%)					Tổng
		Tốt	Khá	Bình thường	Kém	Rất kém	
1	Tính kịp thời của việc ban hành một số văn bản hướng dẫn Luật HTX 2012?	10,5	26,3	42,1	10,5	10,5	100
2	Mức độ rõ ràng, cụ thể của các quy định hướng dẫn trong văn bản chính sách?	10	25	30	30	5	100
3	Tính phù hợp thực tế của các quy định trong văn bản chính sách?	0,0	21,1	47,4	31,6	0,0	100
4	Sự phù hợp với mục tiêu phát triển chung của đất nước?	22,2	27,8	44,4	5,6	0,0	100
5	Tính khả thi của chính sách?	15	15	55	5	10	100
6	Mức độ tập trung có hệ thống của các văn bản chính sách?	10,5	26,3	42,1	15,8	5,3	100

Nguồn: NCS tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý

- Một số quy định còn chưa được hướng dẫn cụ thể hoặc có hướng dẫn thì chưa khả thi dẫn đến khó triển khai, như: Xác định tài sản không chia, xử lý tài sản không chia sau chuyển đổi, giải thể HTX; thủ tục giải thể bắt buộc đối với HTX; hướng dẫn chuyển đổi HTX sang các loại hình tổ chức khác; hướng dẫn định mức và thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp; công tác kiểm toán đối với HTX. Có đến 65% trong số các chuyên gia, nhà khoa học được tham vấn cho rằng mức độ rõ ràng, cụ thể của các quy định hướng dẫn trong văn bản chính sách chỉ ở mức trung bình trở xuống [Bảng 3.20];

- Luật Hợp tác xã 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định 11 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các hợp tác xã nhưng thực tế các chính sách này đi vào cuộc sống không nhiều. Có chính sách hầu như chưa thực hiện được như chính sách hỗ trợ về kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp. Một số chính sách thực hiện chưa hiệu quả như chính sách ưu đãi tín dụng, hỗ trợ chế biến sản phẩm, cũng như một số chính sách khác. Số lượng hợp tác xã được hưởng chính sách

hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước còn hạn chế. Theo kết quả điều tra các chuyên gia, nhà quản lý, có đến 70% số người được hỏi cho rằng tính khả thi chính sách chỉ ở mức bình thường, kém và rất kém [Bảng 3.20];

- Một số chính sách hỗ trợ phân tán, chưa đồng bộ, thiếu tính khả thi, chưa được hướng dẫn cụ thể, thiếu nguồn lực; thiếu kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành Luật Hợp tác xã và các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Theo kết quả điều tra các chuyên gia, nhà quản lý, có đến 63,2% số người được hỏi cho rằng mức độ tập trung có hệ thống của các văn bản chính sách chỉ ở mức từ bình thường trở xuống [Bảng 3.20].

3.4.2. Đánh giá về khâu tổ chức thực hiện chính sách

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng về phát triển KTTT, về cơ bản đã được Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành để hướng dẫn thi hành Luật. Các địa phương ban hành nhiều văn bản triển khai thi hành Luật và bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển HTXNN tại địa phương. Theo kết quả điều tra các chuyên gia, nhà quản lý, có đến 87,3% số người được hỏi cho rằng việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phổ biến về pháp luật hợp tác xã và chính sách phát triển HTXNN đã được thực hiện ở mức trung bình trở lên (Bảng 3.21). Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT được quan tâm nhất định, bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX bước đầu được kiện toàn. Ở Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có đơn vị chuyên trách về KTTT. Tại các Bộ, ngành khác có đơn vị kiêm nhiệm, cán bộ kiêm nhiệm. Ở địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về KTTT, đã bố trí phòng chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức năng này. Cấp huyện chức năng quản lý nhà nước về KTTT đa số được giao cho phòng Tài chính- Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện. Tuy nhiên, khi đánh giá khâu tổ chức thực hiện chính sách cho thấy vẫn còn những hạn chế, yếu kém:

Bảng 3. 21: Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý về thực trạng tổ chức thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp

T T	Chỉ tiêu đánh giá	Tỉ lệ đánh giá (%)					Tổng
		Tốt	Khá	Bình thường	Kém	Rất kém	
1	Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phổ biến về pháp luật hợp tác xã và chính sách phát triển HTXNN?	36,8	42,1	10,5	10,5	0,0	100
2	Mức độ nhận thức về vai trò của HTXNN của các cán bộ QLNN ở địa phương?	15	30	40	10	5	100
3	Sự phối hợp giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách?	15,8	26,3	42,1	10,5	5,3	100
4	Kết quả xây dựng, nhân rộng, phổ biến mô hình HTXNN kiểu mới ?	5,3	5,3	26,3	57,9	5,3	100
5	Năng lực bộ máy thực hiện chính sách?	10	20	30	30	10	100
6	Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã các cấp?	16,7	27,8	38,9	11,1	5,6	100
7	Kết quả tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Luật của các HTX?	5,3	10,5	36,8	36,8	10,5	100

Nguồn: NCS tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý

- Một số địa phương vẫn chưa nhận thức rõ, chưa chú trọng đến vai trò của HTX trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nên mới chỉ dừng lại ở chủ trương, chưa có chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, không có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các HTX trong quá trình thực hiện; thậm chí còn can thiệp quá sâu bằng các biện pháp hành chính vào sự phát triển của HTX trong nông nghiệp. Theo kết quả điều tra các chuyên gia, nhà quản lý, có đến 55% số người được hỏi cho rằng mức độ nhận thức về vai trò của HTXNN chỉ ở trung bình trở xuống (Bảng 3.21).

- Công tác phối hợp trong việc thực hiện báo cáo thống kê giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương chưa thực hiện tốt nên rất khó khăn trong việc tổng hợp thông tin về HTX, kết quả triển khai chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp. Có đến 57,8% số chuyên gia, nhà quản lý được tham vấn cho rằng sự phối hợp giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách chỉ ở mức trung bình trở xuống (Bảng 3.21).

- Bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã vừa yếu vừa thiếu và vừa phân tán; đa phần là đơn vị, cán bộ kiêm nhiệm; chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX tại địa phương dàn trải ở nhiều cơ quan, nhiều đơn vị khác nhau. Theo kết quả điều tra các chuyên gia, nhà quản lý, có đến 70% số người được hỏi cho rằng năng lực bộ máy thực hiện chính sách chỉ ở mức trung bình trở xuống (Bảng 3.21).

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về KTTT các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kiến thức về HTX. Có đến 55,6% số chuyên gia, nhà quản lý được tham vấn cho rằng kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã các cấp chỉ ở mức trung bình trở xuống (Bảng 3.21).

- Việc phổ biến, nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả chưa được triển khai rộng rãi giúp cho người dân tin tưởng vào các lợi ích về kinh tế - xã hội do HTX mang lại. Kết quả tham vấn, có đến 89,5% chuyên gia, nhà quản lý cho rằng kết quả xây dựng, nhân rộng, phổ biến mô hình HTXNN kiểu mới chỉ ở mức trung bình trở xuống (Bảng 3.21).

- Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Luật của các HTX còn hạn chế, chưa kịp thời xử lý vi phạm pháp luật của HTX, các cá nhân, tổ chức liên quan. Có đến 84,1% chuyên gia, nhà quản lý được tham vấn cho rằng kết quả tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Luật của các HTX chỉ ở mức trung bình trở xuống (Bảng 3.21).

3.4.3. Đánh giá mức độ tác động của chính sách

Chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp giai đoạn vừa qua đã có những ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của HTX, nhìn chung có 36,8% trong số chuyên gia, nhà quản lý được tham vấn cho rằng chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp có tác động khá và tốt đến khu vực HTXNN. Những chính sách có tác động đáng kể như: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực (được 68,4% chuyên gia, nhà quản lý đánh giá khá và tốt); Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường (được 65% chuyên gia, nhà quản lý đánh giá khá, tốt); Ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới (được 84,2% chuyên gia, nhà quản lý đánh giá khá, tốt); Tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX (được 52,7% chuyên gia, nhà quản lý đánh giá khá, tốt) [Bảng 3.22]. Nhận định của các chuyên gia, nhà quản lý cũng phù hợp với thực trạng phát triển HTXNN mà tác giả đã khảo sát và trình bày ở phần trước.

Tuy chính sách đã đạt được tác động nhất định tới khu vực HTXNN, nhưng nhìn chung vẫn còn rất nhiều hạn chế, bất cập. Những chính sách không có tác động hoặc tác động kém, rất kém đến sự phát triển của HTXNN như: Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội (68,5% chuyên gia, nhà quản lý đánh giá không tác động, tác động kém); Thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (80% chuyên gia, nhà quản lý đánh giá không tác động, tác động kém); Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh (94,5% chuyên gia, nhà quản lý đánh giá không tác động, tác động kém); Giao đất, cho thuê đất (89,6% chuyên gia, nhà quản lý đánh giá không tác động, tác động kém). Cá biệt có 94,5% chuyên gia, nhà quản lý được tham khảo cho rằng chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng không tác động, tác động kém (Bảng 3.22).

Bảng 3. 22: Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý về mức độ tác động của từng chính sách đến sự phát triển của Hợp tác xã nông nghiệp

T T	Chính sách	Tỉ lệ đánh giá (%)					Tổng
		Tốt	Khá	Không tác động	Kém	Rất kém	
1	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	26,3	42,1	26,3	5,3	0,0	100
2	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	20	45	30	5	0	100
3	Ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới	31,6	52,6	15,8	0,0	0,0	100
4	Tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX	21,1	31,6	42,1	5,3	0,0	100
5	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội	15,8	15,8	57,9	5,3	5,3	100
6	Thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	5	15	40	30	10	100
7	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng	0,0	5,6	38,9	27,8	27,8	100
8	Giao đất, cho thuê đất	0,0	10,5	63,2	21,1	5,3	100
9	Ưu đãi về tín dụng	5	25	50	15	5	100
10	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh	0,0	10,5	31,6	52,6	5,3	100
11	Hỗ trợ chế biến sản phẩm	16,7	27,8	44,4	11,1	0,0	100

Nguồn: NCS tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý

3.4.4. Đánh giá nhu cầu hỗ trợ chính sách thực tế của hợp tác xã trong nông nghiệp và những yếu tố chính sách mà các tổ chức trá hình hợp tác xã trong nông nghiệp muốn hưởng lợi

Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý cho thấy trên thực tế, các HTXNN thực sự mong muốn một số yếu tố thúc đẩy sự phát triển, bao gồm: Thể chế phù hợp cho phát triển (100% chuyên gia, nhà quản lý đồng tình, Bảng 3.23.), đây là yếu tố cốt lõi để HTXNN tự thân phát triển; sự minh bạch thông tin (90% chuyên gia, nhà quản lý đồng tình, Bảng 3.23), yếu tố cần thiết để HTXNN

hoạt động trong môi trường cạnh tranh lành mạnh; Khoa học, công nghệ (85% chuyên gia, nhà quản lý đồng tình, Bảng 3.23), yếu tố này vừa là động lực, vừa là giải pháp để HTXNN phát triển bền vững, hiệu quả; Thương hiệu, Thông tin thị trường (80% chuyên gia, nhà quản lý đồng tình, Bảng 3.23), yếu tố cần thiết để HTXNN nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường; Dễ dàng tiếp cận vốn (85% chuyên gia, nhà quản lý đồng tình, Bảng 3.23), là yếu tố quan trọng để HTXNN mở rộng quy mô hoạt động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

Bảng 3. 23: Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý nhu cầu hỗ trợ chính sách thực tế của hợp tác xã nông nghiệp

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Tỉ lệ đánh giá (%)			
		Có	Không	Không ý kiến	Tổng
1	Thế chế phù hợp cho phát triển?	100	0	0	100
2	Sự minh bạch thông tin?	90	5	5	100
3	Dễ dàng tiếp cận vốn?	85	15	0	100
4	Khoa học, công nghệ?	85	10	5	100
5	Thương hiệu, Thông tin thị trường?	80	20	0	100
6	Các quy định phức tạp, phi thực tế, không rõ ràng?	0	100	0	100
7	Không minh bạch?	5	90	5	100
8	Bảo lãnh vay vốn ưu đãi, lãi suất thấp?	30	65	5	100
9	Tham gia các đề án, dự án vốn ngân sách?	5	85	10	100
10	Càng nhiều ưu đãi, hỗ trợ càng tốt?	10	90	0	100

Nguồn: NCS tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý

Đối với các tổ chức trá hình HTXNN (những tổ chức có hình thức là HTXNN, không hoạt động theo đúng bản chất của HTX nhưng được hưởng lợi từ chính sách phát triển HTXNN), các chuyên gia, nhà quản lý cho rằng có một số yếu tố chính sách sẽ tạo ra điều kiện thuận lợi để các tổ chức trục lợi, đó là: Các quy định phức tạp, phi thực tế, không rõ ràng (100% chuyên gia, nhà quản lý đồng tình, Bảng 3.24.); không minh bạch (95% chuyên gia, nhà quản lý đồng tình, Bảng 3.24.); tham gia các đề án, dự án vốn ngân sách (90% chuyên gia, nhà

quản lý đồng tình, Bảng 3.24.); càng nhiều ưu đãi, hỗ trợ càng tốt (100% chuyên gia, nhà quản lý đồng tình, Bảng 3.24.)

Bảng 3. 24: Tổng hợp đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý về những yếu tố hưởng lợi chính sách của các tổ chức kinh tế trá hình hợp tác xã nông nghiệp

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Tỉ lệ đánh giá (%)			Tổng
		Có	Không	Không có ý kiến	
1	Thế chế phù hợp cho phát triển?	5	90	5	100
2	Sự minh bạch thông tin?	10	90	0	100
3	Dễ dàng tiếp cận vốn?	85	15	0	100
4	Khoa học, công nghệ?	5	90	5	100
5	Thương hiệu, Thông tin thị trường?	5	90	5	100
6	Các quy định phức tạp, phi thực tế, không rõ ràng?	100	0	0	100
7	Không minh bạch?	95	0	5	100
8	Bảo lãnh vay vốn ưu đãi, lãi suất thấp?	75	15	10	100
9	Tham gia các đề án, dự án vốn ngân sách?	90	5	5	100
10	Càng nhiều ưu đãi, hỗ trợ càng tốt?	100	0	0	100

Nguồn: NCS tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý

Như vậy, để thúc đẩy khu vực HTXNN phát triển, chính sách cần phải thực hiện đồng thời hai yêu cầu, đó là: nâng tối đa các yếu tố mà HTXNN thực sự được hưởng lợi và giảm đến mức tối thiểu các yếu tố mà các tổ chức trá hình HTXNN có thể trục lợi. Hay nói cách khác, chính sách phát triển HTXNN cần tăng tối đa các yếu tố như: Thế chế phù hợp cho phát triển; sự minh bạch thông tin; Khoa học, công nghệ; Thương hiệu, Thông tin thị trường; Dễ dàng tiếp cận vốn và giảm đến mức tối thiểu các yếu tố: Các quy định phức tạp, phi thực tế, không rõ ràng; không minh bạch; hỗ trợ HTXNN tham gia các đề án, dự án vốn ngân sách; những ưu đãi, hỗ trợ không thực sự hiệu quả.

3.5. Đánh giá chung về chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam

3.5.1. Những thành quả đạt được

1) *Đã góp phần hình thành được hệ thống chính sách hỗ trợ tương đối đầy đủ về thể loại chính sách.* Theo kết quả rà soát khâu hoạch định chính sách cho thấy, hiện nay có tới 9 chính sách hỗ trợ phát triển HTX trong nông nghiệp; mức hỗ trợ đã có sự thay đổi tăng hơn so với trước; sự hỗ trợ được bao trùm hơn, kể cả từ khi thành lập HTX đến xử lý các rủi ro trong quá trình phát triển HTX trong nông nghiệp.

2) *Đã góp phần gia tăng số lượng hợp tác xã trong nông nghiệp.* Trong bảy năm qua, số lượng hợp tác xã trong nông nghiệp đã tăng từ 10.425 HTXNN (năm 2013) lên 13.541 HTXNN năm 2019, tốc độ tăng trung bình khoảng 3%/năm.

3) *Đã góp phần ổn định hoạt động SXKD và nâng quy mô của từng hợp tác xã trong nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã.* Trong giai đoạn 2013-2019, tổng vốn trung bình của các HTXNN đã tăng đều từ 1.960 triệu đồng lên 2.806 triệu đồng mức trung bình 6,5%/năm, doanh thu tăng đều từ 2.213 triệu đồng lên 3.100 triệu đồng, mức tăng trung bình 8,1%/năm. Lợi nhuận trung bình của HTXNN liên tục tăng từ 150 triệu đồng/năm lên 200 triệu đồng/năm, đạt mức tăng 6,7%/năm. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tăng nhẹ từ 8,3% lên 8,5%. Những HTXNN được thụ hưởng các chính sách: đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới có kết quả sản xuất kinh doanh khả quan hơn, tỷ suất lợi nhuận/doanh thu đạt cao. Số liệu khảo sát 148 HTX trong giai đoạn 2013-2019, khả năng sinh lời của các HTX tương đối ổn định. Năm 2018, lợi nhuận trước thuế của HTX/vốn chủ sở hữu là 8,5%, nghĩa là với 100 đồng vốn

chủ sở hữu mà thành viên đầu tư vào HTX sẽ sinh lời 8,5 đồng. HTX chăn nuôi có tỷ suất sinh lời cao (20,2%), HTX trồng trọt có tỷ suất sinh lời thấp (8,2%).

4) *Đã góp phần mang lại hiệu quả kinh tế đối với thành viên tham gia HTX và các hộ liên kết.* Thông qua HTX, các hộ thành viên có điều kiện tham gia và được hỗ trợ của Nhà nước, của các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Nhờ đó, thu nhập của người lao động cũng như của thành viên, hộ thành viên được cải thiện, góp phần giải quyết công ăn việc làm, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Vị trí, vai trò, tầm quan trọng của HTX trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được nâng lên. Trong giai đoạn 2013-2019, lợi nhuận chia cho thành viên/HTX tăng từ 70 triệu đồng lên 100 triệu đồng [Bảng 3.16], những HTXNN hoạt động có hiệu quả đã tiết kiệm trung bình 8% vốn đầu tư, chi phí đầu tư vì sử dụng chung tài sản; giảm chi phí khoảng 5% nhờ bán sản phẩm, dịch vụ qua HTX; được vay vốn với chi phí thấp (trung bình 3%), nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhờ được hỗ trợ, đào tạo, tập huấn kỹ thuật, công nghệ (trung bình 10%), mở rộng quy mô SXKD của hộ vì có liên kết tiêu thụ sản phẩm (trung bình 25%), sử dụng vật tư đầu vào với chi phí thấp vì mua của HTX với giá thấp (5%) [18].

3.5.2. Những hạn chế, yếu kém

1) *Mức độ tác động của chính sách rất hạn chế và không rõ ràng.* Mặc dù trong bảy năm qua, số lượng HTXNN đã gia tăng đều qua các năm với tốc độ gia tăng chậm (chỉ tăng trung bình 3%/năm) nhưng số lượng thành viên giảm từ 5.017.293 thành viên trong năm 2013 xuống còn 3.936.000 thành viên năm 2019, tức giảm 1.081.293 thành viên, tương đương với mức giảm 22% [Mục 3.2.1], không đạt mục tiêu gia tăng về lượng; Số lượng HTXNN hoạt động có hiệu quả thấp [Phụ lục III]; chất lượng đội ngũ cán bộ HTX thấp, đa số là trình độ phổ thông (66,1%). Tham khảo bảng 3.18 cho thấy nhiều HTX được thụ hưởng nhiều chính sách khác nhau nhưng vẫn làm ăn thua lỗ, trong 25 HTXNN được hưởng 4

chính sách thì có đến 11 HTX thua lỗ (chiếm 44%), trong 23 HTXNN được hưởng 3 chính sách thì có tới 8 HTX thua lỗ (chiếm 35%). Trong khi có 15 HTXNN không được hưởng chính sách nào thì chỉ có 27% thua lỗ, điều này cho thấy thực trạng là tác động về chất đối với HTXNN của chính sách thực sự không rõ ràng. Một số chính sách thực sự chưa đi vào cuộc sống, tỉ lệ thụ hưởng thấp như: CS tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; CS hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; CS giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; CS hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

2) Hiệu quả triển khai chính sách còn thấp

Trong giai đoạn 2013 - 2019, Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã triển khai các nội dung hỗ trợ [Phụ lục II] cho 32.113 lượt HTXNN, với tổng kinh phí là 2.101,317 tỉ đồng, nếu tính con số HTX trung bình trong 6 năm là 10,991 HTX có 45% hoạt động có hiệu quả thì chi phí cho một HTX làm ăn có hiệu quả khoảng 423,7 Tr/HTX, đây là một con số khá lớn nếu so với các chương trình khác phục vụ mục tiêu phát triển nông thôn như chương trình xoá đói giảm nghèo, Chương trình xây dựng nông thôn mới. Trong khi thu nhập bình quân của các thành viên và người lao động ước đạt khoảng 2,7 triệu đồng/người/tháng. Đây là con số thấp, chỉ bằng 60% mức thu nhập bình quân đầu người toàn quốc năm 2018 (58,5 tr/người).

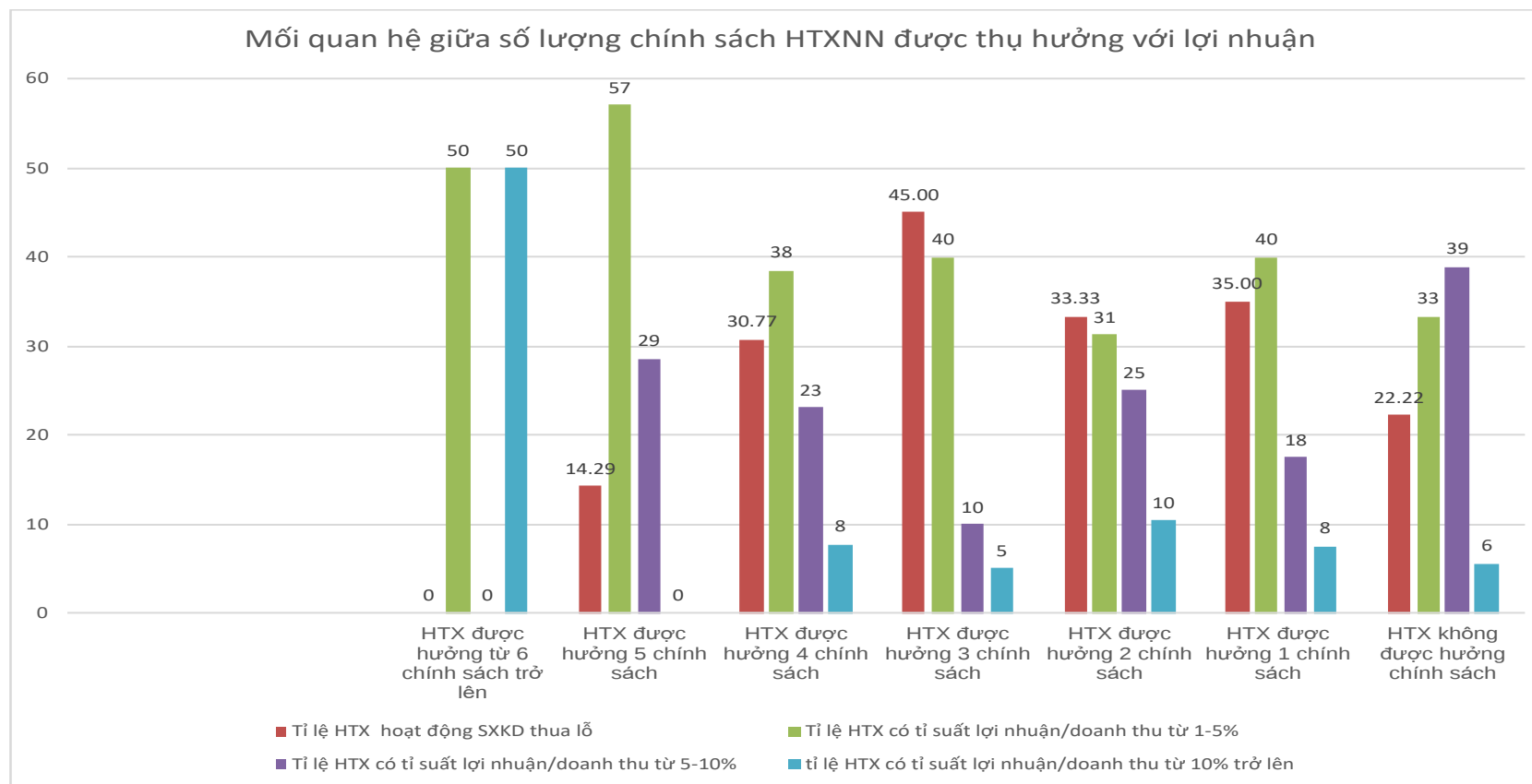
Bảng 3. 25: Tổng hợp kết quả khảo sát tỉ suất lợi nhuận/doanh thu của 148 hợp tác xã trong nông nghiệp

T T	Số chính sách HTXNN được thụ hưởng	Số lượng	1*	2*	3*	4*	5*	6*	7*	8*	9*	10*	11*	Số HTX hoạt động SXKD thua lỗ	Số HTX có tỉ suất lợi nhuận/doanh thu từ 1-5%	Số HTX có tỉ suất lợi nhuận/doanh thu từ 5-10%	Số HTX có tỉ suất lợi nhuận/doanh thu từ 10% trở lên
1	Tổng số HTX	148	57	51	20	31	18	43	8	10	41	5	11	48	55	33	12
2	HTX được hưởng từ 6 chính sách trở lên	2	2	2	2	0	1	1	0	0	0	2	2	0	1	0	1
3	HTX được hưởng 5 chính sách	7	5	4	3	4	5	5	1	1	8	0	1	1	4	2	0
4	HTX được hưởng 4 chính sách	13	9	7	3	4	5	7	2	4	10	0	1	4	5	3	1
5	HTX được hưởng 3 chính sách	20	11	9	1	6	3	9	2	4	10	1	4	9	8	2	1
6	HTX được hưởng 2 chính sách	48	21	20	8	9	3	15	1	1	13	2	3	16	15	12	5
7	HTX được hưởng 1 chính sách	40	9	9	3	8	3	6	2	0	0	0	0	14	16	7	3
8	HTX không được hưởng chính sách	18	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	6	7	1

Ghi chú:

- 1*: số HTX hưởng CS đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực;*
- 2*: số HTX hưởng CS xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường;*
- 3*: số HTX hưởng CS ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới;*
- 4*: số HTX hưởng CS tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX;*
- 5*: số HTX hưởng CS tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội;*
- 6*. số HTX hưởng CS thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;*
- 7*: số HTX hưởng CS hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng;*
- 8*. số HTX hưởng CS giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;*
- 9*: số HTX hưởng CS ưu đãi về tín dụng;*
- 10*: số HTX hưởng CS hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh;*
- 11*: số HTX hưởng CS hỗ trợ chế biến sản phẩm.*

Nguồn: NCS tổng hợp dựa trên kết quả khảo sát của Luận án năm 2019



Hình 3. 10: Mối quan hệ giữa số lượng chính sách hợp tác xã trong nông nghiệp được hưởng với lợi nhuận

Nguồn: NCS tự thiết lập dựa trên kết quả khảo sát của Luận án năm 2019

3) Chưa hướng đúng vào những đối tượng là HTXNN hoạt động theo đúng các nguyên tắc HTX

Trong 148 HTX đã khảo sát, có đến 130 HTXNN được thụ hưởng ít nhất một chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước, nhưng chỉ có 6 HTX hoạt động theo đầy đủ các nguyên tắc của HTX (HTX nuôi trồng thủy sản Mát Ròng Hải Phòng; Hợp tác xã trong nông nghiệp Phú Thạnh, An Giang; HTX nông nghiệp Đại Lợi Cần thơ; HTX Nhân Miền Thiết Hưng Yên; HTX chăn nuôi Đoàn Kết Lai Châu và HTX Chăn nuôi và Thủy sản Gò Công Tiền Giang) chiếm khoảng 2,5%. Điều này cho thấy có rất nhiều HTXNN không hoạt động theo đầy đủ các nguyên tắc HTX nhưng được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước [Bảng 3.26].

Bảng 3. 26: Kết quả khảo sát sự tuân thủ nguyên tắc hợp tác xã của các hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2013-2019

Loại HTX		Số HTX khảo sát	Số HTX không thực hiện theo đúng phương án SXKD	Số HTX có thành viên góp vốn trên 20%	Số HTX có tỉ lệ cung ứng SP, DV ra bên ngoài vượt quy định	Số HTX trên 12 tháng không tổ chức ĐHTV	Số HTX hoạt động theo đầy đủ nguyên tắc HTX
Chung HTX NN		148	53	29	72	18	6
Theo lĩnh vực hoạt động	Trồng trọt	34	17	4	21	2	2
	Chăn nuôi	15	6	5	2	2	2
	Dịch vụ	81	21	14	37	9	1
	Tổng hợp	16	9	6	12	5	1

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của Luận án năm 2019

3.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế và yếu kém

3.5.3.1. Nguyên nhân từ khâu hoạch định chính sách

1) Phương thức tiếp cận trong hoạch định một số chính sách chưa phù hợp.

Nội dung của chính sách, đặc biệt là trong Luật Hợp tác xã năm 2012 cho thấy, các nhà hoạch định chính sách đang coi khu vực HTX, nhất là HTX trong nông nghiệp là khu vực yếu thế, cần có sự giúp đỡ của nhà nước; coi HTXNN là công cụ nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp, là công cụ xoá đói giảm nghèo và nâng cao đời sống người dân khu vực nông thôn. Đây có thể là tư duy chưa phù hợp, việc Nhà nước hỗ trợ, ưu đãi tạm thời dường như sẽ biến HTX trở thành tổ chức do nhà nước kiểm soát lâu dài. Điều đó không chỉ đi ngược với nguyên tắc của HTX mà trong thực tế còn mang ý nghĩa phản tác dụng nếu như sự hỗ trợ của nhà nước không kích thích được sự hỗ trợ tham gia của chính các xã viên vào HTX của mình.

2) Các thông tin, số liệu để thiết lập các mục tiêu và giải pháp chính sách chưa được điều tra, thống kê một cách thống nhất và khoa học. Số liệu điều tra về nhu cầu tham gia HTXNN của cá nhân, hộ gia đình, của tổ chức và doanh nghiệp để đảm bảo nguyên tắc tự nguyện. Số liệu thống kê về số lượng HTXNN, hộ gia đình, số lượng lao động đang làm việc ở nông thôn, thu nhập của người lao động nông thôn không được xác lập có hệ thống để làm căn cứ cho việc xác định mục tiêu và các giải pháp. Trên thực tế có nhiều nguồn quản lý số liệu của các HTXNN, Bộ KH&ĐT có hai hệ thống điều tra và quản lý: *thứ nhất*, Tổng cục thống kê điều tra HTX theo từng chương trình hoạt động cụ thể và không tổ chức theo định kỳ; *thứ hai*, thu thập số liệu thông qua Sở KH&ĐT các tỉnh quản lý khi đăng ký, giải thể HTX; Bộ NN&PTNT quản lý dữ liệu thông qua Cục phát triển Kinh tế hợp tác, Cục này có các chi cục tại các địa phương; Liên minh HTX Việt Nam thu thập thông tin quản lý thông qua kênh Liên minh HTX tỉnh.

3) Chưa có phương thức nhận diện được các HTXNN hoạt động đúng nguyên tắc HTX để có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đúng địa chỉ. HTX nông nghiệp có đặc tính kép vừa là hiệp hội của các thành viên đồng thời cũng là tổ chức hoạt động kinh tế. HTX là nơi ra quyết định mang tính dân chủ, thực hiện các hoạt động kinh

doanh để hỗ trợ thành viên, Nhà nước chỉ hỗ trợ, ưu đãi những HTXNN hoạt động theo đúng bản chất của HTX. Tuy nhiên, trên thực tế, có tỉ lệ rất lớn các HTXNN không hoạt động đúng bản chất HTX vẫn được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước nhưng Nhà nước chưa có phương thức nhận diện, phân biệt các HTXNN có hoạt động đúng bản chất hay không. Theo kết quả điều tra cho thấy, có tới 70,2 cán bộ cấp tỉnh, huyện và xã cho rằng sách tuyên truyền thay đổi nhận thức về HTX kiểu mới hiện nay chưa phù hợp, vẫn còn mang nặng hình thức, nội dung chưa rõ ràng.

3.5.3.2. Nguyên nhân từ khâu tổ chức triển khai chính sách

1) *Bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX vừa yếu vừa thiếu và vừa phân tán.* Bộ máy tổ chức thực hiện chính sách có sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan thực thi chính sách như cơ quan cấp vụ, cục của Bộ KH&ĐT với Bộ NN&PTNT; và giữa các cơ quan đầu mối trong cùng một địa phương; chưa tổ chức được bộ máy một cách thống nhất từ Trung ương tới địa phương.

2) *Cán bộ trong các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan triển khai chính sách còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng.* Hiện nay, đa phần cán bộ trong các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước đều là cán bộ kiêm nhiệm; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về KTTT các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức về HTX dẫn đến năng lực thực thi chính sách của cán bộ yếu. Có quá nhiều đầu mối tổ chức thực hiện chính sách bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực HTX; nội dung đào tạo trùng lặp và nặng về lý thuyết, ít nội dung về kinh nghiệm thực tiễn của các HTX.

3) *Chưa có phương thức hữu hiệu để xác định rõ được phân thu nhập miễn thuế và phân thu nhập chịu thuế đối với HTX.* Bản thân các HTX chưa hạch toán riêng biệt được phân thu nhập được miễn thuế. Công tác quản lý thuế hiện nay đang chủ yếu tập trung cho khối doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, trong khi

quản lý thuế đối với HTX chưa được quan tâm chú trọng đúng mức.

4) *Xác định đối tượng thụ hưởng chính sách chưa rõ ràng.* Nhiều chính sách được lồng ghép vào các chương trình phát triển kinh tế- xã hội nên trong thực tế mang danh nghĩa HTXNN được thụ hưởng, nhưng thực chất đối tượng thụ hưởng là thành viên hộ nông dân, cư dân nông thôn; nhiều hợp tác xã nông nghiệp được hình thành một cách "trá hình" để chuộc lợi chính sách.

5) *Nguồn lực thực thi chính sách vừa thiếu, vừa phân tán.* Như đã phân tích ở phần trước, nguồn vốn tổ chức thực hiện chính sách chỉ đáp ứng khoảng 23% nhu cầu của khu vực HTXNN. Hơn nữa, số lượng chính sách hỗ trợ, ưu đãi quá nhiều (11 chính sách, trong khi các nước khác chỉ có tối đa 4 chính sách), điều này càng làm cho nguồn vốn phục vụ các chính sách thành phần càng bị chia nhỏ.

6) *Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách.* Hiện nay, công tác kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện chính sách còn chưa được chú trọng. Trong khi vai trò của công tác kiểm tra, giám sát là rất quan trọng; bởi vì thông qua công tác kiểm tra, giám sát sẽ trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong thực hiện chính sách, đồng thời phát hiện ra bất cập để điều chỉnh chính sách cho thời gian tới.

3.5.3.3. Nguyên nhân từ nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách

1) *Khả năng tài chính của thành viên HTX phần nhiều là yếu, khó tiếp cận vốn; năng lực nội tại của HTX yếu.* Việc tiếp cận vốn đối với các HTX vẫn còn khó khăn do nhiều HTX chưa đủ điều kiện tiếp cận tín dụng (năng lực điều hành, quản trị hạn chế dẫn đến lúng túng trong hoạt động sản xuất kinh doanh). Một số HTX thiếu công khai minh bạch, thực hiện chưa đúng quy định về quản lý tài chính, kế toán, chưa tuân thủ các nguyên tắc của Luật HTX 2012...nên thiếu cơ sở pháp lý để vay vốn. Hiệu quả hoạt động của các HTX còn thấp, số lượng dịch vụ ít, chất lượng dịch vụ chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường, chưa có sự gắn kết theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm nên chưa xây

dựng được phương án sản xuất kinh doanh khả thi để tiếp cận vốn vay của các TCTD, phần lớn chỉ có nhu cầu tiếp cận vốn lãi suất thấp có sự hỗ trợ của nhà nước. Năng lực nội tại của đa phần các HTXNN còn yếu kém nên không đủ khả năng để đảm nhận, tham gia các chương trình, đề án phát triển kinh tế- xã hội địa phương.

2) *Nhiều HTXNN và các hộ liên kết còn chưa nhận thức được ưu thế của liên kết trong cung tiêu sản phẩm nông nghiệp; ý thức tuân thủ pháp luật trong các hợp đồng kinh tế của các hộ cá thể kém; đa số các HTX có vốn ít, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết.* Do tâm lý muốn thu lợi nhuận trước mắt, tình trạng phá hợp đồng cung ứng và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thường xuyên xảy ra giữa hộ liên kết với HTXNN; giữa các HTXNN với nhau và với doanh nghiệp, dẫn đến sự không bền vững và kém hiệu quả của các chuỗi liên kết. Khả năng huy động vốn của các hộ thành viên rất hạn chế, khó vay vốn trung hạn, dài hạn từ ngân hàng. Một số HTX chưa thể hiện được vai trò kết nối giữa các thành viên với thị trường, sự gắn kết lợi ích giữa HTX và thành viên mờ nhạt, chưa mang tinh thần hợp tác. Lợi ích kinh tế trực tiếp do HTX mang lại cho thành viên chưa nhiều. Việc liên kết, liên doanh giữa HTX với HTX, giữa HTX với các thành phần kinh tế khác còn ít, hiệu quả chưa cao.

3) *Năng lực quản trị HTX của đội ngũ cán bộ HTX chưa đáp ứng yêu cầu, không theo kịp với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng như phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại.* Trình độ của đội ngũ quản trị HTXNN đa phần tốt nghiệp phổ thông trung học, trung cấp và cao đẳng, ít được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ nhất là chuyên môn về quản lý, phát triển HTX. Họ cũng thiếu các kỹ năng để dẫn dắt HTX hấp thụ một cách có hiệu quả những chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

4.1. Bối cảnh và định hướng phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

Trên bình diện thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn của tình hình thế giới và khu vực, phát triển bền vững, tăng trưởng xanh là xu thế bao trùm. Trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt, xu hướng chung của thế giới hướng đến sử dụng hàng hóa an toàn, có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng cao, đặc biệt là hàng nông sản hữu cơ, đòi hỏi các HTX phải thích ứng với thị trường bằng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn. Theo dự báo của FAO và OECD tiêu dùng thực phẩm toàn cầu tiếp tục có xu thế tăng, nhưng với mức chậm hơn thời kỳ trước. Sau một thời gian tăng nhanh, hiện nay nhu cầu nông sản cho nhiên liệu sinh học đang chững lại và chiếm khoảng 12% sản lượng hạt thô. Quá trình đô thị hóa, thu nhập tăng lên sẽ kéo theo nhu cầu tiêu thụ các loại thực phẩm giàu dinh dưỡng, an toàn cho sức khỏe và thân thiện với môi trường. Thương mại nông sản toàn cầu có mức tăng trưởng chậm lại. Giá nông sản trong xu thế giảm nhẹ do nguồn cung dồi dào và nhu cầu tiêu dùng tăng thấp [7].

Thương mại điện tử được xem như một trong những giải pháp hiệu quả, bền vững để các HTX nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường cũng như tham gia vào các hoạt động kinh tế trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội đồng thời cũng là thách thức lớn cho các thành phần kinh tế trong đó có HTX, đòi hỏi các HTX phải năng động, sáng tạo, nắm bắt thông tin, tiếp cận khoa học, công nghệ tiên tiến để áp dụng vào sản xuất, phù hợp với thực tế Việt Nam [7]. Dịch bệnh Covid-19 diễn ra trên phạm vi toàn thế giới tác động mạnh tới nhu cầu tiêu thụ nông sản;

hiệu chuỗi sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ nông sản trên thế giới bị phá vỡ.

Hiện nay, trên toàn thế giới, khu vực HTX có khoảng 3 triệu HTX và tổ chức tương hỗ, thu hút 1,2 tỷ thành viên từ 315 tổ chức hợp tác xã quốc gia của 110 nước thành viên, tạo ra doanh thu hàng năm trên 3.000 tỷ USD và tạo việc làm ổn định cho trên 280 triệu người. Liên Hợp Quốc chính thức thông qua chương trình HTX nhằm hoàn thành 17 mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững tới năm 2030; góp phần hoàn thành chương trình phát triển HTX đến năm 2030 có 2 tỷ thành viên, 4 triệu HTX, doanh thu của HTX chiếm 20% tổng doanh thu toàn cầu. Xu thế HTX trên thế giới ngày càng phát triển tạo cơ hội cho hợp tác, phát triển HTXNN trong nước. Kinh tế hợp tác (chiếm phần lớn là HTXNN) là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, là một thành tố không thể thiếu trong chuỗi sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững; phát triển cộng đồng bảo đảm an sinh xã hội cho một bộ phận dân cư và trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn.

Tại Việt Nam, sau hơn 30 năm đổi mới, kinh tế nước ta có nhiều thay đổi tích cực, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, nền kinh tế tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và tụt hậu của nền kinh tế còn lớn. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động mạnh nhất của biến đổi khí hậu, các nguồn tài nguyên ngày càng suy giảm, thiên tai, dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội [9].

Việt Nam đã và đang tham gia ngày càng sâu rộng vào tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế với các cam kết mở cửa thị trường về thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư theo các hiệp định Mậu dịch tự do song phương, khu vực. Ngoài việc là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), nước ta đã tham gia 13 hiệp định Mậu dịch tự do, đặc biệt là đã ký kết Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại

tự do và Hiệp định bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA và IPA). Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế theo những hiệp định Mậu dịch tự do, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang mở ra cho nước ta nhiều cơ hội cũng như thách thức.

Những cơ hội: Các HTX có nhiều cơ hội được học hỏi, cọ sát và nâng cao năng lực; tiếp nhận công nghệ sản xuất và công nghệ quản lý mới. Thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là từ các đối tác lớn, có công nghệ nguồn. Mở rộng xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu nông sản và nông sản chế biến. Hội nhập cũng tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế nhất là vị thế trong khu vực.

Những thách thức: Cạnh tranh hàng hóa sẽ diễn ra rất gay gắt, cả thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm của Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các sản phẩm mới, kể cả sản phẩm nội địa và đặc biệt là sự xâm lấn của thị trường nước ngoài sau khi các hàng rào thuế quan dần được xóa bỏ theo các thoả thuận thương mại quốc tế mà Việt Nam tham gia. Những thuận lợi của thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” có thể sẽ không còn duy trì được lâu, kết hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 dẫn tới lợi thế lao động rẻ của Việt Nam sẽ không còn; lợi thế tài nguyên cũng đang giảm dần, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo là thách thức lớn thay thế nguồn lao động dồi dào trong xã hội, hàng triệu lao động có thể mất việc và phải chuyển đổi sang khu vực khác.

Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài, do vậy, khiến nền kinh tế dễ bị tổn thương trước những biến động của thị trường quốc tế như các cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới hay nạn khủng bố,... Thách thức khi không thích ứng với tình hình mới và bị tụt hậu ngày càng xa hơn về công nghệ. Khu vực KTTT, HTX phải đối mặt và giải quyết có hiệu quả vấn đề về chất lượng và cạnh tranh. Hiện nay, sản phẩm nông nghiệp

văn sản xuất nhỏ lẻ nên khâu kiểm soát sau thu hoạch còn yếu, thông tin về thị trường không cập nhật, không đáp ứng các tiêu chuẩn để xuất khẩu đi nước ngoài.

4.2. Mục tiêu và phương hướng hoàn thiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam đến năm 2030

4.2.1. Mục tiêu hoàn thiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam đến năm 2030

1) Mục tiêu chung

Hình thành được khuôn khổ chính sách hỗ trợ một cách đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp thực tế để thúc đẩy HTX trong nông nghiệp phát triển một cách tốt nhất, bền vững và toàn diện nhất.

2) Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu bắt đầu từ năm 2021, hàng năm HTXNN có số lượng thành viên tăng thêm 10%; tỉ lệ HTXNN hoạt động có hiệu quả tăng thêm 10% để trong giai đoạn 2020- 2030 số lượng thành viên tăng từ 4.000.000 thành viên (năm 2020) lên 9.431.791 thành viên (năm 2030); tỉ lệ HTXNN hoạt động có hiệu quả tăng từ 38% (năm 2020) lên 90% (năm 2030). Sau giai đoạn này, từ năm 2030 trở đi, Nhà nước sẽ dừng các chính sách khuyến khích phát triển mà chỉ tập trung xây dựng, duy trì, kiến tạo môi trường thuận lợi để các HTXNN tự thân phát triển.

4.2.2. Phương hướng hoàn thiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam đến năm 2030

1) Thay đổi phương thức từ hỗ trợ, ưu đãi HTXNN sang phương thức khuyến khích phát triển HTXNN trong hoạch định chính sách

Phải xác định rõ HTXNN tồn tại và phát triển là yếu tố khách quan và xuất phát từ nhu cầu "hợp tác" để mang lại lợi ích cho các thành viên và lợi nhuận cho HTX. Là tổ chức kinh tế tập thể có hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp,

HTXNN cần được đối xử bình đẳng như các thành phần kinh tế khác của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, tức là Nhà nước chỉ nên có các chính sách khuyến khích phát triển HTXNN một cách hài hoà mà không nên coi HTX là khu vực tập hợp của những người yếu thế cần "hỗ trợ, ưu đãi". Chỉ có như vậy mới tạo ra sự phát triển lành mạnh, bền vững cho khu vực HTX, phát huy tính tự chủ của HTXNN, hạn chế được tình trạng càng "hỗ trợ, ưu đãi" thì khu vực này càng thụ động và càng kém phát triển, hoặc khi Nhà nước dừng "hỗ trợ, ưu đãi" là HTXNN sẽ hoạt động kém hiệu quả, thậm chí dừng hoạt động hoặc giải thể như trước đây. Trong các văn bản chính sách nên sử dụng cụm từ "khuyến khích phát triển" thay cho cụm từ "hỗ trợ, ưu đãi". "Khuyến khích phát triển" là những hoạt động chính sách tạo động lực và những điều kiện thuận lợi để thúc đẩy khu vực HTXNN phát triển mạnh mẽ hơn. Hay nói cách khác, phương thức khuyến khích phát triển HTXNN là phải tác động vào đúng nhu cầu thực tế của HTXNN, đó là: Thiết lập thể chế phù hợp cho phát triển; xây dựng môi trường thông tin minh bạch; tạo điều kiện dễ dàng tiếp cận vốn, khoa học, công nghệ; hỗ trợ xây dựng thương hiệu và thông tin thị trường.

2) Điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện chính sách theo hướng có chọn lọc và trọng tâm, kích thích khởi nghiệp Hợp tác xã trong nông nghiệp, thúc đẩy sự phát triển bền vững của HTXNN

Những chính sách đang là rào cản hoặc chưa phù hợp với xu thế phát triển của Hợp tác xã trong nông nghiệp (như: Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; Chính sách hỗ trợ trực tiếp một khoản kinh phí sau khi thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Chính sách Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; Chính sách giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) nên dừng lại và không tiếp tục thực hiện. Những chính sách có tác động mạnh mẽ và lâu dài đến sự phát triển của Hợp tác xã trong nông nghiệp cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện và bổ sung theo hướng nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả như: hỗ trợ ứng

dụng khoa học công nghệ mới; tín dụng ngân hàng hỗ trợ phát triển hợp tác xã; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đối với hợp tác xã; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã; hỗ trợ chế biến sản phẩm; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

3) Việc hoạch định chính sách phát triển HTXNN phải dựa trên những thông tin đầu vào thống nhất, chuẩn xác, có mức độ tin cậy cao; bộ máy thực thi chính sách cần có tính tập trung, tinh gọn, đủ năng lực phát huy những mặt thuận lợi, triệt tiêu những nguyên nhân gây ra bất cập, hạn chế của chính sách trong thời gian qua

Lựa chọn đầy đủ đối tượng chính sách; cần có duy nhất 1 cơ quan tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê một cách thống nhất và khoa học các thông tin, số liệu để thiết lập các mục tiêu cụ thể và biện pháp chính sách; có phương thức nhận diện các HTXNN hoạt động đúng nguyên tắc HTX để có chính sách khuyến khích phát triển đúng địa chỉ; kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX; nâng cao năng lực hấp thụ chính sách của các HTXNN.

4.3. Các giải pháp hoàn thiện và thực thi chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam đến năm 2030

4.3.1. Nhóm giải pháp trong khâu hoạch định chính sách

4.3.1.1. Thay đổi quan điểm về hợp tác xã và sự hỗ trợ cho hợp tác xã

Quan điểm về hợp tác xã là một tổ chức kinh tế, có tư cách pháp nhân hiện nay là không còn phù hợp, bởi vì khi xem HTX, trong đó có HTX trong nông nghiệp là một tổ chức, có tư cách pháp nhân nó kéo theo HTX phải có một cơ cấu tổ chức rất đầy đủ, rất chặt chẽ gồm hội đồng quản trị, giám đốc, phó giám đốc, ban kiểm soát. Điều này làm cho các HTX trong nông nghiệp giảm tính linh hoạt của hợp tác xã. Vì thế, giai đoạn tới nên xem HTX, trong đó có HTX trong nông nghiệp là một tổ chức xã hội, khi đó việc thành lập hay giải thể HTX rất

nhANH chóng; cơ cấu tổ chức HTX rất gọn nhẹ.

Hiện nay, phần lớn chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp đang nặng về hỗ trợ về vật chất như vốn, đất đai... Vì thế, trong giai đoạn tới nên hỗ trợ nhiều hơn cho HTX trong nông nghiệp về khoa học kỹ thuật, tìm kiếm thị trường và nâng cao trình độ quản lý.

4.3.1.2. Nhà nước cần coi kiểm toán hợp tác xã là công cụ rất hữu hiệu để nhận diện đúng hợp tác xã, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hoạt động kiểm toán

Nhà nước hỗ trợ toàn bộ chi phí kiểm toán HTX, có các quy định bắt buộc trong hồ sơ thụ hưởng chính sách của HTXNN phải bao gồm báo cáo kiểm toán để nhận diện các HTXNN hoạt động đúng nguyên tắc HTX từ đó có chính sách khuyến khích phát triển đúng địa chỉ. Kiểm toán HTX có thể được sử dụng như một công cụ quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX. Kiểm toán có thể được sử dụng để báo cáo về trách nhiệm xã hội của HTX, HTXNN chỉ được thụ hưởng các chính sách khuyến khích phát triển của Nhà nước khi HTXNN hoạt động theo đúng bản chất của HTX và có thực hiện trách nhiệm xã hội. Do vậy, trách nhiệm xã hội của HTX cần phải được báo cáo một cách đáng tin cậy bằng việc kiểm toán. Mặt khác thông qua công tác kiểm toán, Nhà nước có thể xác định rõ được phần giao dịch nội bộ của HTX (giao dịch của HTX với thành viên) và phần dịch vụ cung ứng ra bên ngoài để có chính sách ưu đãi thuế cho HTX.

Ban hành những quy định cụ thể để triển khai xây dựng mối liên kết bốn nhà, trong đó hợp tác xã giữ vai trò trung gian, vai trò đại diện cho những người sản xuất là các hộ gia đình cá thể. Khuyến khích hình thức hợp tác giữa nhà sản xuất với nhà khoa học thông qua đơn đặt hàng và nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện chuyển giao khoa học kỹ thuật.

Thực hiện và tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã,

phù hợp bản chất (tránh bao cấp), nhu cầu, trình độ phát triển của tổ chức hợp tác xã và phù hợp với khả năng nguồn lực của nhà nước. Chính sách hỗ trợ phải mang lại lợi ích cho các thành viên của tổ chức kinh tế tập thể, hỗ trợ tổ chức hợp tác xã phát triển vững chắc, đồng thời bảo đảm phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm, tự vươn lên của tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã, tránh sự ỷ lại chính sách hỗ trợ của Nhà nước hoặc hạn chế tính tự chủ vươn lên của tổ chức hợp tác xã. Có chính sách ưu tiên đối với hợp tác xã trong nông nghiệp hoạt động ở những địa bàn khó khăn. Xây dựng và ban hành Nghị định riêng về HTXNN để có định hướng chính sách tập trung cho HTXNN, tránh bị phân tán.

4.3.1.3. Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của chính sách phát triển HTXNN và cơ sở dữ liệu về HTXNN

Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của chính sách phát triển HTXNN là một giải pháp quan trọng để kiểm chứng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính sách. Do đó cần nhanh chóng nghiên cứu xây dựng các nhóm tiêu chí đánh giá hiệu lực của chính sách, nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả riêng. Việc xây dựng tiêu chí đánh giá nên theo 2 nhóm, đó là:

- *Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu lực của chính sách phát triển HTXNN.* Nhóm này cần tập trung vào một số tiêu chí như: sự phát triển về số lượng thành viên của HTXNN; số lượng HTXNN và số thành viên liên kết sản xuất kinh doanh có hiệu quả; mức độ chuyển dịch cơ cấu HTXNN theo ngành nghề.

- *Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả của chính sách.* Nhóm này tập trung vào một số tiêu chí như: Mức gia tăng 1000 thành viên; duy trì hoạt động của một HTXNN; đồng lợi nhuận của HTXNN.

4.3.2. Nhóm giải pháp trong khâu tổ chức thực hiện chính sách

4.3.2.1. Tiếp tục tập trung tuyên truyền, tập huấn sâu rộng về pháp luật HTX

Đây là giải pháp của mọi giải pháp, là giải pháp trọng tâm và xuyên suốt trong thời gian tới. Tập trung giáo dục, đào tạo, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho toàn bộ hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và cho các tầng lớp nhân dân hiểu rõ Luật Hợp tác xã năm 2012, bản chất mô hình HTX kiểu mới, hiểu rõ các giá trị và 07 nguyên tắc hợp tác xã, vai trò và lợi ích của tổ chức HTX trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đặc biệt chú trọng tuyên truyền cho người dân hiểu được tam nông (nông nghiệp, nông dân, nông thôn) luôn là vấn đề chiến lược được Đảng và Nhà nước luôn quan tâm. Phát triển KTTT là nội hàm của tái cơ cấu nông nghiệp, HTXNN chính là liên kết của các hộ nông dân, phát triển KTTT, HTX không làm mất đi vai trò của kinh tế hộ mà còn nâng đỡ cho kinh tế hộ phát triển. Hiệu quả của HTX chính là hiệu quả của hộ gia đình, HTX phát triển thì đời sống hộ thành viên nói riêng và nông thôn nói chung tăng lên. Không có mô hình nào phù hợp với nông dân Việt Nam hơn mô hình HTX, không chỉ giúp nông dân thoát nghèo mà hoàn toàn có thể làm giàu.

4.3.2.2. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX

Các Bộ, ngành Trung ương kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, tránh tình trạng không có đơn vị hoặc cán bộ chuyên trách theo dõi về KTTT, HTX. Để việc thực thi chính sách mang tính tập trung, được quản lý chặt chẽ và khắc phục những bất cập về công tác quản lý, Chính phủ nên giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì làm đầu mối tổ chức thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển khu vực HTXNN. Phát huy vai trò của các thành viên Ban chỉ đạo Phát triển KTTT, HTX, chủ động và tích cực phối hợp giữa các ngành, địa phương để lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KTTT.

4.3.2.3. Cơ cấu lại nguồn lực thực hiện chính sách

Trong điều kiện nguồn ngân sách hạn hẹp, nhà nước cần cơ cấu lại các chính sách hỗ trợ, phát triển HTXNN theo hướng tập trung nguồn lực cho những chính sách thật sự mang lại hiệu quả phát triển bền vững HTXNN, dừng triển khai những chính sách không mang lại hiệu quả, không phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong giai đoạn tới hoặc những chính sách "lồng ghép" khó xác định được đối tượng thụ hưởng là HTXNN. Tránh tình trạng chính sách hỗ trợ ban hành cụ thể nhưng không có nguồn lực thực hiện cụ thể. Cần rà soát, khảo sát nhu cầu của các HTX để xây dựng dự toán kinh phí sát với nhu cầu, từ đó có lộ trình hỗ trợ HTXNN có hiệu lực, hiệu quả hơn. Theo đó, nội dung cơ cấu lại chính sách cần theo hướng sau:

- Những chính sách đầu tư phát triển, tạo động lực cho HTXNN phát triển bền vững cần được ưu tiên tập trung nguồn lực tối đa và thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động sau: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ mới đối với hợp tác xã; Chế biến sản phẩm; Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; Tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ PT HTX. Riêng Chính sách thành lập mới HTX, LH HTX, chỉ thực hiện các nội dung: Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật HTX trước khi thành lập HTX cho sáng lập viên HTX, tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX, tư vấn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của HTX theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Không thực hiện nội dung hỗ trợ kinh phí thành lập HTX ngay sau khi HTX được thành lập.

- Những chính sách phát triển chung đối với khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn nên đưa vào các chương trình Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Chương trình xây dựng nông thôn mới sẽ đem lại hiệu quả cao hơn như: Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí; Mua bảo hiểm nông nghiệp qua HTX; Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; Hỗ trợ đặc thù khác của địa phương.

- Những chính sách trên thực tế không mang lại nhiều hiệu quả, đối tượng thụ hưởng khó tiếp cận, khó xác định được đối tượng thụ hưởng cụ thể nên dùng triển khai thực hiện như: tạo điều kiện tham gia các chương trình PT KTXH; Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; Giao đất, thuê đất; Hỗ trợ máy móc, thiết bị sản xuất, kinh doanh.

4.3.2.4. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh phương thức hoạt động, bố trí đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu, chú trọng triển khai quyết liệt và có hiệu quả một số chính sách khuyến khích phát triển HTXNN như sau:

- *Chính sách Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.* Để khắc phục những bất cập về đầu mối tổ chức thực hiện chính sách [như đã nêu tại mục 3.2.3.i], Chính phủ nên giao Bộ NN&PTNT chủ trì (là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp) phối hợp với Liên minh HTX Việt Nam (vì có kinh nghiệm, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực đảm bảo các yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng) chịu trách nhiệm chính tổ chức thực hiện chính sách này. Cần xây dựng chiến lược và chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khu vực HTXNN. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khu vực này phải có sự phối hợp đồng bộ để bao quát hết đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng và có chương trình đặc thù cho các ngành, lĩnh vực, chuỗi giá trị khác nhau; đồng thời có đánh giá kịp thời để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch hợp lý trên cơ sở thế mạnh của từng ngành và các tổ chức có liên quan.

- *Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ mới đối với hợp tác xã.* Để khắc phục những bất cập về đầu mối tổ chức thực hiện chính sách [như đã nêu tại mục 3.2.3.iii], Chính phủ nên giao Bộ NN&PTNT chủ trì (là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp) phối hợp với các tổ chức khoa học, công nghệ (như các viện, trường, khu nông nghiệp công nghệ cao) chịu trách nhiệm chính tổ chức thực hiện chính sách này. Ưu tiên đầu tư, triển khai hỗ trợ các cơ chế, chính sách đồng bộ, theo chuỗi giá trị của sản phẩm nhằm hỗ trợ các hợp tác

xã phát triển các sản phẩm thuộc làng nghề truyền thống, đặc sản, ứng dụng KH&CN mới, nâng cao khả năng cạnh tranh, phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ thị trường trong và xuất khẩu.

- *Chính sách Chế biến sản phẩm.* Để khắc phục những bất cập của chính sách này [mục 3.2.3.ix], để chính sách đi vào cuộc sống nâng cao được tỉ lệ thụ hưởng chính sách, cần phải xem xét kết hợp linh hoạt nhiều hình thức đảm bảo như thế chấp, tín chấp (có thể dựa trên kết quả kiểm toán), rút ngắn và đơn giản hoá thủ tục thẩm định máy móc, thiết bị, dự án đầu tư đảm bảo điều kiện vay. Tăng thêm đầu tư cho công nghiệp bảo quản sau thu hoạch, các công nghiệp phụ trợ khác (kho tàng, bến bãi, vận chuyển, bao bì, đóng gói). Chú trọng và khuyến khích ứng dụng phát triển công nghệ bảo quản hiện đại, giảm nhanh tổn thất sau thu hoạch; chế biến nông lâm thủy sản, nhất là chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng.

- *Chính sách Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.* Để khắc phục những bất cập về đầu mối tổ chức thực hiện chính sách [như đã nêu tại mục 3.2.3.ii], Chính phủ nên giao Bộ NN&PTNT chủ trì (là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp) phối hợp với Bộ Công thương (là cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại và thị trường) chịu trách nhiệm chính tổ chức thực hiện chính sách này.

- *Chính sách tín dụng ngân hàng hỗ trợ phát triển hợp tác xã.* Theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô để điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt; ổn định các mức lãi suất điều hành để kiểm soát và điều tiết lãi suất thị trường phù hợp; thực hiện các giải pháp hỗ trợ các TCTD mở rộng tín dụng có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi và tháo gỡ khó khăn trong quan hệ tín dụng giữa TCTD và HTX; Chỉ đạo các TCTD tiếp tục tập trung vốn tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng đối

với ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó, chú trọng cho vay các mô hình HTX kiểu mới làm ăn có hiệu quả, theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm có thể mạnh, có giá trị thương mại cao, tác động lan tỏa tới nền kinh tế và số đông hộ nông dân. Các TCTD tiếp tục đa dạng hoá các hình thức huy động để mở rộng nguồn vốn cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn và khu vực HTX; Tiếp tục đổi mới quy trình, thủ tục cho vay theo hướng đơn giản và phù hợp với đối tượng khách hàng là các HTX, nhưng vẫn phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật và quản lý được chất lượng tín dụng.

4.4. Một số kiến nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước

4.4.1. Kiến nghị Quốc hội

Đề nghị Quốc hội giao các cơ quan hữu quan rà soát, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012 cho phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển kinh tế tập thể nói chung và hợp tác xã trong nông nghiệp nói riêng, tạo tiền đề cho sự phát triển HTXNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

4.4.2. Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng, các bộ ngành, địa phương liên quan

1) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện chính sách phát triển HTXNN trên cơ sở xác định rõ các yêu cầu về chính sách phát triển HTXNN ở Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Trong hoạch định chính sách, cần chú trọng các vấn đề: Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hoạt động kiểm toán, có các quy định bắt buộc trong hồ sơ thụ hưởng chính sách của HTXNN phải bao gồm báo cáo kiểm toán để nhận diện các HTXNN hoạt động đúng nguyên tắc HTX từ đó có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đúng địa chỉ; Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của chính sách phát triển HTXNN và cơ sở dữ liệu về HTXNN

2) Trong thực thi và duy trì chính sách, cần chú trọng các vấn đề: tiếp tục tập trung tuyên truyền, tập huấn sâu rộng về pháp luật HTX; tăng cường và nâng

cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX; cơ cấu lại chính sách theo hướng tập trung nguồn lực cho những chính sách thật sự mang lại hiệu quả phát triển bền vững HTXNN, không tiếp tục thực hiện những chính sách không mang lại hiệu quả, không phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong giai đoạn tới hoặc những chính sách "lồng ghép" khó xác định được đối tượng thụ hưởng là HTXNN; chú trọng triển khai quyết liệt và có hiệu quả một số chính sách khuyến khích phát triển HTXNN theo hướng bền vững.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong giai đoạn 2013 - 2019, chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp của Việt Nam tương đối đa dạng và được hình thành từ 11 chính sách cơ bản như: đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX; tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; giao đất, cho thuê đất; ưu đãi về tín dụng; hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ chế biến sản phẩm.

Chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam giai đoạn 2013 – 2019 đã đem lại một số thành quả nhất định, đó là: chính sách phát triển HTXNN góp phần gia tăng số lượng hợp tác xã trong nông nghiệp; làm ổn định hoạt động SXKD và nâng quy mô của từng hợp tác xã trong nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; có tác động tích cực trong việc mang lại hiệu quả kinh tế đối với thành viên tham gia HTX và các hộ liên kết.

Tuy nhiên, mức độ tác động của chính sách rất hạn chế và không rõ ràng; chính sách chưa đạt hiệu quả như mong muốn và chưa thực sự hướng đúng vào những đối tượng là HTXNN hoạt động theo đúng các nguyên tắc HTX. Những hạn chế, yếu xuất phát từ một số nguyên nhân: *Thứ nhất*, từ khâu hoạch định chính sách: phương thức tiếp cận trong hoạch định một số chính sách chưa phù hợp; các thông tin, số liệu để thiết lập các mục tiêu cụ thể và biện pháp chính sách chưa được điều tra, thống kê một cách thống nhất và khoa học; chưa có phương thức nhận diện được các HTXNN hoạt động đúng nguyên tắc HTX để có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đúng địa chỉ. *Thứ hai*, từ khâu tổ chức triển khai chính sách: bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX vừa yếu vừa thiếu và vừa

phân tán; chưa có phương thức hữu hiệu để xác định rõ được phần thu nhập miễn thuế và phần thu nhập chịu thuế đối với HTX; nguồn lực thực hiện chính sách chưa bố trí đủ theo phương án hoạch định chính sách. *Thứ ba*, từ nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách: khả năng tài chính và năng lực nội tại của thành viên HTX phần nhiều là yếu; ý thức tuân thủ pháp luật trong các hợp đồng kinh tế của các hộ cá thể kém; đa số các HTX có vốn ít, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết.

Để xử lý những hạn chế, yếu kém này, trong xây dựng và tổ chức triển khai chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp giai đoạn tới (2021 - 2030) cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau: *Thứ nhất*, đối với khâu hoạch định chính sách: đổi mới quan điểm về HTX và sự hỗ trợ cho các HTX; cần hoàn thiện lại khuôn khổ pháp luật và chính sách hỗ trợ, bắt đầu bằng việc sửa đổi, bổ sung Luật hợp tác xã năm 2012; ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hoạt động kiểm toán, Nhà nước hỗ trợ toàn bộ chi phí kiểm toán HTX; xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của chính sách phát triển HTXNN và cơ sở dữ liệu về HTXNN. *Thứ hai*, đối với khâu tổ chức thực hiện chính sách: tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã; tiếp tục rà soát, điều chỉnh phương thức hoạt động và tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi; bố trí đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu, chú trọng triển khai quyết liệt và có hiệu quả một số chính sách khuyến khích phát triển HTXNN.

2. Những hạn chế của luận án

Luận án nghiên cứu, đánh giá 11 chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp. Do cùng lúc đánh giá số lượng nhiều chính sách nên các nhận định, đánh giá ở một số nội dung chưa được sâu, nhất là đánh giá tính hiệu quả, hiệu lực của chính sách.

Phạm vi nghiên cứu của luận án là toàn quốc, trong khi nguồn lực thực hiện

luận án có hạn nên quy mô mẫu điều tra chưa nhiều, mức độ đại diện của mẫu điều tra còn hạn chế.

3. Kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo

Kết quả nghiên cứu chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp cho thấy, yếu tố quan trọng nhất trong việc hình thành khuôn khổ chính sách có hiệu quả hay không là quan điểm khuyến khích phát triển HTX trong nông nghiệp (khâu hoạch định chính sách) và bộ máy tổ chức triển khai chính sách (khâu thực hiện chính sách). Vì thế, các nghiên cứu sau này về chính sách phát triển HTX nói chung, HTX nông nghiệp nói riêng nên tập trung sâu hơn về hai vấn đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Ann Apps (2019), *Diễn đàn pháp lý Liên minh Hợp tác xã quốc tế khu vực Châu Á- Thái Bình Dương*, TP. Hồ Chí Minh 17/4/2019.
2. Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể và hợp tác xã (2019), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ Năm của Ban chấp hành Trung ương khóa IX (số 13-NQ/TW) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*, Hà Nội.
3. Ban Kinh tế Trung ương (2014), *Báo cáo kinh nghiệm của Trung Quốc giải quyết vấn đề tam nông và đô thị hóa*, Hà Nội.
4. Ban Kinh tế Trung ương (2017), *Việt Nam với cuộc cách mạng lần thứ tư*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
5. Ban Kinh tế Trung ương (2018a), *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề đặt ra đối với phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam*, Hà Nội.
6. Ban Kinh tế Trung ương (2018b), *Nghiên cứu khu vực lao động phi chính thức*, Hà Nội.
7. Ban Kinh tế Trung ương (2019a) *Báo cáo Diễn đàn kinh tế Việt Nam*, Hà Nội.
8. Ban Kinh tế Trung ương (2019b), *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về “chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*, Hà Nội.
9. Ban Kinh tế Trung ương (2019c), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về “Nông*

ng nghiệp, nông dân, nông thôn, Hà Nội.

10. Mai Anh Bảo (2015), *Đánh giá tác động của các yếu tố nội sinh đến kết quả hoạt động của các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng*, Luận án tiến sĩ, Trường đại học Kinh tế quốc dân.
11. Bộ Chính trị (2013), *Kết luận về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế thị trường*, Hà Nội.
12. Bộ Công thương (2018) *Báo cáo về 5 năm thực hiện Luật Hợp tác xã 2012*, Hà Nội.
13. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2012), *Tư tưởng HTX, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
14. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Một số nội dung cơ bản và các văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu về Hợp tác xã*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
15. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018), *Báo cáo về 5 năm thực hiện Luật Hợp tác xã*, Hà Nội.
16. Bộ Khoa học và Công nghệ (2018), *Báo cáo về 5 năm thực hiện Luật Hợp tác xã 2012*, Hà Nội.
17. Bộ Lao động Thương binh xã hội (2018), *Báo cáo về 5 năm thực hiện Luật Hợp tác xã 2012*, Hà Nội.
18. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), *Báo cáo về 5 năm thực hiện Luật Hợp tác xã 2012*, Hà Nội.
19. Bộ Tài chính (2018), *Báo cáo về 5 năm thực hiện Luật Hợp tác xã 2012*, Hà Nội.

20. Trịnh Đức Chiều (2019), *Thực trạng hoạt động của hộ kinh doanh ở Việt Nam*, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh>, truy cập ngày 07/02/2019.
21. Nguyễn Mạnh Cường và nhóm nghiên cứu (2015), *Củng cố và phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp kiểu mới trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài cấp bộ, Liên minh hợp tác xã Việt Nam.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011; 2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI; XII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT*, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Nghị quyết 26-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 Khóa IX về nông nghiệp, nông dân nông thôn*, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) *Cương lĩnh phát triển đất nước năm 2011*, Hà Nội.
26. Đỗ Phú Hải (2017), *Tổng quan về chính sách công*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
27. Nguyễn Hữu Hải và Phạm Thu Lan (2006), *Hoạch định và phân tích chính sách công*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
28. Harm Haverkort (2019), *Sự khác biệt trong khuôn khổ pháp lý giữa Hà Lan và Việt Nam*, Diễn đàn kinh tế hợp tác hợp tác xã năm 2019, Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội.
29. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2005), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Nhà xuất bản từ điển bách khoa.
30. Lê Văn Nghị, Phan Vĩnh Điền và Đỗ Bích Hương (2016), *Phát triển kinh tế tập thể trong 30 năm đổi mới ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính

trị quốc gia Sự thật.

31. Meriam binti Mat Nor (2019), *Diễn đàn pháp lý Liên minh hợp tác xã quốc tế khu vực Châu Á- Thái Bình Dương*, TP. Hồ Chí Minh 17/4/2019.
32. Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam (2016) *Việt Nam 2035*, Hà Nội.
33. Ngân hàng thế giới (2018), *Báo cáo Phát triển Việt Nam*, Hà Nội.
34. Nguyễn Minh Ngọc (2012), *Sự phát triển của HTX và vai trò của HTX đối với an sinh xã hội*, Nhà xuất bản Tri thức.
35. Nguyễn Thiện Nhân (2015), *Hợp tác xã kiểu mới: Giải pháp đột phá phát triển nông nghiệp Việt Nam*, <http://vca.org.vn/hop-tac-xa-kieu-moi-giai-phap-dot-pha-phat-trien-nong-nghiep-viet-nam-a11154.html>, truy cập ngày 06/8/2017.
36. Nguyễn Thiện Nhân (2017), *Phát triển HTX nông nghiệp đăng ký và tổ chức hoạt động hiệu quả theo Luật HTX 2012-khâu đột phá để tái cơ cấu nông nghiệp và nâng cao thu nhập bền vững cho người nông dân, Những hợp tác xã kiểu mới điển hình giai đoạn 2014-2016*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
37. Nguyễn Anh Phương (2016), *Quy trình chính sách và phân tích chính sách trong hoạt động lập pháp ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp - Viện Nghiên cứu Lập pháp, số 02+03: 306-307.
38. Hoàng Vũ Quang và nhóm nghiên cứu (2015) *Nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp phát triển các hợp tác xã trong nông, lâm, ngư nghiệp*, Đề tài cấp bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
39. Chu Tiến Quang (2003), *Kinh nghiệm hoạt động của một số hợp tác xã*

sau sáu năm thực hiện luật hợp tác xã, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

40. Chu Tiên Quang (2012), *Vai trò và giải pháp nâng cao vai trò của HTX đối với xã viên trong nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
41. Quốc hội (2012), *Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 và các văn bản dưới luật*, Hà Nội.
42. Lê Như Thanh và Lê Văn Hòa (2016), *Hoạch định và thực thi chính sách công*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
43. Nguyễn Đăng Thành (2015), *Đánh giá chính sách công ở Việt Nam: vấn đề và giải pháp*, <https://www1.napa.vn/blog/danh-gia-chinh-sach-cong-o-viet-nam-van-de-va-giai-phap.htm>, truy cập ngày 06/8/2017.
44. Phan Xuân Thắng (2015) *Nghiên cứu đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới giai đoạn 2013-2019 đối với HTXNN*, Đề tài khoa học cấp Ban, Liênminh Hợp tác xã Việt Nam.
45. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Nghị định 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*, Hà Nội.
46. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã*, Hà Nội.
47. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Nghị định 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp*, Hà Nội.

48. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015- 2020*, Hà Nội.
49. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX*, Hà Nội.
50. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 2016-2020”*, Hà Nội.
51. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định 461/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020*, Hà Nội.
52. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 về triển khai thi hành Luật Hợp tác xã*, Hà Nội.
53. The Asia Foundation (2014), *Cẩm nang hợp tác xã trong nông nghiệp*, Dự án xây dựng hiệp hội kinh doanh hiệu quả vì sự phát triển năng động và công bằng ở Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh.
54. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (2015), *Chính sách nông nghiệp Việt Nam*, <https://www.oecd.org/countries/vietnam/OECD-Review-Agricultural-Policies-Vietnam-Vietnamese-Preliminaryversion.pdf>, Truy cập ngày 18/9/2017.

55. Tổng cục Thống kê (2017), *Kết quả khảo sát mức sống dân cư*, NXB Thống kê.
56. Tổng cục Thống kê (2017), *Báo cáo khảo sát doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2011-2016*, Ấn phẩm thống kê năm 2017.
57. Tổng cục Thống kê (2019), *Tình hình kinh tế xã hội năm 2018*, <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=19037>, truy cập ngày 10/2/2019.
58. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 352/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 03 năm 2017 v/v: Thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã*, Hà Nội.
59. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Nghị định 98/2017/NĐ-CP Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương*, Hà Nội.
60. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Nghị định 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017, Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, Hà Nội.
61. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Nghị định số 15/2017/NĐ-CP Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, Hà Nội.
62. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ*, Hà Nội.
63. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*, Hà Nội.

64. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định 105/QĐ-TTg năm 2017 về công nhận Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành*, Hà Nội.
65. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 77/2015/QH13 Tổ chức chính quyền địa phương*, Hà Nội.
66. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg, Về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia*, Hà Nội.
67. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ*, Hà Nội.
68. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Nghị định số: 02/2017/NĐ-CP về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh*, Hà Nội.
69. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp*, Hà Nội.
70. Nguyễn Minh Tú (2011), *Mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu mới góp phần xây dựng xã hội hợp tác, đoàn kết, cùng chia sẻ sự thịnh vượng và quản lý một cách dân chủ*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
71. Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (2017), *Những hợp tác xã kiểu mới điển hình giai đoạn 2014 - 2016*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

II. Tài liệu tiếng Anh

72. Alfredo LÓPEZ et Carmen MARCUELLO (2006), *Agricultural cooperatives and economic efficiency*, NEW MEDIT N. 3/2006. Jel classification: Q130. University of Zaragoza, Spain.
73. Amelia Carr (2011), *A Study of the Organizational Characteristics of Successful Cooperatives*, Bowling Green State University Department of Management, BAA 3018 Bowling Green.
74. Bianchini, S., Couderc, J.P., and Marchini, A (2008) *Wine Cooperatives performance determinants : a comparative analysis between Italy and France*, Competitive paper, AIEA2 International Conference, Bologna, pp. 8-30.
75. Cames, A., Cottencin, L., Cutzach, L., Pintard, J.N., Richard, G., Saïsset, L.A., Touzard, J.M., and Traversac, S., (2002), *Recensement 2001 des caves coopératives : diversité des stratégies et des résultats économiques*, Agreste Languedoc-Roussillon, UMR 0951 Unité mixte de recherche innovation, changement technique, apprentissage et coordination dans l'agriculture et l'agroalimentaire, Centre de recherche de Montpellier, 34060 Montpellier, France
76. Cooperative Auditing Department of Thailand (2017), *Finacial information of Cooperative in Thailand 2017*, <https://www.cad.go.th/ewtadmin/ewt/statistic/download/information60/cooperative.pdf>, truy cập ngày 20/3/2018.

77. Cooperative Promotion Department of Thailand (2018), *Annual statistics of cooperative agricultural groups and vocational groups of Thailand 2018*, http://www.acedac.org/download/annual_stat_eng2016.pdf, truy cập ngày 20/2/2019.
78. Chambo, S.A (2009), *Agricultural Co-operatives: Role in Food Security and Rural Development*, New York: UN Department of Economic and Social Affairs, USA
79. Dowling, J. and Yap Chin-Fang (2012), *Chronic Poverty in Asia: Causes, Consequences and Policies*, © 2020 World Scientific Publishing Co Pte Ltd
80. Fiona Duguid; George Karaphillis (2019), *Economic Impact of the Co-operative Sector in Canada*, <https://canada.coop/sites/canada.coop>, truy cập ngày 11/2/2017.
81. Elena Garnevska, Guozhong Liu and Nicola Mary Shadbolt (2011), *Factors for successful development of Agricultural Cooperatives in Northwest China*, <https://www.researchgate.net/publication/227366459>, truy cập ngày 09/4/2017.
82. GF Ortmann & RP King (2010), *Agricultural Cooperatives I: History, Theory and Problems*, Agrekon, Vol 46, No 1, © 2008-2020 ResearchGate GmbH.
83. USDA Rural Development Business and Cooperative Services (2013) *Income Tax Treatment of Cooperatives Background*, Cooperative information report 44, part 1.
84. John W. Mellor et John W. Mel (2009), *Measuring Cooperative Success - New Challenges and Opportunities In Low- and Middle-Income*

- Countries. Measurements for Tracking Indicators of Cooperative Success (Metrics)*, <http://www.nrecainternational.coop/what-we-do/cooperative-development>, truy cập ngày 15/7/2017.
85. Kimberly A. Zeuli and Robert Cropp (2008), *Cooperatives: Principles and practices in the 21st century*, 2008-2020 ResearchGate GmbH.
86. Li Feng and George Hendrikse (2011), *Chain Interdependencies, Measurement Problems, and Efficient Governance Structure*, <https://www.researchgate.net/publication/228249003>, truy cập ngày 11/3/2017.
87. Marites A. Guinto and Takaaki Otahara (1999), *Role of government in development for Agricultural Cooperatives in Philippines*, Hokkaido University Collection of Scholarly and Academic Papers : HUSCAP
88. Maureen Casile (2014), *A study of the organizational characteristics of successful cooperatives*, <https://www.researchgate.net/publication/29094>, truy cập ngày 23/4/2016.
89. Mitchell, J. and Coles, C. (2011), *Markets and Rural Poverty: Upgrading in Value Chains*, Publisher(s): Earthscan, IDRC 2011-08-10.
90. Monica Juarez Adeler (2013), *Enabling Policy Environments for Co-operative Development A Comparative Experience*, Published by: University of Toronto Press on behalf of Canadian Public Policy.
91. Pauline Marois (2005), *Agricultural Cooperatives development policy in Quebec*, Ministère des Finances, de l'Économie et de la Recherche Quebec.
92. International Labor Organization (2010), *Policy and Regulatory Framework for Cooperative Development on the basis of the 2002 ILO*

Recommendation No. 193 on the Promotion of Cooperatives Hagen H e n r ỹ Presented by Constanze Schimmel, ILO Sub-Regional Knowledge Sharing Workshop on Cooperatives in the Arab States, Beirut.

93. Rankin, M.K. and Russell, I.W (2005), *Building Sustainable Farmer Cooperatives in the Mekong Delta, Vietnam: Is Social Capital the Key?* International Conference on Engaging Communities, Brisbane.
94. Valérie Barraud-Didier, Marie-Christine Henninger, Assâad El Akremi (2012), *The Relationship Between Members' Trust and Participation in the Governance of Cooperatives: The Role of Organizational Commitment*, International Food and Agribusiness Management Review Volume 15, Issue 1, 2012.
95. United Nations Department of Social Development Policy (2003) *Create and establish an environment for cooperative development*, <https://social.un.org/coopsyear/documents/MshiuCREATINGANENABLINGENVIRONMENTforCooperativeDevelopment.pdf>, truy cập ngày 17/2/2016.

III. Tài liệu Internet

96. [Http://vbpl.vn/tw/Pages/home.aspx?dvid=13](http://vbpl.vn/tw/Pages/home.aspx?dvid=13), truy cập ngày 10/4/2018.
97. [Http://chinhhsach.vn/chinh-sach-chinh-sach-cong-va-khoa-hoc-chinh-sach](http://chinhhsach.vn/chinh-sach-chinh-sach-cong-va-khoa-hoc-chinh-sach), truy cập ngày 13/4/2018.
98. [Https://www.co-oplaw.org/special-topics/policy/](https://www.co-oplaw.org/special-topics/policy/), truy cập ngày 28/7/2018
99. [Https://www.deutschland.de/en/topic/life/society-integration/cooperatives-in-germany](https://www.deutschland.de/en/topic/life/society-integration/cooperatives-in-germany), truy cập ngày 28/7/2018

100. <https://www.zennoh.or.jp/english/cooperatives/japancooper.html>,
truy cập ngày 28/7/2018
101. <https://ngkt.mofa.gov.vn/kinh-nghiem-phat-trien-hop-tac-xa-nong-nghiep-o-hoa-ky-phan-cuoi/> truy cập ngày 18/12/2018.
102. https://honhuhai.files.wordpress.com/2019/07/ld_10_2015.pdf
Nguyễn Mạnh Dũng. *Hợp tác xã nông nghiệp trên thế giới- Nhân tố quan trọng trong liên kết phát triển sản xuất của nông dân.*
103. <http://www.danangtimes.vn/Portals/0/Docs/3915419-Kinh%20nghiem%20pt%20htx%20o%20NB,%20DL,%20HQ.pdf>
truy cập ngày 21/12/2019

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Vũ Mạnh Hùng (2017), *Xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới trong cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới*, Tạp chí Cộng Sản (chuyên đề cơ sở), (128).
2. Vũ Mạnh Hùng (2017), *Một số vấn đề đặt ra trong xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới*, Tạp chí Cộng Sản, (898).
3. Vũ Mạnh Hùng (2016), *Đề tài khoa học cấp Ban (mã số KHBKT 2016-04): Thực trạng và định hướng phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam*, Ban Kinh tế Trung ương, Hà Nội.
4. Vũ Mạnh Hùng (2015), *Hệ thống tài chính vi mô: Công cụ xóa đói, giảm nghèo bền vững*, Tạp chí Tài chính, kỳ 2.
5. Vũ Mạnh Hùng (2015), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bằng hình thức doanh nghiệp liên kết với nông hộ có đất để tổ chức sản xuất kinh doanh sản phẩm cao su*, Kỷ yếu hội thảo khoa học “Đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”, Ban KTTW- Tạp chí cộng sản- Bộ nông nghiệp và PTNT hội thảo khoa học tháng 8/2015.
6. Vũ Mạnh Hùng (2014), *Tập trung đất đai để sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp*, Kỷ yếu hội thảo khoa học” Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, Ban KTTW- Tạp chí cộng sản- Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I. DANH MỤC VĂN BẢN LIÊN QUAN TỚI CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HTXNN

I. Các văn bản của Trung ương

1. Cương lĩnh phát triển đất nước (bổ sung và phát triển năm 2011).
2. Hiến pháp Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013).
3. Luật Hợp tác xã năm 2012
4. Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
5. Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo đó các HTX được bình đẳng tham gia vào kinh doanh vận tải bằng xe ô tô cùng với các đơn vị kinh doanh vận tải, tạo hành lang pháp lý minh bạch trong thị trường kinh doanh vận tải.
6. Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa.
7. Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 1/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư.
8. Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
9. Nghị định 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
10. Nghị định 58/2018/NĐ-CP, về bảo hiểm nông nghiệp.
11. Quyết định 461/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020
12. Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.
13. Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 2016-2020”.

14. Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.

15. Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Hợp tác xã.

16. Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ bảo đảm an toàn hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân.

17. Thông tư số 15/VBHN-NHNN ngày 21/05/2014 của Ngân hàng Nhà nước Hướng dẫn về tín dụng nội bộ hợp tác xã.

18. Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Ngân hàng nhà nước quy định về Quỹ tín dụng nhân dân

19. Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và báo cáo tình hình hoạt động.

20. Thông tư số 83/2015/TT- BTC ngày 28/05/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã.

21. Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã trong nông nghiệp.

22. Thông tư số 09/2016/TT-NHNN ngày 17/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Ngân hàng Hợp tác xã.

23. Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ, bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.

24. Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 5/7/2017 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân.

25. Thông tư số 24/2017/TT-BTC ngày 28/3/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

26. Quyết định số 1459/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2016 kèm theo Kế hoạch tăng cường thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

27. Quyết định số 1869/QĐ-BCT ngày 16/5/2016 của Bộ Công Thương giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Bộ, Sở Công Thương các tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan trên địa bàn thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 2016-2020”.

28. Quyết định số 3418/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/8/2015 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg về tiếp tục thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

29. Chỉ thị số 2940/CT-BNN-KTHT ngày 13/4/2016 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và PTNT về việc đẩy mạnh phát triển hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

II. Các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương liên quan đến tổ chức và hoạt động của hợp tác xã

1. Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

3. Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (trích).

4. Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung của Bộ Luật Lao động.

5. Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

6. Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

7. Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

8. Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

9. Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm HTX có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước.

10. Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

11. Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn.

12. Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

13. Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra.

14. Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

15. Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020.

16. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

17. Quyết định 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư.

18. Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21/03/2013 quy định về cơ chế chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (thực hiện theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

19. Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ hợp tác xã chế biến sản phẩm (thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp).

20. Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

21. Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

22. Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

23. Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định sắp xếp hạng Quỹ tín dụng nhân dân.

24. Quyết định số 710/QĐ-BNN-KTHT ngày 10/4/2014 phê duyệt Kế hoạch Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

25. Quyết định số 1443/QĐ-BNN-KTHT ngày 27/6/2014 về Chương trình hành động của Bộ nông nghiệp và PTNT thực hiện quyết định số 710/QĐ-BNN-KTHT.

26. Quyết định số 4930/QĐ-BNN-KTHT ngày 14/11/2014 về đổi mới tổ chức sản xuất phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020.

27. Chỉ thị số 05/CT-NHNN ngày 05/8/2015 của Ngân hàng Nhà nước về các giải pháp nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn hệ thống hoạt động tổ chức tín dụng là hợp tác xã, phê duyệt phương án cơ cấu lại Ngân hàng Hợp tác xã, thực hiện tái cơ cấu hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân.

III. Một số văn bản các địa phương

1. Quyết định số 3527/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Đề án triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa nông dân với các đối tác kinh tế khác trong nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Kế hoạch số 1475/KH-UBND ngày 23/9/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về triển khai Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

3. Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2015-2020.

4. Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020.

5. Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2014-2020.

6. Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 8/7/2015 của UBND tỉnh Hòa Bình về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2015-2020.

7. Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 09/7/2014 của UBND thành phố Hà Nội về triển khai thi hành Luật HTX trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2016.

8. Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 08/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

9. Chương trình hành động số 50-CTr/TU ngày 17/01/2014 của Tỉnh ủy Hải Dương về triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị.

10. Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về chuyển đổi các HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX năm 2012 giai đoạn 2014-2016 của tỉnh Thái Bình.

11. Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 15/6/2015 của UBND tỉnh Thái Bình về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020.

12. Kế hoạch số 3571/KH-UBND ngày 15/6/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2016-2020.

13. Kế hoạch số 6601/KH-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc Tổng điều tra HTX và hỗ trợ tổ chức lại, chuyển đổi HTX nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

14. Chương trình hành động số 893/Ctr-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

15. Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp Nam Định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2014-2020.

16. Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt Đề án Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp Nam Định.

17. Kế hoạch số 69/KH-BCĐ ngày 15/6/2016 của Ban Chỉ đạo phát triển KTTT tỉnh Ninh Bình về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Luật HTX 2012.

18. Kế hoạch số 2270/KH-UBND ngày 24/12/2013 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU của Tỉnh ủy Hà Nam về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.

19. Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 03/3/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012.

20. Kế hoạch số 7344/KH-UBND ngày 30/9/2014 của UBND thành phố Hải Phòng phân công nhiệm vụ cho các quận, huyện, sở ngành về phát triển nâng cao hiệu quả KTTT tại Hải Phòng.

21. Kế hoạch số 3785/KH-UBND ngày 28/8/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

22. Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

23. Văn bản số 808/UBND-KTN ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai Luật HTX năm 2012 trong việc chuyển đổi mô hình HTX.

24. Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Đề án đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020.

25. Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 05/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về mục tiêu, kế hoạch phát triển HTX đến năm 2020.

26. Quyết định số 2100/2015/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Kế hoạch Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp giai đoạn 2015-2020.

27. Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 01/10/2013 về thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.

28. Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn.

29. Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 về việc phê duyệt Đề án phát triển HTX tỉnh Lào Cai giai đoạn 2013-2015.

30. Kế hoạch số 177/KH-BCĐ ngày 29/10/2014 của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT tỉnh Lào Cai về triển khai thi hành Luật HTX 2012 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

31. Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

32. Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt Đề án xây dựng HTX kiểu mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

33. Quyết định số 419/2015/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về Quy chế phối hợp giữa cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, HTX, LH HTX trên địa bàn tỉnh.

34. Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 31/8/2013 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc quy định mức chi hỗ trợ các sáng lập viên HTX chuẩn bị thành lập và các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của HTX trên địa bàn tỉnh.

35. Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp giai đoạn 2014-2020.

36. Kế hoạch số 2091/KH-UBND ngày 11/6/2013 của UBND tỉnh Phú Thọ về phát triển KTTT tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2013-2015.

37. Kế hoạch số 2274/KH-UBND ngày 15/6/2015 về phát triển KTTT tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020.

38. Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 12/7/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.

39. Văn bản số 1551/UBND-NNTNMT ngày 29/5/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của HTX trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

40. Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về thành lập và phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Giang.

41. Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.

42. Văn bản số 5841/UBND-NL ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.

43. Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động HTX nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015-2020.

44. Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 13/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về đẩy mạnh phát triển kinh tế HTX trên địa bàn tỉnh.

45. Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Luật HTX năm 2012.

46. Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển HTX tỉnh Nghệ An giai đoạn 2014-2020.

47. Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về tuyên truyền, phổ biến Luật HTX năm 2012.

48. Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc triển khai Chương trình hành động và Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.

49. Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2016-2020.

50. Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt Đề án phát triển KTTT thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020.

51. Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích HTX giai đoạn 2014-2020.

52. Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Quảng Ngãi.

53. Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức HTX trên địa bàn tỉnh đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

54. Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.

55. Văn bản số 5468/UBND-TH ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai Nghị định số 193/NĐ-CP, Chỉ thị số 56-CT/TU ngày 18/8/2015 về việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp.

56. Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX 2012.

57. Văn bản số 2398/UBND-KT ngày 23/6/2014 của UBND tỉnh Phú Yên chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Luật HTX 2012.

58. Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc đẩy mạnh phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.

59. Kế hoạch số 2734/KH-UBND ngày 21/5/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng triển khai chương trình, kế hoạch tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

60. Kế hoạch số 3526/KH-UBND ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng về triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012.

61. Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 25/02/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020.

62. Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 12/01/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về đẩy mạnh phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.

63. Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 13/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về kế hoạch phát triển HTX giai đoạn 2016-2020.

64. Kế hoạch số 1647/KH-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX.

65. Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 33-KH/TU của Tỉnh ủy Đắk Nông.

66. Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 13/7/2015 về hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2016-2020.

67. Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý HTX, THT trên địa bàn tỉnh, phân định trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan trong công tác quản lý nhà nước đối với HTX, THT.

68. Quyết định số 3521/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020.

69. Quyết định số 5512/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

70. Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về Quy chế phối hợp hoạt động trong phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh.

71. Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trên lĩnh vực nông nghiệp.

72. Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về phát triển KTTT 5 năm 2016-2020.

73. Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020.

74. Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013.

75. Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 06/9/2014 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc triển khai thực hiện Luật HTX 2012.

76. Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án củng cố, phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

77. Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 07/6/2012 quy định mức chi hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX, THT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

78. Văn bản số 4542/UBND-KHTH ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012.

79. Kế hoạch số 3797/KH-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020.

80. Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TU ngày 19/12/2013 của Tỉnh ủy và triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

81. Văn bản số 913/UBND-VP ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.

82. Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Kế hoạch phát triển KTTT 05 năm giai đoạn 2016-2020.

83. Chương trình hành động số 251/CTr-UBND ngày 27/5/2016 thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tịa vùng Đồng bằng sông Cửu Long” tại An Giang giai đoạn 2016-2020.

84. Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh Bạc Liêu về phát triển KTTT giai đoạn 2016-2020.

85. Văn bản số 4073/UBND-KT ngày 10/11/2016 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với KTTT trên địa bàn tỉnh.

86. Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 01/12/2014 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển đổi các HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012.

87. Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về phát triển KTTT tỉnh Cà Mau 5 năm giai đoạn 2016-2020.

88. Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế phối hợp hoạt động lĩnh vực KTTT trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

89. Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2015-2020.

90. Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch phát triển KTTT giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

91. Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh.

92. Kế hoạch số 1081/KH-UBND ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh Bến Tre về việc chuyển đổi các HTX trên địa bàn tỉnh theo Luật HTX 2012.

93. Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của UBND tỉnh Bến Tre quy định mức hỗ trợ cho cán bộ, thành viên được HTX cử đi đào tạo tập trung trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

94. Kế hoạch số 60/KH-UBND Ngày 25/5/2015 của UBND thành phố Cần Thơ về hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.

95. Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 03/7/2015 của UBND thành phố Cần Thơ về phát triển KTTT 5 năm giai đoạn 2016-2020.

96. Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của HTX trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014-2016 và định hướng đến 2020.

97. Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt Kế hoạch Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020.

98. Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 26/03/2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về củng cố và nâng cao chất lượng KTTT giai đoạn 2016-2020.

99. Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 28/07/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp quy định một số chính sách ưu đãi và mức chi hỗ trợ phục vụ cho phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

100. Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND tỉnh Long An phê duyệt Đề án phát triển KTTT tỉnh Long An đến năm 2020.

101. Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh Long An phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

102. Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang về Quy chế phối hợp trong phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Phụ lục 1

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT
TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP**

(Mẫu phiếu điều tra HTX)

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP TÁC XÃ

Tỉnh:; huyện:; xã

Tên Hợp tác xã:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Họ tên người cung cấp thông
tin:

Chức vụ trong

HTX:

1. Phân loại HTX theo lĩnh vực hoạt động hiện tại (1 = Trồng trọt; 2 = Chăn nuôi; 3 = dịch vụ, 4 = tổng hợp)	
2. Hợp tác xã được thành lập mới (sau 2012) hay chuyển đổi (Thành lập mới sau Luật 2012 = 1; Hợp tác xã chuyển đổi từ mô hình cũ = 2)	
3. Năm thành lập mới HTX hoặc chuyển đổi (ghi đủ 4 số)	
4. Tổng số thành viên HTX năm 2018 (Thành viên HTX gồm cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có nhu cầu hợp tác, tự nguyện gia nhập và góp vốn gia nhập)	
5. Tổng số lao động làm việc thường xuyên cho HTX trong năm 2018 là bao nhiêu người? (Lao động làm việc thường xuyên cho HTX gồm thành viên HTX và lao động lao động do HTX thuê), trong đó:	
5a. Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	
5b. Số lao động thường xuyên do HTX thuê	
6. Hợp tác xã có ký hợp đồng lao động với lao động làm việc cho HTX không? (Có = 1; Không = 2), cụ thể:	
6a. Số thành viên được HTX ký hợp đồng lao động (năm 2018)	
6b. Số lao động làm việc thường xuyên do HTX thuê được ký hợp đồng lao động (2018)	

PHẦN B. THÔNG TIN NỘI BỘ HTX

1. HTX được thành lập mới hoặc được chuyển đổi theo Luật HTX 2012 từ năm nào:.....

2. Trình độ và kinh nghiệm của cán bộ quản lý chủ chốt trong HTX

	Chức vụ trong HTX	Tu ổi	Trình độ văn hóa (Lớp... /12)	Trình độ: <i>1. Sơ, trung cấp</i> <i>2. Cao đẳng</i> <i>3. ĐH và trên ĐH;</i> <i>4. Không</i>	Tham gia công tác chính quyền, đảng, đoàn thể <i>1. Có</i> <i>2. Không</i>
		<i>a</i>		<i>c</i>	<i>d</i>
1	Chủ tịch HĐQT				
2	Giám đốc (trường hợp không kiêm chủ tịch HĐQT)				
3	Trưởng Ban kiểm soát (hoặc cán bộ kiểm soát)				
4	Kế toán trưởng				

3. Trong quá trình thành lập mới hoặc chuyển đổi, HTX gặp những thuận lợi, khó khăn gì?

Nội dung	Thuận lợi <i>1.Có</i> <i>2.Không</i>	Khó khăn <i>1.Có</i> <i>2.Không</i>
1. Về Rà soát, điều chỉnh các quy định của Điều lệ và các quy chế nội bộ HTX theo quy định của Luật HTX 2012		
2. Về tổ chức đại hội thành viên để quyết định việc thay đổi Điều lệ và các quy chế của HTX		
3. Về xây dựng phương án SXKD mới		
4. Về xử lý các quan hệ về tài sản, vốn, quỹ		
5. Về huy động vốn góp mới theo yêu cầu của phương án SX KD mới.....		

6. Về lập hồ sơ để làm thủ tục chuyển đổi/đăng ký lại HTX		
7. Những vướng mắc khác...		

4. Điều tra, nắm bắt nhu cầu của thành viên để xây dựng phương án SXKD như thế nào?

- ☐ Trực tiếp tại Đại hội thành viên;
- ☐ Gián tiếp thông qua phiếu đề đạt nhu cầu được phát tới thành viên trước khi tổ chức Đại hội
- ☐ Phương thức khác.....

5. HTX phát triển các dịch vụ và thu hút thành viên tham gia sử dụng dịch vụ do HTX cung cấp bằng cách nào? (có thể tích vào nhiều nội dung trong các nội dung sau)

- ☐ Cung ứng dịch vụ, vật tư, sản phẩm đảm bảo chất lượng;
- ☐ Cung cấp đúng thời gian;
- ☐ Có cho nợ tiền/ứng trước vật tư, dịch vụ
- ☐ Thời gian phải trả nợ lâu
- ☐ Tiêu thụ sản phẩm do thành viên làm ra với giá cao hơn giá do thành viên tự tiêu thụ
- ☐ Phương thức thanh toán thuận lợi;
- ☐ Ký hợp đồng với thành viên và thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng
- ☐ Thu mua tận ruộng/tận trang trại/tận nhà thành viên
- ☐ Trao đổi, bàn bạc dân chủ/ tôn trọng ý kiến các thành viên
- ☐ Đến tận các cá nhân/hộ để trao đổi ý kiến, vận động các thành viên thực hiện chủ trương/hoạt động của HTX
- ☐ Lý do khác (nêu rõ).....

6. Theo kinh nghiệm thực tiễn của HTX, khi nào thì HTX được xem là hoạt động tốt?

a. Bộ máy quản trị (quản lý) HTX

- ☐ Bộ máy Hội đồng quản trị có phẩm chất tốt, có năng lực quản lý các vấn đề của HTX;
- ☐ Sâu sát hoàn cảnh thành viên và biết cách thúc đẩy mọi thành viên tham gia vào các hoạt động của do HTX tổ chức ra;
- ☐ Có khả năng đưa ra chiến lược phát triển HTX phù hợp với năng lực và nguyện vọng của thành viên;
- ☐ Khác.....

b. Bộ máy điều hành hoạt động của HTX sau chuyển đổi

- ☐ Giám đốc điều hành có năng lực, nhận thức tốt về các biện pháp hoạt động thành công của HTX;

- ☐ Biết nắm bắt và tổ chức đáp ứng đúng nhu cầu của thành viên;
- ☐ Biết xây dựng kế hoạch hoạt động của HTX 3 năm, từng năm, từng quý và từng tháng;

☐

Khác.....

.....

c. Tập thể thành viên HTX

- ☐ Xây dựng được tập thể thành viên có tinh thần hợp tác, xây dựng HTX;
- ☐ Hình thành cam kết tập thể về duy trì HTX và phát triển HTX lâu dài;
- ☐ Các thành viên sẵn sàng chia sẻ khó khăn, đoàn kết và cùng thỏa mãn các nhu cầu;

☐

Khác.....

.....

d. Giúp đỡ từ bên ngoài (Đảng ủy, UBND xã, các cơ quan, tổ chức QLNN và Liên minh HTX) ☐ Sự hỗ trợ, tạo điều kiện của chính quyền địa phương để HTX thực sự tự chủ trong hoạt động dịch vụ và kinh doanh như một doanh nghiệp tập thể trong thị trường);

- ☐ Sự hỗ trợ về vốn;
- ☐ Sự hỗ trợ về khoa học kỹ thuật;
- ☐ Sự hỗ trợ về việc làm;
- ☐ Hỗ trợ về hạ tầng;

☐

Khác.....

.....

PHẦN C. NGUỒN LỰC VÀ TÀI SẢN CỦA HỢP TÁC XÃ

Nội dung	Trước khi có Luật 2012	Hiện tại (Năm 2018)
7. Hợp tác xã có trụ sở làm việc riêng không? (Có =1; Không=2)		
Nếu có thì nguồn gốc ở đâu (Được nhà nước giao đất =1; Tự đầu tư =2; Đi thuê =3)		
Nếu có thì tổng diện tích khuôn viên trụ sở là bao nhiêu (m ²)?		
Nếu có thì có được cấp Giấy CN quyền sử dụng đất không? (Có =1; Không=2)		
Nếu Không có trụ sở riêng thì HTX làm việc ở đâu?		

(Nhờ UBND xã =1; Nhờ nhà cán bộ HTX =2; Khác.....=3)		
--	--	--

8. Tài sản của HTX

Chỉ tiêu	Mã số	Trước khi có Luật 2012	Hiện tại (Năm 2018)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		
A: TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và cho xã viên vay	120		
III. Các khoản phải thu	130		
IV. Hàng tồn kho	140		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		
B: TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230)	200		
I. Tài sản cố định	210		
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		
IV. Tài sản dài hạn khác	230		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		
A: NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		
I. Nợ ngắn hạn	310		
II. Nợ dài hạn	320		
B: VỐN CỦA HTX (400 = 410 + 430+440)	400		
I. Nguồn vốn kinh doanh (cụ thể; vốn điều lệ, vốn huy động, vốn bị chiếm dụng, hàng hóa chưa tiêu thị...tiêu thụ	410		
II. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	430		
III. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	440		

9. Trong quá trình tổ chức lại theo Luật HTX 2012, hợp tác xã có gặp vướng mắc gì về vấn đề tài sản do lịch sử để lại không? (Đánh dấu X vào ô trống)

☐.1 = Có

☐. 2 = Không

Nếu có thì đó là những vấn đề nào sau đây?:

- ☐ Thành viên không góp hoặc góp không đủ vốn theo quy định của Điều lệ;
- ☐ Tài sản xuống cấp, bỏ hoang không đánh giá được giá trị;
- ☐ Không có sổ sách theo dõi biến động tăng, giảm giá trị tài sản;
- ☐ Tài sản bị mất;
- ☐ Tài sản bị giải tỏa do Nhà nước triển khai các dự án phát triển hạ tầng;
- ☐ Khác.....

Cách giải quyết của HTX như thế nào?.....

10. Hiện nay Nhà nước đã giao tài sản công nào cho HTX trong số sau đây ? (tích và ghi rõ thời gian giao, biên bản giao?)

- ☐ Hệ thống thủy lợi
- ☐ Hệ thống điện phục vụ sản xuất.....
- ☐ Máy nông nghiệp.....
- ☐ Trụ sở làm việc
- ☐ Khác.....

PHẦN D. CƠ CHẾ VỐN GÓP VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN CỦA HTX

1.Số xã viên/thành viên đã góp đủ vốn theo quy định của điều lệ của HTX:

2.Tổng vốn điều lệ của HTX:

3.Vốn góp tối thiểu của 1 thành viên: ..

4.Vốn góp tối đa của 1 thành viên

5.Cơ chế góp vốn của các xã viên/thành viên HTX được quy định như thế nào?

- ☐ Góp vốn bằng nhau giữa các thành viên
- ☐ Không bằng nhau

6.Tổng số vốn góp của những người nhiều hơn 20% chiếm bao nhiêu % vốn điều lệ?

7.Trong số những người có vốn góp lớn hơn 20% vốn điều lệ thì có bao nhiêu thành viên thuộc Ban/Hội đồng Quản trị HTX? :

8.Tỷ lệ vốn góp của thành viên thuộc Ban quản trị là bao nhiêu % so với tổng số vốn góp của tất cả các xã viên (thành viên:

9.Tỷ lệ vốn góp của Trưởng BQT/Chủ tịch HĐQT so với Vốn điều lệ của HTX (%) :

10.Tỷ lệ vốn góp của Giám đốc HTX so với Vốn điều lệ của HTX (%) :

11.Lợi nhuận của HTX (nếu có), sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật được ưu tiên phân bổ thế nào?

Các hình thức chia lợi nhuận	Thứ tự ưu tiên phân chia lợi nhuận <i>Ưu tiên nhất = 1</i> <i>Ưu tiên sau cùng = 3</i>	Tỷ lệ % trong tổng lợi nhuận (%)
Chia theo tỷ lệ vốn góp của xã viên/thành viên		
Chia theo công sức của xã viên/thành viên		
Chia theo mức độ sử dụng dịch vụ của xã viên/thành viên		

12. Phương thức chia lợi nhuận theo mức sử dụng dịch vụ được thực hiện như thế nào?

1. Phù hợp..... 2. Chưa phù hợp

PHẦN E. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HTX

1. HTX có xây dựng phương án SXKD ngắn hạn và trung hạn không? (Có = 1, Không = 2)
2. Ai soạn thảo phương án SXKD này? (HTX tự xây dựng = 1; Thuê tư vấn bên ngoài = 2)
3. Phương án SXKD có thông qua đại hội thành viên không? (Có = 1; Không = 2) a.
4. Nếu có thì thông qua bằng phương thức nào? (Thông qua theo quy định của Luật = 1; Kết hợp giữa Luật và các điều kiện thực tiễn của HTX = 2)

4. Những hoạt động của HTX

#	Các hoạt động của HTX	Trước khi có Luật 2012	Hiện tại (Năm 2018)
I	Dịch vụ phục vụ SX		
1	Cung cấp giống cây trồng		
2	Cung cấp phân bón các loại		
3	Cung cấp hóa chất BVTN		
4	Gieo sạ hạt		
5	Thủy lợi (tưới, tiêu)		

#	Các hoạt động của HTX	Trước khi có Luật 2012	Hiện tại (Năm 2018)
6	Dịch vụ BVTV (phun xịt, tư vấn kỹ thuật)		
7	Dịch vụ làm đất		
8	Dịch vụ thu hoạch		
9	Dịch vụ vận chuyển nông sản		
10	Dịch vụ bốc, dỡ hàng hóa		
11	Sấy sản phẩm		
12	Bảo quản, kho chứa		
13	Kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình kỹ thuật		
14	Cung cấp giống vật nuôi		
15	Cung cấp TACN (GSGC, TS)		
16	Cung cấp thuốc thú y		
17	Cung cấp dịch vụ thú y		
18	Dịch vụ khác (ghi rõ:.....)		
II	Dịch vụ đầu ra sản phẩm		
19	Kí hợp đồng với DN, HTX để tiêu thụ SP cho thành viên		
20	Thu mua sản phẩm trực tiếp từ thành viên		
21	Sơ chế, chế biến SP		
III	Dịch vụ công ích nông thôn		
22	Dịch vụ điện		
23	Dịch vụ cung ứng nước sạch		
24	Dịch vụ vệ sinh môi trường		
25	Dịch vụ việc làm		
26	Dịch vụ công ích khác		
IV	Dịch vụ kinh doanh khác		
27	Vận tải (hàng hóa, hành khách)		
V	Dịch vụ tín dụng nội bộ		
VI	Sản xuất tập trung		

5. Các hoạt động tham gia liên kết của HTX

1. HTX ký hợp đồng với i các DN, tổ chức, cá nhân...) để cung cấp đầu vào (giống, phân bón, thuốc BVTV...) cho SXNN của xã viên không? (Có =1; Không =2)

a. Chưa chuyển đổi: b. Sau chuyển đổi:
2. HTX có ký hợp đồng với DN, tổ chức, cá nhân....) để chế biến sản phẩm do xã viên làm ra không? (Có =1; Không =2) a.Chưa chuyển đổi: b.Sau chuyển đổi:
3. HTX có liên kết với doanh nghiệp, tổ chức và các tác nhân kinh tế khác để tiêu thụ sản phẩm tươi sống do thành viên sản xuất ra không? (Có =1; Không =2) a. Chưa chuyển đổi: b. Sau chuyển đổi:
4. HTX liên kết với các HTX khác để mở rộng quy mô hàng hóa nông sản tiêu thụ theo nhu cầu của các DN, tổ chức sử dụng hàng nông sản không (bếp ăn tập thể, Nhà hàng)? (Có =1; Không =2) a. Chưa chuyển đổi: b. Sau chuyển đổi:
5. HTX có liên kết với DN hoặc tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận không? (lập trạm bán xăng dầu, tổ chức các dịch vụ may mặc, cắt tóc, trang điểm, làm đẹp cho người dân địa phương)? (Có =1; Không =2) a.Chưa chuyển đổi: b.Sau chuyển đổi:
6. HTX liên kết với DN, tổ chức khác để tạo việc làm cho thành viên không? (Có =1; Không =2) a. Chưa chuyển đổi: b. Sau chuyển đổi:
7. HTX có ký hợp đồng với DN, tổ chức, cá nhân để cung ứng sản phẩm/dịch vụ phục vụ đời sống, tiêu dùng của thành viên? (Có =1; Không =2) a.Chưa chuyển đổi: b.Sau chuyển đổi:

PHẦN F. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HTX

Doanh thu và lợi nhuận của HTX

#	Chỉ tiêu	ĐVT	Trước khi có Luật 2012	Hiện tại (Năm 2018)
1	Tổng doanh thu	1000 đ		
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	1000 đ		

3	Tổng số tiền thuế thu nhập HTX đóng	1000 đ		
4	Số tiền lãi sau thuế	1000 đ		
5	Tổng số tiền lãi của HTX phân bổ vào các quỹ của HTX	1000 đ		
6	Tổng số lợi nhuận của HTX dành chia cho thành viên	1000 đ		
	Trong đó			
6a	Số tiền lợi nhuận dành chia theo tỉ lệ vốn góp của thành viên	1000 đ		
6b	Số tiền lợi nhuận dành chia theo công sức lao động	1000 đ		
6c	Số tiền lợi nhuận dành chia theo mức độ sử dụng dịch vụ của thành viên	1000 đ		

PHẦN G. HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC CHO HỢP TÁC XÃ

1. Trong 5 năm gần đây (2013-2019), HTX đã được nhận những hỗ trợ nào từ nhà nước?

#	Nhóm hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	1. Có 2. Không	Mức độ được hỗ trợ (số người, số tiền (1000đ))
1	Hỗ trợ chuyển đổi và thành lập mới HTX	Hướng dẫn thành lập HTX		
2		Hướng dẫn làm thủ tục chuyển đổi HTX theo luật HTX 2012		
3	Đào tạo, tập huấn	Hướng dẫn về Luật HTX 2012		
4		Tập huấn về quản trị HTX		
5		Đào tạo, tập huấn về quản lý tài chính, kế toán HTX		
6		Tập huấn về xây dựng phương án SXKD		
7		Đào tạo, tập huấn về marketing sản phẩm		
8		Đào tạo, tập huấn về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, chế biến cho cán bộ quản lý		
9		Đào tạo, tập huấn cho thành viên HTX		

#	Nhóm hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	1. Có 2. Không	Mức độ được hỗ trợ (số người, số tiền (1000đ))
10		Đào tạo tập huấn khác		
11	Tiếp cận vốn	HTX có được vay vốn ưu đãi không		
12	Ưu đãi về thuế	HTX có được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập không?		
13		HTX có được hưởng ưu đãi về thuế GTGT không?		
14		HTX có được hưởng ưu đãi về tiền thuê đất không?		
15		HTX có được hưởng ưu đãi về thuế tài nguyên không?		
16	Chuyển giao KHCN, kỹ thuật	HTX có được hỗ trợ đăng kí thương hiệu nào không?		
17		HTX có được hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt nào không (GAP, hữu cơ, 1 tăng 5 phải, 3 giảm 3 tăng,...)		
18		HTX có được hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi không		
19		HTX có được hỗ trợ công nghệ chế biến không?		
20		HTX có được chuyển giao công nghệ nào khác nữa không?		
21	Cơ sở hạ tầng	HTX có được hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng nào không?		
22	Xúc tiến thương mại	HTX có được hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm để giới thiệu sản phẩm của HTX không?		
23		HTX có được hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông không?		
24		HTX có được hỗ trợ về bao bì, nhãn mác sản phẩm, xây dựng logo, trang web giới thiệu sản		

#	Nhóm hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	1. Có 2. Không	Mức độ được hỗ trợ (số người, số tiền (1000đ))
		phẩm không?		
25		HTX có được hỗ trợ hình thức khác để xúc tiến thương mại không?		
26		HTX có được hỗ trợ gì về đất trụ sở không?		
27		HTX có được hỗ trợ gì về đất sản xuất, kinh doanh không?		

PHẦN H. NHU CẦU HỖ TRỢ CỦA HTX

1. Hiện nay, HTX mong nhận được hỗ trợ gì?

1. Không cần hỗ trợ gì?

2. Hỗ trợ đăng kí lại HTX đúng luật HTX 2012;
3. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ HTX;
4. Hỗ trợ HTX tiếp cận vốn;
5. Hỗ trợ HTX tiêu thụ sản phẩm;
6. Hỗ trợ HTX thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ theo CĐL;
7. Hỗ trợ HTX áp dụng quy trình canh tác có chứng nhận.....;
8. Hướng dẫn HTX nắm được các quy định, chính sách nhà nước cho HTX;
9. Hỗ trợ HTX đăng kí thương hiệu?
10. Hỗ trợ HTX thuê đất sản xuất?
11. Hỗ trợ khác (ghi rõ).....

PHẦN J. VAI TRÒ HTX VỚI CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NTM

#	Vai trò của HTX	Đánh giá				
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Kém	Rất kém
1	Làm trung gian liên kết giữa ND với DN	5	4	3	2	1
2	Tăng kinh tế quy mô, tạo khối	5	4	3	2	1

	lượng SP đồng đều					
3	Giảm chi phí sản xuất	5	4	3	2	1
4	Tăng giá bán sản phẩm cho hộ ND	5	4	3	2	1
5	Áp dụng đồng bộ QTKT tiên tiến	5	4	3	2	1
6	Chia sẻ cung cấp dịch vụ công Nhà nước	5	4	3	2	1
7	Góp phần nâng cao đời sống, thu nhập của người dân, phát triển kinh tế	5	4	3	2	1
8	Tham gia quy hoạch và thực hiện quy hoạch: định hướng SX, dồn điền đổi thửa,	5	4	3	2	1
9	Phát triển hạ tầng kinh tế: giao thông, thủy lợi, điện, chợ nông thôn,....	5	4	3	2	1
10	Cấp nước sạch và VSMT nông thôn	5	4	3	2	1
11	Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, đảm bảo an ninh trật tự, quốc phòng	5	4	3	2	1
12	Khác	5	4	3	2	1

Phụ lục 2**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN
HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP****(Mẫu phiếu phỏng vấn cán bộ quản lý về HTX)**

Số phiếu:.....

Mã phiếu hỏi:.....

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ quan, cá nhân cung cấp thông tin:.....

2. Địa chỉ: Tỉnh:.....- Huyện:.....- Xã/P/Thị trấn:.....

3. Họ tên người cung cấp thông tin:.....

4. Số điện thoại:..... 5. Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG ĐIỀU TRA**I. Đánh giá thực trạng về tổ chức và phương thức hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn**

1. Xin hãy cho biết các, thuận lợi, vướng mắc mà các HTX gặp phải khi hoạt động theo Luật HTX 2012 và hướng xử lý:

Nội dung	Thuận lợi	Vướng mắc
1 Về góp vốn của thành viên		
2. Về yêu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên do HTX cung cấp		
3. Về giới hạn tỷ lệ cung cấp sản phẩm, dịch vụ của HTX ra bên ngoài		
4. Tình hình tài chính của HTX		
5. Cơ sở vật chất của HTX		
6. Tổ chức bộ máy quản lý và điều hành của HTX		

7. Quy mô và phương thức hoạt động của HTX		
8. Về phân phối lợi nhuận theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của HTX		
9. Về tỷ lệ trích lập các Quỹ của HTX		
10. Trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu hoạt động và tính ổn định của đội ngũ cán bộ chủ chốt của HTX		
11. Các văn bản hướng dẫn thực hiện của các cấp		
12. Thủ tục phải thực hiện để chuyển đổi và/hoặc đăng ký lại HTX		
13. Chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền tỉnh		
14. Chỉ đạo, điều hành của chính quyền huyện		
15. Triển khai ở chính quyền xã		
16. Nhận thức của thành viên HTX về HTX		
17. Những vấn đề khác...		

2. Ông/bà hãy cho biết những yếu tố tạo nên thành công trong vận hành tổ chức và phương thức hoạt động của HTX theo Luật HTX ở địa phương?
(chấm điểm từ 1 đến 5, tương ứng: 1=rất quan trọng; 2=quan trọng; 3=bình thường; 4=ít vai trò; 5=không có vai trò gì)

TT	Yếu tố thành công	Điểm
1	Thành viên chức danh tâm huyết tới hoạt động của HTX	
2	Thành viên phổ thông trong HTX thể hiện tinh thần làm	

	chủ HTX, quan tâm và tham gia vào các hoạt động của HTX	
3	HTX có đất đai làm trụ sở	
4	Đất đai cho sản xuất, kinh doanh	
5	HTX có đủ vốn để hoạt động	
6	Nguồn nhân lực tham gia các hoạt động dịch vụ, kinh doanh của HTX có trình độ và kinh nghiệm	
7	HTX có truyền thống hoạt động tốt	
8	Sự năng động, nhiệt tình và có trách nhiệm của bộ máy quản lý, điều hành HTX	
9	HTX có Điều lệ cụ thể, chi tiết và phân phát tới từng thành viên	
10	HTX xây dựng được Phương án SXKD phù hợp với năng lực quản lý, điều hành và thích ứng với nhu cầu thị trường	
11	Chỉ đạo của đảng, chính quyền địa phương trong hướng dẫn, động viên công tác chuyển đổi HTX	
12	Quan niệm, nhận thức đúng của thành viên về HTX theo Luật 2012	
13	Tập thể thành viên có tinh thần hợp tác, đoàn kết, cùng chung tay xây dựng HTX	
14	HTX có thị trường tiêu thụ sản phẩm do thành viên làm ra	
15	HTX được hoạt động như một tổ chức kinh tế độc lập (DN) trong dịch vụ thành viên và kinh doanh trên thị trường	
16	HTX có nhiều mối quan hệ tốt với khách hàng cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm do thành viên làm ra	
17	Tập thể thành viên HTX thống nhất nhận thức về sự cần thiết phải biết cạnh tranh và kinh doanh giỏi như các DN khác	

II. Thực trạng triển khai chính sách đối với HTX nông nghiệp ở địa phương

1. Tỉnh ủy, HĐND, UBND có ra nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động về phát triển HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp không?

Có=1

Không =2

2. Tại sao không ban hành? (Khoanh tròn vào lựa chọn)

a. Không cần thiết

b.Đang triển khai nhưng chưa đạt được sự thống nhất giữa các cơ quan phối hợp

c.Chưa làm

3.Đánh giá thực hiện các chính sách phát triển HTX nông nghiệp ở địa phương

TT	Chính sách	1. Khó khăn/ Vướng mắc 2. Không khó khăn/ vướng mắc	Giải thích
1.	Chính sách về tài chính tài sản do HTX quản lý trước tổ chức lại		
2.	Chính sách tuyên truyền thay đổi nhận thức về HTX kiểu mới		
3.	Chính sách chuyển đổi, hỗ trợ tổ chức lại, thành lập mới hợp tác xã		
4.	Chính sách đất đai		
5.	Chính sách ưu đãi tiếp cận vốn		
6.	Ưu đãi thuế		
7.	Đào tạo, nâng cao năng lực thành viên chức danh và thành viên phổ thông trong HTX		
8.	Chính sách hỗ trợ tiếp cận thị trường và tiêu thụ sản phẩm		
9.	Chính sách khoa học công nghệ		
10.	Chính sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng phục vụ SXKD		
11.	Tạo điều kiện để HTX tham		

	gia các CTMTQG, phát triển KT-XH ở địa phương		
12.	Chính sách hỗ trợ vốn, giống cây trồng vật nuôi khi bị thiên tai, dịch bệnh		
13.	Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm do thành viên làm ra		
14.	Chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác		

III. Đánh giá chung về vai trò HTX NN trên địa bàn trong quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng NTM ở địa phương

#	Vai trò của HTX	Đánh giá				
		<i>Rất tốt</i>	<i>Tốt</i>	<i>Bình thường</i>	<i>Kém</i>	<i>Rất kém</i>
1	Làm trung gian liên kết giữa ND với DN	5	4	3	2	1
2	Tăng kinh tế quy mô, tạo khối lượng SP đồng đều	5	4	3	2	1
3	Giảm chi phí sản xuất	5	4	3	2	1
4	Tăng giá bán sản phẩm cho hộ ND	5	4	3	2	1
5	Áp dụng đồng bộ QTKT tiên tiến	5	4	3	2	1
6	Chia sẻ cung cấp dịch vụ công Nhà nước	5	4	3	2	1
7	Góp phần nâng cao đời sống, thu nhập của người dân, phát triển kinh tế	5	4	3	2	1
8	Tham gia quy hoạch và thực hiện quy hoạch: định hướng SX, dồn điền đổi thửa,	5	4	3	2	1
9	Phát triển hạ tầng kinh tế: giao thông, thủy lợi, điện, chợ nông thôn,....	5	4	3	2	1
10	Cấp nước sạch và VSMT nông thôn	5	4	3	2	1
11	Tinh thần đoàn kết, tương thân	5	4	3	2	1

	tương ái, đảm bảo an ninh trật tự, quốc phòng					
12	Khác	5	4	3	2	1

Phụ lục 3

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP

(Mẫu phiếu phỏng vấn chuyên gia, nhà quản lý cấp Trung ương)

Số phiếu:.....

Mã phiếu hỏi:.....

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ quan chuyên gia:.....

2. Địa chỉ: Tỉnh:.....- Huyện:.....- Xã/P/Thị trấn:.....

3. Họ tên chuyên gia:.....

4. Số điện thoại:..... 5. Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG ĐIỀU TRA

I. Đánh giá thực trạng hoạch định chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam

Câu hỏi: Xin chuyên gia cho ý kiến của mình về thực trạng hoạch định Chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam (*chấm điểm từ 1 đến 5, tương ứng: 1=tốt; 2=khá; 3= bình thường; 4=kém; 5=rất kém*)

TT	Thực trạng hoạch định chính sách	Điểm
1	Tính kịp thời của việc ban hành một số văn bản hướng dẫn Luật HTX 2012?	
2	Mức độ rõ ràng, cụ thể của các quy định hướng dẫn trong văn bản chính sách?	
3	Tính phù hợp thực tế của các quy định trong văn bản chính sách?	
4	Sự phù hợp với mục tiêu phát triển chung của đất nước?	
5	Tính khả thi của chính sách?	
6	Mức độ tập trung có hệ thống của các văn bản chính sách?	

II. Đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam

Câu hỏi: Xin chuyên gia cho ý kiến của mình về thực trạng tổ chức thực hiện Chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam

(chấm điểm từ 1 đến 5, tương ứng: 1=tốt; 2=khá; 3= bình thường; 4=kém; 5=rất kém)

TT	Thực trạng tổ chức thực hiện chính sách	Điểm
1	Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phổ biến về pháp luật hợp tác xã và chính sách phát triển HTXNN?	
2	Mức độ nhận thức về vai trò của HTXNN của các cán bộ QLNN ở địa phương?	
3	Sự phối hợp giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách?	
4	Kết quả xây dựng, nhân rộng, phổ biến mô hình HTXNN kiểu mới ?	
5	Năng lực bộ máy thực hiện chính sách?	
6	Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã các cấp?	
7	Kết quả tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Luật của các HTX?	

III. Đánh giá mức độ tác động của chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam

Câu hỏi: Xin chuyên gia cho ý kiến của mình về mức độ tác động của chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam giai đoạn từ năm 2013 đến 2019 (chấm điểm từ 1 đến 5, tương ứng: 1=tốt; 2=khá; 3= không tác động; 4= xấu; 5=rất xấu)

TT	Các chính sách	Điểm
1	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực?	
2	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường?	
3	Ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới?	
4	Tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX?	
5	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội?	
6	Thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã?	
7	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng?	
8	Giao đất, cho thuê đất?	
9	Ưu đãi về tín dụng?	
10	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh?	
11	Hỗ trợ chế biến sản phẩm?	

IV. Đánh giá nhu cầu hỗ trợ thực tế của HTXNN

Câu hỏi: Xin chuyên gia cho ý kiến của mình về nhu cầu thực tế của đối tượng thụ hưởng chính sách phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp của Việt Nam (đánh dấu X vào ô cho ý kiến)

TT	Các nội dung hưởng lợi	Có	Không
1	Thế chế phù hợp cho phát triển?		
2	Sự minh bạch thông tin?		
3	Dễ dàng tiếp cận vốn?		
4	Khoa học, công nghệ?		
5	Thương hiệu, Thông tin thị trường?		
6	Các quy định phức tạp, phi thực tế, không rõ ràng?		
7	Không minh bạch?		
8	Bảo lãnh vay vốn ưu đãi, lãi suất thấp?		
9	Tham gia các đề án, dự án vốn ngân sách?		
10	Những nội dung khác?		

V. Đánh giá những yếu tố hưởng lợi chính sách của các tổ chức kinh tế trá hình HTXNN

Câu hỏi: Xin chuyên gia cho ý kiến của mình về những yếu tố nào của chính sách mà các tổ chức kinh tế trá hình HTXNN sẽ được hưởng lợi? (đánh dấu X vào ô cho ý kiến)

TT	Các nội dung hưởng lợi	Có	Không
1	Thế chế phù hợp cho phát triển?		
2	Sự minh bạch thông tin?		
3	Dễ dàng tiếp cận vốn?		
4	Khoa học, công nghệ?		
5	Thương hiệu, Thông tin thị trường?		
6	Các quy định phức tạp, phi thực tế, không rõ ràng?		
7	Không minh bạch?		
8	Bảo lãnh vay vốn ưu đãi, lãi suất thấp?		
9	Tham gia các đề án, dự án vốn ngân sách?		
10	Những nội dung khác?		

Phụ lục 4
KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HTXNN GIAI ĐOẠN 2013-2019
(Nguồn: NCS tổng hợp từ báo cáo của Bộ NN&PTNT; Bộ KH&ĐT
năm 2019)

Stt	Nội dung chính sách, hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Tỷ lệ thụ hưởng (%)	Kinh phí (Triệu đồng)		
					NSTW	NSDP	Tổng
1	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	Lượt người	83.511	2,1	47.987	415.943	463.930
2	Xúc tiến thương mại, mở rộng TT	HTX	1.260	10,51	3.344	27.230	30.574
3	Ứng dụng KHKT, công nghệ mới	HTX	3.698	30,86	7.914	59.500	67.414
4	Tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ PT HTX	HTX	5.006	41,78	58.834	634.567	693.401
5	Tạo điều kiện tham gia các chương trình PT KTXH	HTX	2.104	17,56	7.484	67.481	74.965
6	Thành lập mới HTX, liên hiệp HTX	HTX	5.339	44,55	4.680	22.524	27.204
7	Tổ chức lại hoạt động HTX, LHHTX	HTX	1.720	16,5	1.753	13.101	14.854
8	Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng	HTX	476	3,97	51.500	172.500	224.000
9	Giao đất, thuê đất						
a	Số HTX được giao đất, thuê đất	HTX	1.413	13,75	264	0	264
b	Tổng diện tích đất	ha	12.016		na	na	na
10	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch	HTX	327	3,18	14.337	28.673	43.010

	bệnh						
11	Máy móc, thiết bị sản xuất, kinh doanh	HTX	519	4,3	35.184	29.992	65.176
12	Chế biến sản phẩm	HTX	355	2,96	42.440	20.220	62.660
13	Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	HTX	200	1,67	1.504	80.196	81.700
14	Hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho cán bộ HTX	Người	11.198	2,92	16.774	50.323	67.097
15	Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí	HTX	131	1,1	0	898	898
16	Mua bảo hiểm nông nghiệp qua HTX	HTX	113	0,94	na	na	6.559
17	Hỗ trợ đặc thù khác của địa phương	HTX	10.996	91,8	0	39.315	39.315
	Tổng				272.218	1.712.433	2.101.317